

LUẬN VĂN:

**Tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố
Hà Nội: Một số khía cạnh pháp lý hình sự
và tội phạm học**



mở đầu

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử phát triển, vấn đề lợi ích vật chất luôn là tâm điểm của mọi xung đột trong xã hội. Bởi vậy, vấn đề bảo đảm quyền sở hữu các lợi ích vật chất cũng luôn được các nhà nước trên thế giới quan tâm. ở nước ta, quyền sở hữu được quy định và bảo hộ trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực: hình sự, dân sự... Trong Bộ luật dân sự, quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt của chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản của mình. Tất cả mọi cá nhân, tổ chức khác đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền của sở hữu chủ đó không phân biệt tôn giáo, giai cấp hay màu da. Nếu một chủ thể nào xâm phạm đến tài sản của chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ, kịp thời, tương ứng với thiệt hại xảy ra.

Trong pháp luật hình sự, quyền sở hữu được bảo vệ thông qua các quy định về các tội phạm xâm phạm sở hữu. Đây cũng là một trong những nhóm tội được quy định sớm nhất trong pháp luật hình sự trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng. Từ khi đất nước ta chuyển đại nền kinh tế theo cơ chế thị trường, diễn biến của tình hình tội phạm nói chung, cũng như các tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng hết sức phức tạp và ngày càng có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn về tài sản. Trong những năm qua, các cơ quan bảo vệ pháp luật tại thành phố Hà Nội tuy đã tích cực đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm sở hữu, nhưng việc điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này còn chưa kịp thời, chưa có quy mô, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm. Bởi vậy, loại tội phạm xâm hại sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp, gây dư luận không tốt cho xã hội, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với pháp luật, ảnh hưởng đến hình ảnh của thành phố Hà Nội.

Qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử, các tội phạm xâm phạm đến sở hữu luôn chiếm một số lượng lớn và rất phổ biến tại các địa phương, đặc biệt là các thành phố lớn. Qua lần pháp điển hóa lần thứ hai, Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 ra đời một lần nữa khẳng định chính sách hình sự của Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền sở hữu thông qua

các quy định tại chương XIV của Bộ luật. Trong đó, tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136 của BLHS năm 1999.

Vi vậy, việc nghiên cứu tội phạm cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, xác định các nguyên nhân, điều kiện của loại tội phạm này để từ đó có những biện pháp phòng, chống có hiệu quả là rất cần thiết. Trong phạm vi luận văn này, tôi xin đề cập đến "*Tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội: Một số khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học*".

2. Tình hình nghiên cứu

Hành vi cướp giật tài sản đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu khoa học về luật hình sự, trong các tập bình luận khoa học về luật hình sự, các luận văn thạc sĩ, tiến sĩ của một số tác giả nghiên cứu các nội dung liên quan đến đề tài các tội xâm phạm sở hữu trên các phương tiện khác nhau như đấu tranh phòng chống các tội cướp tại Việt Nam, tội trộm cắp tài sản, như bài viết "*Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999*" của TS. Trương Quang Vinh, trên Tạp chí Luật học (Trường Đại học Luật Hà Nội) số 4/2000; Luận án Tiến sĩ luật học của Nguyễn Ngọc Chí, năm 2000 về "*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*"; Luận văn thạc sĩ của Lê Thị Thu Hà, năm 2004 về "*Tội cướp giật tài sản theo luật hình sự Việt Nam: Một số khía cạnh pháp lý hình sự và tội phạm học*". Tuy nhiên, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu về tội cướp giật tài sản một cách có đầy đủ, có hệ thống về tình hình, nguyên nhân, điều kiện và các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thành phố Hà Nội là trung tâm văn hóa - kinh tế - chính trị của cả nước. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, tình hình tội phạm cướp giật có những diễn biến phức tạp và xu hướng ngày càng gia tăng không chỉ về số vụ mà cả về tính chất, hậu quả thiệt hại về tài sản, về tính mạng sức khỏe và tinh thần con người ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của thành phố Hà Nội với tư cách là Thủ đô của cả nước. Bởi vậy, luận văn nghiên cứu về thực trạng và diễn biến của loại tội phạm này ở Hà Nội. Trên cơ sở đó, tìm ra những nguyên nhân và điều kiện phạm tội, đưa ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách hữu

hiệu nhằm giảm bớt những thiệt hại xảy ra, đem lại sự tin tưởng vào pháp luật cho mọi người dân trên địa bàn Hà Nội, đồng thời tôn vinh hình ảnh Thủ đô trên trường quốc tế.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Mục đích của đề tài: trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và thực trạng tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản trên địa bàn Thủ đô Hà Nội để đưa ra các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này.

- Để đạt được mục tiêu trên, trong quá trình thực hiện đề tài tác giả đặt ra cho mình các nhiệm vụ sau đây:

a) Làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 136 BLHS năm 1999; thực tiễn xét xử loại tội này tại thành phố Hà Nội.

b) Phân tích làm sáng tỏ tình hình, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cướp giật tài sản cũng như và chỉ ra những vướng mắc, hạn chế trong việc đấu tranh, phòng, chống tội phạm này tại thành phố Hà Nội.

c) Đưa ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là: tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội tình hình, nguyên nhân và điều kiện cũng như các giải pháp đấu tranh, phòng chống tội phạm này.

- Phạm vi nghiên cứu: đề tài nghiên cứu trong phạm vi những vấn đề liên quan đến tội cướp giật tài sản dưới góc độ Luật hình sự và Tội phạm học trên địa bàn Hà Nội.

4. ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Trong phạm vi của mình, đề tài là một công trình nghiên cứu vừa có ý nghĩa về mặt lý luận, vừa có ý nghĩa về mặt thực tiễn đối với cuộc đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Về mặt lý luận: đề tài góp phần hoàn thiện nội dung quy định của Điều 136 BLHS năm 1999, đồng thời nó có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học pháp lý hình sự.

- Về mặt thực tiễn: những đề xuất giải pháp nêu trong luận văn sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Ngoài ra, đề tài có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các lực lượng tham gia phòng, chống loại tội phạm này không những ở Thủ đô Hà Nội mà còn trên địa bàn tỉnh, thành phố khác có điều kiện tương tự.

5. Điểm mới về mặt khoa học của luận văn

Lần đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện cùng một lúc dưới hai góc độ pháp luật hình sự - tội phạm học về tội cướp giật tài sản, đồng thời đã đưa ra các giải pháp đấu tranh phòng, chống hiệu quả đối với tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

6. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tội phạm nói chung, các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật của Nhà nước về quan điểm đấu tranh chống tội phạm trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam.

Đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học luật hình sự và tội phạm học như: phương pháp thống kê hình sự, phương pháp phân tích và so sánh, phương pháp tổng hợp. Ngoài ra, còn một số phương pháp khác cũng được áp dụng như: phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp chuyên gia...

Trong quá trình nghiên cứu các phương pháp này được vận dụng một cách linh hoạt và đan xen lẫn nhau để tạo ra kết quả nghiên cứu.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Tội cướp giạt tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Tình hình, nguyên nhân, điều kiện của tội cướp giạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 3: Các biện pháp đấu tranh, phòng, chống tội cướp giạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 1

Tội cướp giạt tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của các quy phạm pháp luật hình sự Việt Nam về tội cướp giạt tài sản

1.1.1. Giai đoạn trước năm 1999

Ngay từ những ngày đầu mới giành độc lập, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ta vừa phải đối phó với thù trong giặc ngoài, vừa từng bước quản lý, xây dựng đất nước. Để tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động ổn định trật tự, an ninh chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách là người đứng đầu nhà nước đã ký Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 cho phép áp dụng một số văn bản của pháp luật cũ không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa. Như vậy, pháp luật của chế độ cũ được áp dụng theo tinh thần của nhà nước dân chủ mới, Hoàng Việt hình luật được áp dụng ở Bắc Kỳ và luật pháp tu chính được áp dụng ở Nam Kỳ. Bên cạnh đó, Nhà nước ta cũng đã từng bước ban hành những văn bản pháp luật mới quy định những hành vi nguy hiểm cho xã hội và các chế tài áp dụng đặc biệt là những hành vi xâm phạm đến sở hữu của nhà nước và sở hữu của công dân, góp phần bảo vệ các quan hệ xã hội tiên bộ trong xã hội mới.

Tuy còn mới sơ khai nhưng pháp luật hình sự thời kỳ này đã khái quát, nhận diện được những hành vi xâm hại sở hữu trong thực tế và có các quy định thành các tội phạm cụ thể làm cơ sở pháp lý cho cơ quan tòa án xét xử. Đồng thời các văn bản này còn quy định chế tài cụ thể và đường lối xử lý các tội phạm cụ thể xâm phạm sở hữu.

Trong giai đoạn này, tội cướp giạt tài sản được quy định thành hai tội riêng biệt căn cứ vào đối tượng bị xâm hại là tài sản thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa (XHCN) hay tài sản thuộc sở hữu riêng của công dân. Cụ thể, tội cướp giạt tài sản đã được quy định trong hai Pháp lệnh ngày 21/10/1970 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đến lần pháp điển hóa Bộ luật hình sự lần thứ nhất, Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1985

(BLHS năm 1985) đã được Quốc hội thông qua vào ngày 27/6/1985, có hiệu lực từ ngày 1/1/1986 trên toàn quốc cũng quy định về tội cướp giạt tài sản như sau:

Điều 131 quy định:

1. Người nào cướp giạt hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 129, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm:

- a. Có tổ chức hoặc có tính chuyên nghiệp.
- b. Dùng thủ đoạn nguy hiểm; hành hung để tẩu thoát.
- c. Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác.
- d. Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười năm đến 20 năm [7].

Điều 154 quy định:

1. Người nào cướp giạt hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác, nếu không thuộc trường hợp quy định ở Điều 151, thì bị phạt tù từ ba tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến 10 năm:

- a. Có tổ chức hoặc có tính chuyên nghiệp.
- b. Dùng thủ đoạn nguy hiểm; hành hung để tẩu thoát.
- c. Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác.
- d. Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thờ bị phạt tù từ bảy năm đến hai mươi lăm năm [7].

- *Về hình phạt*: Tư tưởng chỉ đạo giai đoạn này là chú trọng bảo vệ tài sản chung (tài sản XHCN) hơn tài sản riêng (tài sản tư nhân). Trước khi có BLHS năm 1985, các hình phạt khung được quy định tập trung, sắp xếp theo một trật tự nhất định và cũng không có tiêu chí đánh giá, áp dụng thống nhất. Đến khi BLHS năm 1985 ra đời, một hệ thống hình phạt và tiêu chí áp dụng nó tương đối đầy đủ mới được quy định tập trung, thống nhất. Điều này đã thể hiện được mục đích của Nhà nước ta không chỉ dùng hình phạt về hình sự để trừng trị, mà còn nhằm giáo dục, cải tạo và răn đe người khác. So với hai Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân thờ BLHS năm 1985 có mức phạt tối đa cao hơn. Ở BLHS năm 1985, mức phạt tối đa là 15 năm với tội cướp giật tài sản riêng công dân và 20 năm với tội cướp giật tài sản XHCN. Mức hình phạt tối thiểu là một năm với tội cướp giật tài sản XHCN và 3 tháng với tội cướp giật tài sản riêng của công dân là tương đương với hai Pháp lệnh năm 1970. Điều này thể hiện đường lối xử lý nghiêm khắc hơn của Nhà nước ta với tội cướp giật tài sản so với giai đoạn trước. Thay vớ cú 2 khung hình phạt ở hai pháp lệnh năm 1970, BLHS năm 1985 quy định 3 khung hình phạt và đối với các tình tiết định khung tăng nặng, thì tại hai điều 131 và 154 còn quy định thêm hai tình tiết mới là "dùng thủ đoạn nguy hiểm" và "chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng khác". Khung 3 quy định chung các trường hợp phạm tội có tính chất đặc biệt nghiêm trọng.

Đối với tội cướp giật tài sản ngoài hình phạt chính cũn cú thể ỏp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 142; khoản 2, 3 Điều 163 BLHS năm 1985 bao gồm hình phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm hay bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

- *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*: Cùng với sự ra đời của BLHS năm 1985, các quy định về tình tiết tăng nặng (Điều 39), tình tiết giảm nhẹ (Điều 38) cũng lần đầu tiên được quy định tập hợp và tương đối đầy đủ làm tiêu chí khi quyết định hình phạt. Đây là một cố gắng lớn của nhà làm luật nước ta để tạo sự thống nhất trong việc áp dụng pháp

luật hình sự, tránh sự tùy tiện hoặc áp đặt ý chí chủ quan của người Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân khi xét xử. Hầu hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong hai Pháp lệnh năm 1970 đã được giữ lại và bổ sung thêm rất nhiều tình tiết mới. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) còn có các hướng dẫn nghiệp vụ về một số tình tiết khác cũng được coi là tình tiết giảm nhẹ như: người phạm tội đầu thú, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo...

Ngày 28/12/1989, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985, trong đó bổ sung thêm một tởnh tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hõnh sự (TNHS) đối với người "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" vào điểm a khoản 2 của các điều luật quy định về tội cướp giật hoặc công nhiên chiếm đoạt tài sản.

Tuy nhiên, thời điểm này chưa có hướng dẫn cụ thể về tình tiết này mà chỉ có lời kết luận của Chánh án TANDTC tại hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa ỏn năm 1991 hướng dẫn về "phạm tội có tính chuyên nghiệp" là trường hợp: Ngoài bọn lưu manh chuyên nghiệp ra, người thực hiện một hay nhiều tội cùng loại (thuộc nhóm khách thể) những tội phạm lặp đi lặp lại nhiều lần hoặc phạm rất nhiều tội (không kể là loại tội gỡ) lấy đó làm nguồn thu nhập chính hoặc nghề sống chính thờ đều coi là "có tính chất chuyên nghiệp". Đến nay, khái niệm "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" đã được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Theo đó, người phạm tội phải có đủ hai điều kiện: cố ý phạm tội từ 5 lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích và họ lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Nguyên tắc xử lý quy định trong BLHS năm 1985 nói chung không có gì thay đặi so với Pháp lệnh năm 1970. Theo Điều 3 BLHS năm 1985 thì mọi hành vi phạm tội nói chung và hành vi xâm phạm sở hữu phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Cơ sở của TNHS là chỉ người nào phạm một tội đã được luật hình sự quy định mới phải chịu TNHS. Như vậy, chúng ta không thể truy cứu TNHS một người nếu hành vi của họ không được luật hõnh sự quy định là tội phạm. Khi phát hiện hành vi xâm phạm sở hữu phải được xử lý nghiêm minh theo đúng pháp luật, bất kỳ

ai có hành vi xâm phạm sở hữu đều bị xử lý. Nghiêm trị kẻ chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, kẻ ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm, kẻ biến chất sa đọa, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, kẻ phạm tội có tổ chức, gây hậu quả nghiêm trọng. Khoan hồng với người tự thú, thật thà khai báo, tố giác đồng bọn, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại đó gây ra.

1.1.2. Giai đoạn sau năm 1999

Nhìn chung, quy định về tội cướp giật tài sản trong pháp luật hình sự tương đối ổn định. Qua lần pháp điển hóa BLHS lần thứ nhất và trải qua 3 lần sửa đổi, bổ sung vào các ngày 12/8/1991, 22/12/1992 và ngày 10/5/1997, tội cướp giật tài sản trong pháp luật hình sự nước ta khụng cú gỡ thay đổi.

Xuất phát từ yêu cầu của xã hội, cùng sự phát triển với tốc độ nhanh chóng của tội phạm khi đất nước ta chuyển đại sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng XHCN. Để đảm bảo và thực hiện sự bình đẳng của các thành phần kinh tế đũi hỏi Nhà nước ta phải có quan niệm bình đẳng về vấn đề sở hữu chung và sở hữu riêng. Chính sách hình sự và pháp luật hình sự cũng phải đại mới tư duy bảo vệ sở hữu chung và sở hữu riêng như nhau, không phân biệt, thiên vị dựa trên quan điểm này. Bên cạnh đó, việc phân định hai hình thức sở hữu để quy định thành hai khách thể bảo vệ độc lập là tài sản thuộc sở hữu thuộc sở hữu XHCN và tài sản thuộc sở hữu của công dân dẫn đến việc xác định chính xác tội danh là rất khó khăn, thiếu chính xác. Hoặc như khi người phạm tội chỉ có một hành vi chiếm đoạt duy nhất nhưng tài sản bị xâm phạm lại bao gồm nhiều hình thức sở hữu đan xen, khi đó nên xử một tội hay nhiều tội đều không phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như quy định của pháp luật. Hoặc trường hợp người có hành vi phạm tội có ý thức chủ quan khi xâm phạm tài sản khác với khách thể bị xâm phạm. Khi đó xác định tội danh theo ý thức chủ quan của người phạm tội có hành vi tội cướp giật tài sản (sai lầm về khách thể) hay theo khách thể thực tế bị xâm hại đều không đạt được sự hoàn thiện về lý luận. Qua đó, việc duy trì BLHS năm 1985 không đạt hiệu quả cao. Pháp luật hình sự cần có một sự thay đại lớn về mọi mặt và BLHS năm 1999 ra đời. BLHS năm 1999 được Quốc hội thông qua ngày 21/12/1999, có hiệu lực từ ngày

01/7/2000 đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình xây dựng và trưởng thành của luật pháp Việt Nam nói chung và pháp luật hôn nhân và gia đình nói riêng. Đây là sự đúc kết thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung trong gần 44 năm Nhà nước Việt Nam lãnh đạo đất nước, thể hiện đường lối, chính sách hôn nhân và gia đình của Đảng ta trong giai đoạn phát triển mới của đất nước cũng như đòi hỏi của xã hội trước xu thế hội nhập quốc tế. Tại đây, Nhà nước ta đã lần đầu tiên xóa bỏ ranh giới giữa sở hữu chung và sở hữu riêng trong chính sách hình sự của mình.

Tội phạm trong BLHS năm 1999 được phân thành 4 loại: Tội phạm ít nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt là đến 3 năm tù); tội phạm nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt là đến 7 năm tù); tội phạm rất nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt là đến 15 năm tù); tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình). Khi xây dựng BLHS năm 1999, các nhà lập pháp đã nhập hai khách thể riêng được quy định tại hai chương IV và VI của BLHS năm 1985 vào thành một chương (Chương XIV) trong BLHS năm 1999 với 13 tội danh. Như vậy, tội cướp giật tài sản XHCN và tội cướp giật tài sản riêng của công dân nay chỉ còn quy định chung là tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136 BLHS năm 1999. Ngoài ra, tội cướp giật được quy định riêng thành một điều luật mà không chung với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản hay một tội phạm khác. Với một chính sách hình sự trong thời kỳ xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, tội cướp giật tài sản trong Bộ luật mới có chế tài nặng hơn BLHS năm 1985. Khung hình phạt cao nhất của tội này là chung thân trong khi khung hình phạt cao nhất trước kia là 20 năm đối với tội Cướp giật tài sản XHCN và 15 năm đối với tội Cướp giật tài sản của công dân.

1.2. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội cướp giật tài sản

1.2.1. Khái niệm tội cướp giật tài sản

Trong các tội xâm phạm sở hữu được quy định trong Chương XIV: Các tội xâm phạm sở hữu, khách thể mà nhà nước bảo vệ là quyền sở hữu của chủ thể nhất định. Tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136 BLHS năm 1999. Đây là một loại tội có tính chiếm đoạt tài sản của chủ thể khác và được thực hiện một cách cố ý. Người thực hiện tội phạm cướp giật tài sản phải là người có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước và thực hiện

hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ thể sở hữu bằng cách nhanh chóng giật, giăng lấy tài sản. Việc giật, giăng tài sản này diễn ra một cách công khai. Chủ thể của tội phạm cũng không hề có ý định che giấu hành vi của mình đối với chủ sở hữu cũng như mọi người xung quanh. Trong quá trình thực hiện tội phạm có thể phải sử dụng một tác động lực nhất định nhưng là để nhằm chiếm đoạt tài sản nhanh chóng mà không để cho chủ sở hữu kịp phản ứng. Như vậy, chủ sở hữu tuy có biết hành vi phạm tội nhưng do diễn ra khá nhanh nên chưa kịp phản ứng. Trong nội dung Điều 136 BLHS năm 1999, các nhà lập pháp chỉ quy định tội cướp giật tài sản như sau: "Người nào cướp giật tài sản của người khác, thờ bị phạt...". Như vậy, các nhà lập pháp đó khựng mụ tả cụ thể những dấu hiệu của tội cướp giật tài sản mà chỉ nêu tội danh. Tuy chưa có một định nghĩa chuẩn từ phía các nhà lập pháp nhưng xuất phát từ lý luận và thực tiễn xét xử, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa khoa học của khái niệm tội cướp giật tài sản như sau:

Tội cướp giật tài sản là hành vi nhanh chóng, công khai chiếm đoạt tài sản của chủ thể có năng lực trách nhiệm hõnh sự thực hiện một cõch cố ý

Đại đa số các tội phạm trong chương này này được thực hiện bằng hõnh thức lõĩ cố ý, chỉ trừ tội vụ ý gõy thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản. Trong số 13 tội xâm phạm sở hữu trong chương này, chúng ta có thể phân chia thành hai nhóm: nhóm các tội có tính chiếm đoạt và nhóm các tội không có tính chiếm đoạt. Số tội phạm có tính chiếm đoạt gồm các điều từ 133 đến Điều 140; số tội phạm không có tính chiếm đoạt gồm các điều từ 141 đến Điều 145.

Từ định nghĩa của khái niệm tội cướp giật tài sản và các quy định của pháp luật hõnh sự, chõng ta cú thể đi sâu và làm sõng tỏ bản chất xõ hội cũng như bản chất pháp lý qua các các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cướp giật tài sản.

1.2.2. Khách thể của tội cướp giật tài sản

Khách thể của tội phạm nói chung là những quan hệ xõ hội được pháp luật hõnh sự bảo vệ trõnh khỏi sự xõm hại cú tónh chất tội phạm nhưng bị tội phạm xâm hại đến và gây nên (hoặc đe dọa thực tế gây nên) thiệt hại đáng kể nhất định [13, tr. 349].

Cũng như các tội phạm có tính chiếm đoạt trong phần các tội xâm phạm sở hữu, tội cướp giật tài sản là hành vi *chiếm đoạt tài sản* nhưng được thực hiện một cách công khai, nhanh chóng để tránh sự phản kháng của chủ tài sản. Tội cướp giật tài sản trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu của người khác đối với tài sản của họ. Như vậy ở tội cướp giật tài sản, khách thể của nó chính là quan hệ sở hữu tài sản và quan hệ này được Nhà nước bảo vệ. Khách thể của tội cướp giật tài sản tồn tại ngoài ý thức và độc lập với ý thức của chủ thể và nó bị tội phạm cướp giật tài sản gây thiệt hại khi người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Do các tội trong chương XIV BLHS năm 1999 đều có chung một khách thể là quan hệ sở hữu nên khi phân biệt tội cướp giật tài sản với các tội phạm xâm phạm sở hữu khác, chúng ta không thể dựa vào yếu tố khách thể mà phải căn cứ vào các dấu hiệu khách quan và chủ quan khác, đặc biệt là dấu hiệu hành vi khách quan. Yếu tố khách thể của tội cướp giật chỉ giúp ta xác định một hành vi nào đó có xâm phạm sở hữu hay không và phân biệt tội cướp giật tài sản với một vài tội trong nhóm tội chiếm đoạt khi hành vi đó gây nên sự xâm hại cho nhiều khách thể khác nữa như: tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản... vờ ngoài quan hệ sở hữu, những hành vi phạm các tội này cũn xâm hại đến tính mạng, sức khỏe thuộc quan hệ nhân thân.

Chủ thể thực hiện tội cướp giật tài sản bao giờ cũng nhằm vào tài sản nhất định của chủ thể nhất định, không phân biệt là thuộc hỡnh thức sở hữu nÆo. Do đó, tài sản bị tội phạm nhằm tới nằm trong và là một bộ phận của khách thể cụ thể là quan hệ sở hữu. Nó chính là đối tượng tác động của tội phạm cướp giật tài sản. Tuy nhiên, do đặc thù của tội cướp giật tài sản là chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu, quản lý một cõch nhanh chóng nờn tài sản là đối tượng tác động của hành vi cướp giật tài sản có những đặc điểm cơ bản khác với tài sản là đối tượng tác động của các tội phạm khác. Tài sản này có thuộc tính chung với các loại tài sản khác là phải được thể hiện dưới dạng vật chất (vật, tiền, giấy tờ có giá) hoặc phi vật chất (quyền tài sản), có giá trị hoặc giá trị sử dụng, tài sản phải là thước đo giá trị lao động của con người được kết tinh, để nhằm thoả món được các nhu cầu về vật chất hoặc tinh thần của con người và phải thuộc về một chủ thể nhất định.

Theo Bộ luật dân sự Việt Nam, tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và quyền tài sản (Điều 172 Bộ luật Dân sự). Tài sản là đối tượng tác động của tội cướp giật tài sản phải là những tài sản dưới dạng vật chất, gọn nhẹ, dễ dịch chuyển võ khi đó kẻ phạm tội mới có thể nhanh chóng chiếm đoạt, tẩu thoát khỏi sự quản lý của người đang quản lý tài sản. Những tài sản như: nguồn nước thiên nhiên, sinh vật dưới biển, chim thú trên rừng, nh&E, ô tô...không thể là đối tượng của tội cướp giật tài sản. Những tài sản này nếu kẻ phạm tội muốn chiếm đoạt thì phải cú sự hiện diện của ý thức chủ quan của chủ sở hữu, người đang quản lý tài sản. Hành vi xâm hại đến các tài sản đó có thể bị truy cứu TNHS về tội phạm khác như cướp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản ... hoặc xâm phạm tới một khách thể khác như tội phạm về môi trường quy định tại chương XVII BLHS năm 1999.

Một số vật tuy nhỏ, gọn nhẹ và dễ dịch chuyển nhưng do tính chất nguy hiểm, đặc điểm và công dụng đặc biệt và chịu sự quản lý đặc biệt của nhà nước và không được coi là đối tượng tác động của tội cướp giật tài sản. Nếu tài sản đó bị xâm hại thì kẻ phạm tội phải chịu TNHS về tội phạm khác. Ví dụ: s&ng quân dụng, thuốc nổ, chất phóng xạ...nếu bị chiếm đoạt thì kh&ng thể là đối tượng của tội cướp giật tài sản mà của các tội chiếm đoạt vũ khí, vật liệu nổ, chiếm đoạt chất phóng xạ (Điều 230, 232, 236 BLHS năm 1999).

Tài sản mà kẻ phạm tội cướp giật tài sản nhắm tới đ&oi hỏi phải cú đặc điểm là cũn đang nằm trong sự chiếm hữu và thuộc sự quản lý của chủ tài sản. Bởi chỉ khi đó, kẻ phạm tội mới có hành vi nhanh chóng chiếm đoạt khỏi sự chiếm hữu, quản lý của chủ tài sản. Tài sản đó thoát ly khỏi sự chiếm hữu, sự quản lý của chủ tài sản như tài sản không để cạnh chủ tài sản hoặc tài sản kh&ng do ai quản lý...th&oi kh&ng cũn là đối tượng của hành vi cướp giật tài sản. Hơn nữa, tài sản này phải được Nhà nước cho lưu hành và có thể chuyển dịch được giữa các chủ sở hữu, có thể mua bán trao đổi một cách hợp pháp, là tài sản hữu h&nh, cú thực, cú thể nhìn thấy, sờ thấy. Những tài sản bị nhà nước cấm lưu hành như băng đĩa h&nh đòi truy, pháo nổ, ma túy... không phải là đối tượng của tội cướp giật tài sản.

1.2.3. Chủ thể của tội cướp giật tài sản

Chủ thể của tội phạm là người đó có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật hình sự cấm, có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo luật định [13, tr. 357]. Như vậy, chủ thể của tội phạm là người đạt độ tuổi chịu TNHS, có năng lực TNHS và đó thực hiện một tội phạm. Cơ sở pháp lý để xác định chủ thể của tội cướp giật tài sản là Điều 12, Điều 13, Điều 136 BLHS năm 1999. Điều 12 BLHS năm 1999 quy định về tuổi chịu TNHS như sau:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng [8].

Theo pháp luật hình sự hiện hành, chủ thể của tội phạm ở nước ta là "người", nghĩa là chỉ cá nhân cụ thể chứ không bao gồm là pháp nhân. Cá nhân này muốn trở thành chủ thể của tội phạm nói chung hay tội cướp giật tài sản nói riêng thì phải có năng lực TNHS. Pháp luật hình sự nước ta không quy định cụ thể thể nào là có năng lực TNHS. Qua quy định tại khoản 1 Điều 13 BLHS năm 1999, chúng ta có thể hiểu những người có năng lực TNHS là những người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi. Người có hành vi cướp giật tài sản chỉ trở thành chủ thể của tội cướp giật tài sản khi họ có khả năng nhận thức được tính chất thực tế (tính nguy hiểm cho xã hội) và tính pháp lý (tính trái pháp luật hình sự) của hành vi do mình thực hiện hoặc điều khiển được hành vi của mình [13, tr. 358].

Trong chương các tội phạm xâm phạm sở hữu, ngoài hai tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước và tội vu ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản quy định tại Điều 144, 145 BLHS năm 1999 là chủ thể tội phạm thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Đối với các tội còn lại, trong đó có tội cướp giật tài sản chủ thể tội phạm đều phải có dấu hiệu lỗi cố ý. Đây chính là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi của mình và đối với hậu quả xảy ra. Người có hành vi cướp giật tài sản phải có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước khi hành động. Họ mong muốn hậu quả xảy ra là chiếm đoạt được tài sản của người khác (cố ý với hậu quả) và hành động tự nguyện

để thực hiện mong muốn của mình (cố ý với hành vi). Nếu người thực hiện hành vi giật tài sản nhưng lại không mong muốn chiếm đoạt tài sản, tức là họ đó khụng cú lỗi cố ý đối với hậu quả như trêu đùa giật ví của bạn...thỡ người đó không thể là chủ thể của tội cướp giật tài sản.

Điều 136 năm 1999 quy định bốn khung hõnh phạt. Cụ thể:

- Khung 1 cú mức hõnh hạt từ 1 năm đến 5 năm;
- Khung 2 cú mức hõnh hạt từ 3 năm đến 10 năm;
- Khung 3 cú mức hõnh hạt từ 7 năm đến 15 năm;
- Khung 4 cú mức hõnh hạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 8 BLHS, tội cướp giật tài sản bao gồm các loại tội nghiêm trọng (khung 1), rất nghiêm trọng (khung 2, 3) và đặc biệt nghiêm trọng (khung 4). Như trên đó phõn tóch, đây là loại tội thực hiện với hõnh thức lỗi cố ý nờn căn cứ vào Điều 12 BLHS thỡ chủ thể của tội cướp giật tài sản là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hõnh sự và từ đủ 16 tuổi (đối với khoản 1 điều 136) hoặc từ đủ 14 tuổi trở lên (đối với khoản 2, 3 và 4 Điều 136) [2, tr. 196].

1.2.4. Mặt khách quan của tội cướp giật tài sản

Mặt khách quan của tội phạm là sự tổng hợp các dấu hiệu do luật hõnh sự quy định và các tỡnh tiết phản ỏnh hành vi bên ngoài của sự xâm hại cụ thể nguy hiểm đáng kể cho xó hội đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hõnh sự.

* *Về hành vi phạm tội:* Là cách xử sự trái phõp luật hõnh sự và nguy hiểm cho xó hội [13, tr. 366]. Trong các tội xâm phạm sở hữu quy định tại chương XIV BLHS năm 1999, mỗi một tội phạm với các cấu thành tội phạm khác nhau có các dấu hiệu tội phạm được phản ánh trong mặt khách quan khác nhau. Hành vi cướp giật tài sản là hành vi của chủ thể nhất định với ý thức chiếm đoạt tài sản của người khác. Dấu hiệu chiếm đoạt trong tội cướp giật tài sản là một dấu hiệu bắt buộc dù tài sản là đối tượng của hành vi cướp giật tài sản đó bị chiếm đoạt hoàn toàn (thuộc chiếm hữu của người phạm tội) hay chưa. Nghĩa là với hành vi chiếm đoạt đó, người phạm tội có thể là chưa chiếm hữu được tài sản hoặc là đó chiếm hữu được tài sản. Ví dụ: 23.12.2004, Nguyễn Tuấn Khanh cùng

Hoàng Văn Tuấn, Nguyễn thị Thủy đang đi trên đường Trần Nhật Duật thờ Thủy nhỡn thấy Nguyễn Văn Tùng đang ngồi trên xe taxi đi cùng chiều. Thủy bảo Khanh, Tuấn dừng xe chặn xe taxi của Tùng lại để nói chuyện. Sau khi chặn xe anh Tùng, Thủy bảo anh Tùng xuống xe nói chuyện nhưng anh Tùng không xuống mà chỉ kéo cửa kính xe xuống để nói chuyện. Trong khi nói chuyện, anh Tùng có điện thoại gọi đến và lấy điện thoại di động ra nghe. Thủy đó nói với Khanh, Tuấn là Tùng trước kia là bạn trai của Thủy, có mượn điện thoại di động của Thủy nhưng không trả và bảo Khanh vào lấy điện thoại của Tùng. Khanh đó nghe lời Thủy tiến đến gần Tùng và dùng tay giật điện thoại Tùng đang nghe ra và bảo Tùng nói chuyện tiếp với Thủy. Sau khi giật điện thoại của Tùng, Khanh vẫn đứng bên cạnh xe ô tô của Tùng. Hành vi của Khanh như vậy tuy có diễn ra công khai, nhanh chóng giật lấy tài sản của Tùng nhưng không có ý thức chiếm đoạt nên không thể coi đây là trường hợp cướp giật tài sản.

Tuy nhiên, chủ thể tội phạm có thể lựa chọn sử dụng các cách thức, thủ đoạn chiếm đoạt khác nhau như lén lút, công khai, dùng vũ lực, đe dọa... để thực hiện tội phạm. BLHS năm 1999 dựa vào các cách thức chiếm đoạt tài sản (phương thức, thủ đoạn), hoàn cảnh thực tế để xây dựng các cấu thành tội phạm trong nhóm tội xâm phạm sở hữu. Việc nhận biết, xem xét đúng các hõnh thức chiếm đoạt và các dấu hiệu khác thuộc mặt khách quan sẽ có ý nghĩa rất lớn trong việc định tội danh.

Qua định nghĩa khoa học về tội cướp giật tài sản thờ hành vi chiếm đoạt ở tội cướp giật tài sản có hai dấu hiệu đặc trưng, cơ bản bên cạnh các dấu hiệu khác ở mặt khách quan để phân biệt với những hành vi chiếm đoạt ở các tội phạm khác. Đó là dấu hiệu công khai và dấu hiệu nhanh chóng.

** Dấu hiệu công khai:*

Đây là dấu hiệu có sự khác biệt tương đối với một số tội phạm khác. Dấu hiệu này chỉ tính chất khách quan của hành vi chiếm đoạt là diễn ra một cách công khai trên thực tế với mọi người xung quanh và với cả chủ thể. Đồng thời dấu hiệu này cũn thể hiện ý thức chủ quan của người phạm tội là không hề giấu giếm, che đậy hành vi của mõnh đối với những người xung quanh và chủ tài sản. Chính vỡ vậy, dấu hiệu công khai trở thành không thể thiếu trong khi nghiên cứu mặt khách quan của tội cướp giật tài sản. Nó

là điểm đặc trưng khá cơ bản của tội cướp giật tài sản, giúp các nhà luật học phân biệt với dấu hiệu *lén lút* trong hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản hay dấu hiệu *gian dối* trong hành vi khách quan của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản...

Thứ nhất, dấu hiệu công khai của tội cướp giật tài sản đũi hỏi người phạm tội cướp giật tài sản khi thực hiện tội phạm phải thực hiện công khai đối với mọi người xung quanh và đặc biệt là đối với người đang chiếm hữu, quản lý tài sản mà người phạm tội nhắm tới. Hành vi chiếm đoạt chỉ được coi là có tính chất công khai nếu biểu hiện bên ngoài của hành vi của kẻ phạm tội cho phép mọi người xung quanh, chủ tài sản có khả năng biết ngay khi hành vi phạm tội cướp giật này xảy ra. Có nghĩa là khi hành vi của người phạm tội vừa xảy ra thờ mọi người xung quanh, chủ sở hữu của tài sản có khả năng biết. Tuy vậy sự công khai này diễn ra rất nhanh do hành vi diễn ra cũng rất nhanh và bất ngờ nên mọi người và chủ sở hữu khụng cú còch gỡ để can thiệp. Ở đây, ý thức, thái độ, khả năng nhận biết của người bị hại rất có ý nghĩa để phân biệt tội cướp giật tài sản với tội trộm cắp tài sản.

Nếu hành vi của kẻ phạm tội chỉ công khai với mọi người nhưng lại không công khai với chủ tài sản thờ khụng thể là hành vi công khai trong mặt khách quan của tội cướp giật tài sản được. Khi người phạm tội thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản mà những người xung quanh, chủ sở hữu không biết hoặc người phạm tội chỉ có ý thức cụng khai với những người xung quanh cũn cú ý thức che giấu (*lén lút*) với chủ tài sản thờ đó lại là dấu hiệu của tội trộm cắp tài sản.

Ví dụ: ngày 2/9/2005, chị Trương Thị Thu đi xe máy chở con đi chơi. Khi đang dừng xe chờ đèn xanh tại ngó tư Quang Trung – Nguyễn Du, Hà Văn Tuấn đó đi xe máy áp sát giật túi xách chị Thu đang kẹp ở giá đèo hàng giữa xe. Chị Thu khi bị giật đó phát hiện và hô hoán ngay nhưng Tuấn đó cầm tỳi phóng xe bỏ chạy mất. Trong trường hợp này, chị Thu đó biết hành vi phạm tội của Tuấn ngay khi Tuấn thực hiện hành vi giật túi xách thể hiện qua việc chị Thu đó hụ hoản mọi người đuổi bắt. Hành vi của Tuấn đó cấu thành tội cướp giật tài sản. Đối tượng Tuấn trong trường hợp này đó thực hiện hành vi của mớnh một còch cụng khai khụng những với mọi người tại ngó tư Quang Trung - Nguyễn Du mà cũn cụng khai đối với chị Thu là người đang quản lý tài sản. Hành vi của

Tuấn không hề giấu giếm đối với chị Thu và Tuấn cũng hề quan tâm chị Thu biết hay không biết việc làm của mình. Nếu Tuấn thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách kín đáo, nhẹ nhàng túi xách khi chị Thu không để ý (do quay lại nhìn con chẳng hạn) nhằm để chị Thu không phát hiện ra thì hành vi đó là mang dấu hiệu lén lút thuộc tội trộm cắp tài sản.

Trong thực tiễn, có những trường hợp người phạm tội có sử dụng thủ đoạn lén lút nhưng trong quá trình thực hiện tội phạm lại chiếm đoạt tài sản một cách công khai. Ví dụ: Nguyễn Văn Thực theo dõi thấy anh Trần Huy Phức đang xếp hàng mua vé tàu có cầm tiền ở tay. Thực lặng lẽ tiến tới áp sát tay anh Phúc và nhân lúc anh Phúc lơ là đó dựng tay giật mạnh tiền tròn tay anh Phức và bỏ chạy. Hành vi của Thực trong trường hợp này đó cấu thành tội cướp giật tài sản, nhưng thủ đoạn ban đầu Thực thực hiện là lén lút, bí mật đối với anh Phúc để anh Phúc mất cảnh giác trong quản lý tiền nhưng khi Thực thực hiện tội phạm thì Thực đó sử dụng thủ đoạn công khai chiếm đoạt tài sản mới là dấu hiệu để định tội. Hoặc như có trường hợp ban đầu người phạm tội định trộm cắp tài sản mà người bị hại đang để đằng sau xe máy. Khi bị hại cho xe máy chạy, người phạm tội bê bọc hàng khỏi xe thì khựng bờ được do hàng đó được buộc. Người phạm tội đó đi theo người bị hại một đoạn và bất ngờ giật tung bọc hàng và nhảy lên xe máy của đồng bọn chạy thoát. Trong các trường hợp này, tuy người phạm tội có những dấu hiệu lén lút nhưng lại không thực hiện hành vi chiếm đoạt bằng thủ đoạn đó mà thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách công khai với mọi người xung quanh và với cả người đang chiếm hữu, quản lý tài sản.

Thứ hai, dấu hiệu công khai của tội cướp giật tài sản đòi hỏi ý thức chủ quan của người phạm tội khi thực hiện hành vi chiếm đoạt biết hành vi của mình có khả năng bị phát hiện ngay khi tội phạm xảy ra nhưng hoàn toàn không có ý định che giấu hành vi đó đối với cả người chiếm hữu, quản lý tài sản và những người xung quanh khu vực có tài sản. Tuy dấu hiệu này mang màu sắc của ý chớ nhưng qua việc ý thức được hành vi của mình mà người phạm tội đó quyết định lựa chọn phương thức thực hiện tội phạm một cách công khai. Ở đây, người phạm tội nhận thức được hành vi của mình có thể bị phát hiện nhưng vẫn chọn cách thức hành động cướp giật tài sản vì nghĩ là họ có thể chạy thoát khỏi sự truy bắt của mọi người khi tội phạm xảy ra. Ví dụ: Chiều ngày 2/10/2005, đối tượng Mạnh thuê xe máy rủ Khánh đi lang thang các phố. Khi đang đi trên phố

Đường Thành, Mạnh thấy bà Kim ngồi sau xe máy do ông Tự chở trên cỏ có đeo dây chuyền. Mạnh bàn với Khánh cướp giật dây chuyền của bà Kim và áp sát xe ông Tự để Khánh ngồi sau giật dây chuyền trên cỏ bà Kim rồi phóng xe bỏ chạy. Hành vi của Mạnh và Khánh diễn ra giữa ban ngày, ở nơi rất đông người qua lại, cướp giật tài sản ngay trên cỏ bà Kim. Cả Mạnh và Khánh đều ý thức được việc thực hiện tội phạm sẽ có thể bị phát hiện ngay nhưng bọn chúng vẫn quyết định hành động mà không hề có ý định che giấu hành vi của mình dự hành vi đó có bị phát hiện hay không thể hiện sự công khai hành vi chiếm đoạt của chúng đối với bà Kim và những người đi đường xung quanh. Nếu người phạm tội mà có chút lo sợ về khả năng thoát thân thì họ có thể lựa chọn cớ thức hành động phạm tội khác và khi đó, dấu hiệu công khai đó không tồn tại và tội phạm không phải là tội cướp giật tài sản mặc dù khi thực hiện tội phạm vẫn có sự công khai. Như trong ví dụ trên, Mạnh và Khánh chờ khi bà Kim sơ hở nhanh chóng lấy tài sản khác khó bị phát hiện của bà Kim. Trong ý thức của chúng là che giấu hành vi của mình đối với bà Kim nên dù bà Kim phát hiện ngay hay không thì hành vi đó vẫn chỉ cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Trong số các tội xâm phạm sở hữu, có rất nhiều tội phạm cũng có tính chất công khai trong mặt khách quan của tội phạm. Trong đó dấu hiệu công khai của tội cướp giật tài sản có nhiều điểm giống với dấu hiệu công khai ở tội công nhiên chiếm đoạt tài sản làm chúng ta rất dễ nhầm lẫn. Để có cơ sở cho việc định tội chính xác, đôi khi chúng ta phải phân biệt rõ ràng dấu hiệu công khai trong hành vi tội cướp giật tài sản với dấu hiệu công khai trong tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Công nhiên chiếm đoạt cũng là hành vi công khai chiếm đoạt tài sản của người khác như tội cướp giật tài sản. Tức là nó cũng bao gồm việc người phạm tội công khai hành vi của mình đối với mọi người và chủ tài sản đồng thời họ cũng không có ý định giấu giếm hành vi phạm tội của mình. Người phạm tội công nhiên thực hiện hành vi phạm tội có biểu hiện công khai một cách rõ ràng hơn cả tội cướp giật tài sản. Hành vi chiếm đoạt trong tội cướp giật tài sản tuy có công khai với chủ tài sản nhưng sự công khai này diễn ra rất nhanh, trong một khoảng thời gian ngắn cũn hành vi chiếm đoạt tài sản trong tội công nhiên chiếm đoạt tài sản diễn ra không nhanh chóng và trước sự chứng kiến của chủ tài sản cũng như những người xung quanh. Người phạm tội không cần và không có ý định, hay có bất cứ thủ đoạn nào đối phó với

người quản lý tài sản, cũng không dùng vũ lực, hoặc thủ đoạn khác để uy hiếp tinh thần của người quản lý tài sản. Điểm khác biệt là ở chỗ trong khi hành vi phạm tội xảy ra người chủ tài sản có khả năng thậm chí biết tài sản do mình quản lý đang bị chiếm đoạt nhưng không có điều kiện ngăn cản, đuổi bắt. Cũn đối với tội cướp giật tài sản chủ tài sản không chỉ nhận biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của kẻ phạm tội mà cũn hoàn toàn có điều kiện, khả năng ngăn cản hoặc đuổi bắt kẻ phạm tội.

** Dấu hiệu nhanh chóng:*

Đây là dấu hiệu đặc thù nhất, tiêu biểu nhất, bắt buộc phải có trong mặt khách quan của tội cướp giật tài sản và được dùng làm tiêu chí chính khi phân biệt với các cấu thành tội phạm khác. Dấu hiệu này phản ánh phương thức thực hiện hành vi chiếm đoạt của người phạm tội cướp giật tài sản một cách khẩn trương, vội vó. Khi thực hiện tội phạm, người phạm tội lợi dụng sơ hở của người chiếm hữu, quản lý tài sản (sơ hở này có thể là có sẵn hoặc do người phạm tội chủ động tạo ra), nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và nhanh chóng tẩu thoát... Dấu hiệu này bao trùm toàn bộ quá trình diễn ra tội phạm từ khi bắt đầu (nhanh chóng tiếp cận tài sản) đến khi kết thúc (nhanh chóng tẩu thoát, tẩu tán tài sản). Tuy nhiên để đánh giá thế nào là *nhanh chóng*, chúng ta phải căn cứ vào đặc điểm của tài sản (gọn nhẹ, dễ lấy, dễ dịch chuyển hay khụng), vị trí, cõch thức chiếm giữ, quản lý tài sản (cầm tay, cất trong túi...) cũng như những hoàn cảnh bên ngoài khác như địa hõnh, mật độ người qua lại... Trong quá trình tội phạm xảy ra, dấu hiệu quan trọng nhất, khụng thể thiếu là nhanh chóng chiếm đoạt. Các dấu hiệu nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng tẩu thoát là các dấu hiệu phụ trợ nhưng không bắt buộc. Thông thường hõnh thức nhanh chóng chiếm đoạt có thể giật lấy tài sản, giÆnh lấy tài sản và nhanh chóng tẩu thoát (tẩu thoát không phải là dấu hiệu bắt buộc mà chỉ là thủ đoạn nhanh chóng lẩn tránh của kẻ cướp giật) [2, tr. 198].

Ví dụ: 15h ngày 5/8/2004, chị Nguyễn Thị Vỹ vừa đi xe máy vừa nghe điện thoại, trên giỏ xe có để một túi xách. Khi đang đi trên đường Hàng Quạt, chị Vỹ bị một thanh niên đi xe máy giật mất chiếc túi xách để trên giỏ xe. Chị Vỹ chỉ kịp thấy có thấy một xe máy áp sát và thanh niên điều khiển xe đó dụng tay trái giật túi xách nhưng sự việc xảy ra quá nhanh nên chị Vỹ không thể nhận biết được đặc điểm của kẻ thực hiện

hành vi phạm tội. Nhờ thủ đoạn nhanh chóng mà kẻ phạm tội làm cho chủ sở hữu không đủ điều kiện để phản ứng và ngăn cản hành vi của chúng.

Chính nhờ dấu hiệu nhanh chóng mà chúng ta có thể phân biệt tội cướp giật tài sản với các tội khác có cùng một khách thể bị xâm phạm. Trong mắt khách quan của bất cứ tội phạm xâm phạm sở hữu nào khác không nhất thiết phải có dấu hiệu nhanh chóng. Ví dụ như tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, người phạm tội không cần nhanh chóng chiếm đoạt hay người phạm tội không cần nhanh chóng chạy trốn, tẩu thoát, do người quản lý tài sản có trở ngại khách quan ngăn cản nên không thể ngăn cản người phạm tội chiếm đoạt tài sản. Hoặc như tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, người phạm tội cũng không chiếm đoạt tài sản một cách nhanh chóng mà thông qua hành vi gian dối, làm cho chủ tài sản tin tưởng và tự giao tài sản cho họ.

Tuy nhiên, tội cướp giật tài sản được thực hiện cũn nhờ một yếu tố nữa đó là phải có *sự sơ hở* của chủ tài sản. Nếu chủ tài sản cảnh giác thờ người phạm tội dù có nhanh chóng chiếm đoạt cũng không thể thành công với ý định của mỗnh. Đối với tội cướp giật tài sản, sự sơ hở chủ yếu do người quản lý tài sản tạo ra mà người bên ngoài có thể quan sát và nhận biết được như để túi xách không được cầm kẹp kỹ, đeo dây chuyền vàng trên cổ, nghe điện thoại di động nhưng không cầm chắc... Sự sơ hở đôi khi cũn được người phạm tội cố tỡnh tạo ra như việc xô đẩy chen lấn nơi đông đúc để chủ tài sản sao nhóng việc quản lý tài sản. Sự sơ hở này có đặc điểm khác với những trở ngại khách quan trong tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Nếu sự sơ hở là bắt nguồn từ yếu tố chủ quan của chủ tài sản cũn trở ngại khách quan thường là hoàn cảnh khách quan đem lại cho người chủ sở hữu như đang chờ sang đường mà lại ở cách xa xe ô tô nên không thể ngăn cản người phạm tội chiếm đoạt gương xe... Như vậy đối với tội cướp giật tài sản sự sơ hở do sự lơ là, thiếu cẩn trọng của chủ sở hữu, cũn trở ngại khách quan trong tội công nhiên chiếm đoạt tài sản là do những lý do khách quan mà chủ sở hữu không thể khắc phục được.

Trong mắt khách quan của tội cướp giật tài sản, chýng ta cũn thấy xuất hiện dấu hiệu *dùng vũ lực* của người phạm tội. Dấu hiệu này ít xảy ra nhưng không thể coi nhẹ chúng. Trong thực tiễn xét xử, chúng ta rất dễ nhầm lẫn nó trong các tội cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản. Việc dùng vũ lực ở tội cướp và tội cướp giật tài sản khác nhau về

phạm vi, mức độ và mục đích. Dùng vũ lực, hay đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc là một dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội cướp tài sản, hành vi dùng vũ lực được tiến hành ngay trước hoặc song song với hành vi chiếm đoạt tài sản với mục đích làm tờ liệt ý chớ phản kháng của chủ tài sản để chiếm đoạt tài sản, cũn hành vi dùng vũ lực trong tội cướp giật tài sản không phải là dấu hiệu bắt buộc. Hành vi dùng vũ lực (nếu có) trong tội cướp giật tài sản không phải để khống chế ý chí kháng cự của chủ sở hữu và không nhằm đe dọa gây nguy hại về tính mạng và sức khỏe cho người chủ sở hữu, mà chỉ là những tác động nhẹ đến thân thể và với mục đích để tẩu thoát.

Với thủ đoạn nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát, người phạm tội cướp giật tài sản tuy có dùng một lực, một tác động nhất định đối với người đuổi bắt nhưng không có ý định đối mặt với chủ sở hữu, không có ý thức dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm làm tờ liệt ý chớ của chủ tài sản để chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội chỉ mong muốn chủ tài sản không kịp phản ứng và không có điều kiện phản ứng để ngăn cản hành vi chiếm đoạt của người phạm tội và do vậy chủ sở hữu không có khả năng bảo vệ tài sản, người phạm tội không có ý định dùng bất cứ thủ đoạn nào để đối phó với chủ tài sản. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, người phạm tội cũng có thể có hành vi dùng vũ lực nhưng chỉ là một lực nhẹ tác động nhẹ đến thân thể người đang giữ tài sản, hành vi đó không nhằm gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe người giữ tài sản và cũng không nhằm tác động đến ý chí của người đó. Hành vi này của người phạm tội chỉ nhằm để tài sản rời khỏi sự quản lý của người chiếm hữu, quản lý tài sản. Nếu việc dùng vũ lực trong trường hợp người phạm tội bị phát hiện và đuổi bắt đó cú hành vi dùng sức mạnh chống trả lại người đuổi bắt mớnh nhưng chỉ có mục đích nhằm tẩu thoát thờ được coi là tờnh tiết tăng nặng của tội cướp giật tài sản. Như vậy, *dùng vũ lực* là cách thức chính để thực hiện việc chiếm đoạt ở tội cướp, cũn ở tội cướp giật tài sản *dùng vũ lực* chỉ là biện pháp hỗ trợ, nhằm tạo điều kiện cho việc thực hiện tội phạm được nhanh chóng mà thời.

Nếu chúng ta cho rằng mọi trường hợp có dấu hiệu dùng vũ lực trong quá trình chiếm đoạt đều cấu thành tội cướp tài sản hoặc chỉ coi việc dùng vũ lực là tờnh tiết tăng nặng định khung của tội cướp giật tài sản hoặc chỉ là dấu hiệu để tăng nặng cho hành vi cướp giật tài sản thờ đều dẫn đến cái nhờn sai lệch về bản chất của tội cướp giật tài sản.

Chúng ta cần phân biệt thời điểm, mục đích dùng vũ lực của người phạm tội thờ mới có thể đánh giá đúng bản chất vấn đề.

- Nếu người phạm tội cướp giật đó thực hiện hành vi chiếm đoạt nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc người phạm tội đó chiếm đoạt được tài sản, nhưng chủ sở hữu hoặc người khác đó lấy lại được tài sản hay đang giằng giạt tài sản với người phạm tội mà người phạm tội dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt bằng được tài sản [48, tr. 245]. Trường hợp này được coi là chuyển hóa từ tội cướp giật tài sản thành tội cướp tài sản. Ở đây việc chiếm đoạt tài sản chưa hoàn thành, tài sản vẫn còn trong sự kiểm soát của chủ sở hữu, người phạm tội phải dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản nên định tội cướp tài sản là hoàn toàn hợp lý. Hành vi chiếm đoạt tài sản bằng các thủ đoạn khác trước khi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc vũ lực được coi là diễn biến của vụ án. Ví dụ, Nguyễn Văn A cướp giật túi xách nhưng chưa lấy được, A đó dựng kim tiêm đó qua sử dụng đe dọa chủ tài sản nhằm chiếm đoạt bằng được tài sản, trường hợp này đó Nguyễn Văn A đó chuyển hóa từ tội cướp giật tài sản sang tội cướp tài sản.

- Người phạm tội cướp giật tài sản chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đó chiếm đoạt được tài sản nhưng chưa chạy thoát vỡ đang bị người khác bắt giữ, bao vây bắt giữ. Người phạm tội đó dựng vũ lực chống lại việc ngăn cản, bắt giữ của người đang giữ mớn để nhằm chạy thoát. Trường hợp này hành vi cướp giật đó được hoàn thành, việc dùng vũ lực của người phạm tội không phải để chiếm đoạt tài sản mà chỉ để tẩu thoát có thể cùng hoặc không cùng tài sản vừa chiếm đoạt được nên không có sự chuyển hóa từ tội cướp giật tài sản sang tội cướp. Việc dùng vũ lực trong trường hợp này, chúng ta chỉ nên coi là hành hung để tẩu thoát và là tởnh tiết tăng nặng định khung của tội cướp giật tài sản. Ví dụ: Cũng Nguyễn Văn A, sau khi giật được chiếc túi xách của người bị hại đó bị 1 người đi đường đuổi theo túm được áo, A đó dựng tay gạt, đấm người đang túm áo mớn. Trường hợp này hành vi của A chỉ cấu thành tội cướp giật tài sản, cũn hành vi dùng vũ lực với mục đích tẩu thoát là hành vi hành hung để tẩu thoát là tởnh tiết tăng nặng đối với tội cướp giật tài sản.

- Nếu hành vi dùng vũ lực để tẩu thoát gây nên một thương tích đáng kể cho người bắt giữ và hành vi gây thương tích đó đủ cấu thành tội cố ý gây thương tích theo Điều 104 BLHS năm 1999 thì người phạm tội cũng phải chịu TNHS về tội Cố ý gây thương tích cùng với tội cướp giật tài sản. Dùng vũ lực chống trả lại chủ sở hữu hoặc người bắt giữ trong tởnh tiết:

Hành hung để tẩu thoát, chỉ bao gồm những trường hợp chưa gây thương tích hoặc gây thương tích nhẹ. Nếu gây thương tích cho sức khỏe của người khác đến mức phải truy cứu trách nhiệm hõnh sự của tội phạm quy định tại Điều 104 Bộ luật hõnh sự thì người phạm tội đồng thời phải chịu trách nhiệm hõnh sự về tội cướp giật tài sản và tội cố ý gây thương tích [23, tr. 6].

- Nếu người phạm tội có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản thì người đó phạm vào tội cưỡng đoạt tài sản chứ không phải là cướp giật tài sản. Hành vi này tuy có đặc điểm không dùng ngay tức khắc vũ lực nhưng người bị đe dọa bị uy hiếp về tinh thần, làm giảm ý chớ phản khõng. Như vậy việc dùng vũ lực ở tội cướp giật tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản cũng khác nhau về mục đích, mức độ, phạm vi. Hành vi đe dọa dùng vũ lực ở tội cưỡng đoạt tài sản mục đích là để chiếm đoạt tài sản, sự đe dọa dùng vũ lực chỉ ở mức độ giảm ý chớ khõng cự, người bị đe dọa hiểu rằng nếu không để cho người phạm tội chiếm đoạt tài sản thì trong tương lai gần họ có thể bị nguy hại về tính mạng hoặc sức khỏe. Hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực trong tội cướp giật tài sản nếu cú thõ chỉ nhằm giảm quyết tõm bắt giữ của người đang đuõi bắt, tạo điều kiện cho kẻ phạm tội chạy thoát chứ không có liên quan đến việc chiếm đoạt tài sản.

** Hậu quả phạm tội:*

LÀ sự thiệt hại cụ thể nhất định và đáng kể do hành vi phạm tội gây ra cho các lợi ích (khách thể) được bảo vệ bằng pháp luật hõnh sự. Cỏc nhà làm luật xây dựng tội cướp giật tài sản có cấu thành vật chất. Hành vi cướp giật tài sản ngay khi thực hiện đó tỏc động đến quan hệ sở hữu, đe dọa phá vỡ nó nên hậu quả của hành vi cướp giật tài sản xuất hiện ngay khi người phạm tội thực hiện hành vi. Vỡ vậy, hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc phải có trong mặt khách quan của tội phạm này. Khi tội phạm hoàn

thành, hậu quả trên thực tế đó xảy ra qua sự biến đổi nhất định trong thực tế khách quan dưới dạng thiệt hại về vật chất hoặc phi vật chất.

Trong thực tiễn xét xử, hành vi chiếm đoạt trong tội cướp giật tài sản phải được hiểu là người phạm tội đó chiếm đoạt được, tức là đó gây hậu quả nhất định qua sự biến đổi nhất định trong thực tế khách quan cho dù người phạm tội đó thực sự chiếm hữu tài sản hay chưa. Hậu quả này phải có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội. Hành vi chiếm đoạt coi là bắt đầu khi người phạm tội bắt đầu thực hiện việc làm mất khả năng chiếm hữu của chủ tài sản, để tạo khả năng đó cho mình. Khi người phạm tội đó làm chủ được là sản chiếm đoạt thờ lỵc đó hành vi chiếm đoạt được coi là đó hoàn thành, người phạm tội coi là đó chiếm đoạt được tài sản [43, tr. 367]. Không phải trong tất cả mọi trường hợp việc chiếm đoạt thể hiện như nhau mà để kết luận đó chiếm đoạt hay chưa? phải dựa vào đặc điểm, vị trí, cách thức giữ tài sản bị chiếm đoạt thờ mới thể hiện được ý thức của hành vi thực tế mà người phạm tội đó thực hiện [43, tr. 383].

- Nếu vật nhỏ gọn, dễ lấy như dây chuyền, hoa tai... thờ coi là đó chiếm đoạt được tài sản khi người phạm tội giật được tài sản rời khỏi sự kiểm soát của chủ sở hữu.

- Nếu vật chiếm đoạt không thuộc loại nói trên thờ coi chiếm đoạt được tài sản khi người phạm tội đó giật được tài sản khỏi vị trí ban đầu.

Ở tội cướp giật tài sản, tài sản bị chiếm chiếm đoạt thường có thể tích nhỏ, gọn nhẹ, dễ lấy, dễ dịch chuyển như dây chuyền, điện thoại di động, túi xách... thờ chỉ kết luận là đó chiếm đoạt khi chuyển dịch được tài sản khỏi vị trí ban đầu và khỏi sự kiểm soát của chủ sở hữu. Sự kiểm soát này phải được đánh giá, xác định thông qua cách thức chiếm hữu, giữ, bảo quản tài sản. Cách thức chiếm hữu, giữ, bảo quản tài sản có thể được thực hiện theo hai cách: tài sản được giữ trong tầm quan sát (thường là phía trước người quản lý tài sản); tài sản được giữ ngoài tầm quan sát của người quản lý tài sản nhưng họ phải có thể kiểm soát được sự dịch chuyển của tài sản đó như để ở túi quần sau, đeo túi đằng sau lưng, kẹp đằng sau xe ...

Đối với những tài sản được giữ trong tầm quan sát của người quản lý tài sản thờ khi hành vi cướp giật tài sản xảy ra, người quản lý tài sản thường nhận biết được ngay. Nhưng đối với những tài sản được giữ ở ngoài tầm quan sát của người quản lý tài sản thờ

việc nhận thức của người bị cướp giật tài sản có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định tội. Nếu người quản lý tài sản nhận biết được ngay khi có hành vi của người chiếm đoạt thì hành vi đó mới cấu thành tội cướp giật tài sản. Trong trường hợp người quản lý tài sản không nhận biết được ngay khi có hành vi của người phạm tội mà chỉ khi những người xung quanh hô hoán mới biết, thì hành vi của người chiếm đoạt tài sản khi đó có dấu hiệu lén lút, bí mật. Hành vi này khi đó thiếu tính công khai. Hậu quả xảy ra khi đó là do hành vi trong cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Thời điểm người phạm tội cướp giật tài sản hoàn thành hành vi chiếm đoạt chính là thời điểm mà chủ sở hữu bị xâm phạm quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với tài sản của mình. Tại thời điểm đó, quan hệ sở hữu đó bị hành vi cướp giật tài sản xâm hại và người đang quản lý tài sản khụng cùn khả năng thực hiện các quyền năng đối với tài sản của mình. Đối với tội cướp giật tài sản, thời điểm hoàn thành của tội phạm cũng là thời điểm hoàn thành hành vi chiếm đoạt, tức là dịch chuyển một cách bất hợp pháp đối với tài sản của chủ sở hữu, sự dịch chuyển này không phụ thuộc vào kết quả cuối cùng là kẻ phạm tội có thực hiện được quyền chiếm giữ, sử dụng, định đoạt tài sản hay không [29, tr. 32-46].

Ví dụ: Ngày 02/01/2003, Hoàng Thanh Tuấn và Phùng Quốc Việt đi xe máy áp sát chị Đỗ thị Yến đang đi xe máy chạy cùng chiều trên đường Nguyễn Hữu Huân. Tuấn dùng tay giật chiếc túi xách chị Yến đang kẹp ở giá đèo hàng ở giữa xe nhưng bị mắc quai túi nên không giật được chiếc túi khỏi xe chị Yến. Chị Yến đó kịp thời đâm xe vào xe của Tuấn, Việt và cùng nhân dân bắt giữ 2 tên. Trong trường hợp này mặc dù Tuấn, Việt chưa thực hiện được quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản nhưng hành vi của Tuấn, Việt được coi là cấu thành tội cướp giật tài sản nhưng chưa hoàn thành vớ tài sản Tuấn, Việt có mục đích chiếm đoạt là chiếc túi xách đó khụng dịch chuyển khỏi sự kiểm soát của chị Yến khi Tuấn giật là do khách quan, ngoài suy nghĩ của Tuấn, Việt. Như vậy, ở đây cần có sự phân biệt là Tuấn, Việt đó hoàn thành việc chiếm đoạt tài sản của người tội phạm nhưng tội phạm lại chưa hoàn thành.

Tội phạm cướp giật tài sản chỉ coi là đó hoàn thành khi người phạm tội giật được tài sản thoát khỏi sự chiếm hữu của người đang quản lý tài sản (kể cả trường hợp người

phạm tội sau khi giật được tài sản đó bỏ lại tài sản đó cướp giật được để tẩu thoát). Mặt khác, tài sản này phải thuộc khách thể được pháp luật hõnh sự bảo vệ.

1.2.5. Mặt chủ quan của tội cướp giật tài sản

Mặt chủ quan của tội phạm là đặc điểm tâm lý bên trong của cách xử sự có tính chất tội phạm xâm hại đến khách thể được bảo vệ bằng pháp luật hõnh sự, tức là thái độ tâm lý của chủ thể được thể hiện dưới hõnh thức cố ý hoặc vụ ý [13, tr. 376].

Đối với tội cướp giật tài sản, người phạm tội nhận thức được hành vi của mình, thực hiện hành vi đó một cách công khai và hoàn toàn không có ý định che giấu hành vi đó. Người phạm tội mong muốn bằng hành động của mình làm chủ tài sản không kịp có phản ứng ngăn cản việc chiếm đoạt tài sản nên không cần dùng bất cứ thủ đoạn nào khác để đối phó trực tiếp với chủ tài sản để chiếm đoạt thành công tài sản của họ. Người phạm tội biết tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn muốn chiếm đoạt bằng được. Như vậy, người phạm tội đó cú dấu hiệu cố ý để hậu quả thực tế xảy ra là chiếm được tài sản từ người khác. Để đạt được mục đích của mình (để hậu quả nêu trên xảy ra), người phạm tội đó phải lựa chọn cõch hành động không được pháp luật cho phép là nhanh chóng giật lấy tài sản rồi bỏ chạy. Như vậy, người thực hiện tội phạm đó cú sự cố ý đối với hành động bất hợp pháp của mình. Khi đó, người thực hiện hành vi đó cú lỗi trong việc thực hiện tội phạm tội cướp giật tài sản.

Điều 9 BLHS năm 1999 quy định về lỗi cố ý:

1. Người phạm tội nhận thức rừ hành vi của mình là nguy hiểm cho xó hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;
2. Người phạm tội nhận thức rừ hành vi của mình là nguy hiểm cho xó hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó cú thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng cú ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra [8].

Hành vi tội cướp giật tài sản được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp theo quy định tại đoạn 1 Điều 9 nêu trên. Bởi lẽ, người thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản khi phát hiện thấy sơ hở của người quản lý tài sản, mong muốn chiếm đoạt tài sản đó và để thực hiện mong muốn đó người phạm tội đó dựng thủ đoạn nhanh chóng công khai chiếm

đoạt tài sản dù biết rõ hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội biết tài sản thuộc sở hữu của người khác và đang trong sự quản lý của họ, nhưng vẫn thực hiện hành vi chiếm đoạt một cách bất hợp pháp và mong muốn biến tài sản đó thành tài sản của mình. Như vậy, thái độ tâm lý của người phạm tội cướp giật tài sản là mong muốn cho hậu quả xảy ra là chiếm đoạt tài sản của người khác.

Đối với tội cướp giật tài sản, hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc cho nên người cố ý trực tiếp phạm tội không những nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình mà ngay khi thực hiện hành vi cũng đã thấy trước được hậu quả của nó [43, tr. 104]. Những trường hợp lầm tưởng là tài sản của mình hoặc tài sản không có người quản lý hay không có mục đích chiếm đoạt tài sản đều không phải là hành vi tội cướp giật tài sản. Những trường hợp này sẽ không cấu thành tội cướp giật tài sản hoặc cấu thành một tội phạm khác. Ví dụ: A đánh rơi ví. Khi quay lại tìm thấy B đang cầm xem 1 chiếc ví mà B mới mua. A đó chạy tới giật chiếc ví mà B đang cầm. Hành vi của A đó đủ dấu hiệu ở mặt khách quan của tội cướp giật tài sản nhưng trong ý thức chủ quan của A không mong muốn chiếm đoạt tài sản của B mà tưởng là tài sản của mình và giật lại. Do vậy, hành vi của A không cấu thành tội cướp giật tài sản vì A khụng cú lỗi.

Mục đích phạm tội có thể hiểu là kết quả trong tương lai mà người phạm tội hình dung ra và mong muốn đạt được bằng việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm. Mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc trong mặt chủ quan của tội cướp giật tài sản. Chiếm đoạt là hành vi cố ý chuyển dịch quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành tài sản của mình hoặc một nhóm người. Chiếm đoạt không cữn là mục đích hành động mà phải thực hiện trong thực tế. Nết không nhằm mục đích đó thờ hành vi đó thực hiện khụng phải là hành vi tội cướp giật tài sản. Ví dụ: A bị B giật mất điện thoại và bỏ chạy để đọc tin nhắn của A (A và B quen nhau). Trong trường hợp này hành vi của B có đầy đủ dấu hiệu như ở mặt khách quan của tội cướp giật tài sản nhưng B không có ý thức chiếm đoạt điện thoại của A. Mong muốn của B khi thực hiện hành vi chỉ là có thể xem tin nhắn trên điện thoại của A rồi trả lại máy điện thoại cho A chứ không mong muốn việc chiếm đoạt hoàn toàn

tài sản của A. Hành vi của B như vậy là không đủ cấu thành tội cướp giật tài sản vũ khụng cú dấu hiệu của mục đích chiếm đoạt.

Trên thực tế, đôi khi xuất hiện trường hợp có sự không phù hợp giữa ý thức chủ quan của người phạm tội và thực tế khách quan về tính chất đối tượng bị xâm hại. Nghĩa là hậu quả đó xảy ra trên thực tế do hành vi phạm tội mang lại không đúng như suy nghĩ của chủ thể. Đây là trường hợp sai lầm về khách thể và đối tượng xâm hại. Trường hợp này có hai hướng giải quyết khác nhau: hướng giải quyết định tội theo khách quan và hướng giải quyết định tội theo chủ quan.

Hướng giải quyết định tội theo khách quan cho rằng thực tế hành vi xâm hại tới khách thể nào thờ định tội theo quan hệ xó hội đó, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội.

Hướng giải quyết định tội theo chủ quan cho rằng người phạm tội tưởng và mong muốn xâm hại khách thể nào thờ định tội danh theo quan hệ xó hội đó. Quan điểm này cho rằng như vậy vừa đơn giản, vừa phù hợp với tâm lý người phạm tội của đa số những trường hợp xâm phạm sở hữu [43, tr. 186]. Thực tế phỏp luật hõnh sự Việt Nam giải quyết trường hợp này như sau:

- Nếu ý thức chủ quan của người phạm tội rừ ràng (biết rừ tài sản chiếm đoạt là gỡ hoặc mong muốn chiếm đoạt được tài sản gỡ) thờ định tội theo ý thức chủ quan.
- Nếu ý thức chủ quan khụng rừ ràng (không quan tâm đến tài sản là gỡ khi thực hiện hành vi) thờ định tội danh theo thực tế khách quan.

Ví dụ A với mục đích cướp giật tài sản, khi thấy một người khoác chiếc túi trên vai chuẩn bị lên tàu. A áp sát để giật chiếc túi rồi bỏ chạy. Trong túi có nhiều vật dụng cá nhân và hai khẩu súng ngắn. Trong trường hợp này, nếu ý thức chủ quan của A là cướp túi xách gỡ biết rừ là có tiền, tài sản có giá trị khác hoặc nghĩ là có tiền, tài sản có giá trị khác nên cướp giật để chiếm đoạt tiền, tài sản đó (những tài sản này là đối tượng của tội cướp giật tài sản) thờ hành vi của A phạm tội cướp giật tài sản. Nếu ý thức chủ quan của A khụng rừ ràng, không quan tâm đến tài sản trong túi xách là gỡ thờ hành vi của A cấu thành tội chiếm đoạt vũ khí quân dụng quy định tại Điều 230 BLHS năm 1999.

Hướng giải quyết như vậy là hợp lý hơn cả. Khi đó mọi dấu hiệu khách quan, chủ quan đều được xem xét, đánh giá toàn diện. Nó vừa thể hiện hết ý thức chủ quan của người phạm tội, vừa thực hiện được sự bảo vệ của pháp luật hõnh sự đối với các quan hệ xã hội. Nếu chỉ căn cứ vào dấu hiệu khách quan hoặc chủ quan thờ việc định tội sẽ không được chính xác, thiếu sức thuyết phục.

Động cơ phạm tội không được pháp luật hõnh sự quy định cụ thể nhưng có thể hiểu là động lực (nhu cầu và lợi ích) bên trong thúc đẩy quyết tâm của người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hõnh sự cấm [13, tr. 381] Trong điều luật quy định về tội cướp giật tài sản không quy định dấu hiệu động cơ của tội phạm này. Căn cứ vào mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội thờ ở tội cướp giật tài sản, người phạm tội phải có động cơ tư lợi. Người phạm tội mong muốn chiếm hữu tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu và lợi ích của bản thân. Chính động cơ tư lợi này đó thúc đẩy, tạo quyết tâm thực hiện tội phạm đến cùng người phạm tội tội cướp giật tài sản. Như vậy, tội cướp giật tài sản được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, với mục đích chiếm đoạt tài sản với động cơ tư lợi.

1.3. Trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội cướp giật tài sản

Qua quá trình thực tiễn và công tác xét xử, BLHS năm 1985 đó khung cũn đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phũng chống tội phạm núi chung và tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng nữa. Việc phân định tài sản thuộc sở hữu XHCN hay tài sản của công dân đó gây rất nhiều phức tạp, khú khăn trong quá trình xét xử và khung cũn cần thiết. Trước thờ hõnh đó, tại lần pháp điển hóa luật hõnh sự lần thứ hai, hai chương IV và VI của BLHS năm 1985 đó được nhập vào thành một chương XIV với 13 tội danh trong BLHS năm 1999. Trước khi BLHS năm 1999 ra đời, tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản được quy định tại cùng một điều luật là Điều 131 (cướp giật tài sản XHCN) và Điều 154 (cướp giật tài sản của công dân) BLHS năm 1985. Đến BLHS năm 1999 thờ tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản đó được quy định thành hai tội phạm ở hai điều khác nhau, tội cướp giật tài sản (Điều 136 BLHS năm 1999) và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137 BLHS năm 1999). Điều này phản ánh đúng tính chất, mức độ nguy hiểm lớn hơn cho xã hội của tội cướp giật tài sản so với

tội công nhiên chiếm đoạt tài sản. Với thái độ cương quyết của chính sách hõnh sự đối với tội cướp giạt tài sản, Điều 136 BLHS năm 1999 được quy định bao gồm bốn khung hõnh phạt thay vớ cú ba khung như trong quy định của BLHS năm 1985. Và đặc biệt về mức hõnh phạt BLHS năm 1999 quy định nghiêm khắc hơn so với BLHS năm 1985. Người phạm tội cướp giạt tài sản có thể bị phạt tù chung thân.

- Khung 1 (cấu thành cơ bản) BLHS năm 1999 quy định hõnh phạt tự tù từ một năm đến năm năm.

- Khung 2: hõnh phạt tự tù từ ba năm đến mười năm áp dụng đối với trường hợp phạm tội có tởnh tiết định khung tăng nặng gồm:

a) Cú tổ chức: phạm tội cú tổ chức hõnh thức đồng phạm đặc biệt, là trường hợp phạm tội có từ 2 người trở lên, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội, có sự bàn bạc, phân công giữa những người thực hiện tội phạm. Loại hõnh phạm tội này có xu hướng tăng trong những năm gần đây, gây thiệt hại, thất thoát lớn về tài sản.

b) Có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp phạm tội nhiều lần và coi hoạt động tội cướp giạt tài sản là cách thức kiếm sống, nguồn sống chính cho bản thân [29, tr. 247]. Người phạm tội cố ý phạm tội liờn tục về cựng một tội phạm, lấy cóc lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Những kẻ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp trong tội cướp giạt tài sản thường là những phần tử sa đọa, biến chất, lưu manh, là đối tượng tệ nạn xó hội... nờn tởnh chất của hành vi phạm tội của chỳng mang tởnh nguy hiểm cao cho xó hội.

c) Tái phạm nguy hiểm. Đây là trường hợp người phạm tội đó bị kết ỏn về loại tội rất nghiêm trọng trở lờn chưa được xóa án mà lại phạm loại tội rất nghiêm trọng trở lờn do cố ý. Tức là người phạm tội đó bị phạt tự về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội cướp giạt tài sản cú tởnh tiết tăng nặng chuyờn khung hoặc đó tởi phạm, chưa được xóa án tích, nay phạm tội cướp giạt tài sản [3, tr. 199].

d) Dùng thủ đọan nguy hiểm là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nhanh chóng chiếm đoạt tài sản bằng thủ đọan mà có thó gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Dùng thủ đọan nguy hiểm là biểu

hiện của sự quyết tâm chiếm đoạt bằng được tài sản của người phạm tội nhưng tính nguy hiểm cao, đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại như dùng mô tô, xe máy để thực hiện hành vi cướp giật hoặc cướp giật tài sản của người đang đi mô tô, xe máy... Do vậy, tính chất mức độ của tội phạm nguy hiểm cao hơn trong trường hợp phạm tội cướp giật tài sản bình thường. Hiện nay đây là thủ đoạn nhiều nhất mà bọn phạm tội cướp giật tài sản sử dụng để hoạt động phạm tội cướp giật tài sản ở Hà Nội.

đ) Hành hung để tẩu thoát là trường hợp mà người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng bị phát hiện và bị bắt giữ hoặc bị bao vây bắt giữ thì đã có những hành vi chống trả lại người bắt giữ hoặc người bao vây bắt giữ như đánh, chém, bắn, xô đẩy... nhằm tẩu thoát. Người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị phát hiện đuổi bắt đó cú hành vi dùng sức mạnh chống lại việc bắt giữ của chủ sở hữu hoặc của người khác để tẩu thoát. Việc chống trả này không đũi hỏi cú gây thương tích đáng kể hay không. Mục đích của việc chống trả là nhằm tẩu thoát, nếu nhằm để giữ bằng được tài sản vừa cướp giật được thờ là trường hợp chuyển hóa từ tội cướp giật tài sản thành tội cướp tài sản. Tónh nguy hiểm của tởnh tiết này được biểu hiện ở việc ngoài gây thiệt hại về tài sản cũn xõm hại đến sức khỏe của chủ sở hữu và những người khác, xâm phạm đến trật tự xó hội Vớ dụ 9/2003 Lương đèo Tường đi xe Dream, Tường ngồi trên xe máy, cũn Lương nhảy xuống giật sợi dây chuyẻn của chị Vân Anh đang đứng gần đó rồi chạy lên xe Tường đang chờ sẵn để tẩu thoát, thờ bị một người đi đường đâm xe máy vào xe Tường làm xe bị đổ, Lương bị anh Đức cán bộ công an đang đi làm về xông vào bắt giữ, Lương dùng dao đâm vào tay anh Đức làm anh Đức bị thương.

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30%.

g) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.

h) Gây hậu quả nghiêm trọng.

- Khung 3: BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm áp dụng trong trường hợp phạm tội có một trong các tởnh tiết tăng nặng định khung quy định thể hiện tính nghiêm khắc cao hơn và bao gồm các tởnh tiết sau:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60%.

b) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng.

c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

- Khung 4: BLHS năm 1999 quy định hình phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân áp dụng trong trường hợp phạm tội có một trong các tởnh tiết tăng nặng định khung quy định:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc làm chết người. Gây chết người là trường hợp người bị tấn công chết nhưng nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của nạn nhân không phải do hành vi tấn công mà nằm ngoài ý muốn của kẻ phạm tội và do những nguyên nhân khách quan, ví dụ do bị giạt tài sản, người bị hại ngã xe đập đầu xuống đường dẫn đến chết người.

b) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Các tởnh tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", "gây hậu quả rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" trong các khoản 2, 3, 4 của điều luật này không phải là hậu quả về sức khỏe, tính mạng vỡ thiệt hại này đó được quy định là một tởnh tiết định khung riêng biệt. Hậu quả này có thể là về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến chính trị hoặc thiệt hại về tài sản. Do đó phải đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ các hậu quả mà tội phạm gây ra để xác định thuộc trường hợp nào [2, tr. 188].

- Khoản 5 quy định hình phạt bổ sung: BLHS năm 1999 quy định hình phạt bổ sung vào từng điều luật cụ thể, đối với tội cướp giật tài sản hình phạt bổ sung là: Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng.

Tội phạm cướp giật tài sản là loại tội xâm phạm đến vấn đề sở hữu của chủ sở hữu. Nó đe dọa hoặc trực tiếp gây thiệt hại về vật chất cho chủ sở hữu tài sản. Do vậy, trong phần chế tài, các nhà lập pháp đã quy định hình phạt tiền là hình phạt bổ sung để Tòa án có thể tùy từng trường hợp lựa chọn áp dụng nhằm trừng phạt về vật chất nhất định đối với người phạm tội. Việc áp dụng chế tài này cụ thể là tước đi một khoản tiền nhất định của người phạm tội để sung vào công quỹ của Nhà nước với mức tối thiểu là 10 triệu đồng và tối đa là 100 triệu đồng.

Chương 2

Tình hình, nguyên nhân, điều kiện của tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1. Vài nét cơ bản về thành phố Hà Nội

Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, nhiều quan hệ xã hội cũng phát triển đa dạng và phức tạp. Đặc biệt khi xuất hiện sở hữu tư nhân thì các quan hệ trong xã hội càng trở nên đa dạng, gay gắt và trong xã hội hình thành các tập hợp người có lợi ích giống nhau gọi là giai cấp. Một bộ phận không nhỏ trong xã hội muốn có lợi ích về vật chất, tinh thần nhiều hơn những người khác nhưng lại ít phải lao động đã bắt đầu xuất hiện và ngày càng nhiều. Đây chính là mầm mống của tội phạm. Các nhà nước trên thế giới, muốn duy trì ổn định trật tự xã hội và kéo dài thời gian quản lý xã hội cần thiết phải có một hệ thống pháp luật trong đó có pháp luật hình sự làm thước đo cho các chuẩn mực xã hội. Chính từ khi có sự xuất hiện của pháp luật hình sự, tội phạm đã bắt đầu được miêu tả, nhận diện là một hành vi gây ra hoặc đe dọa gây ra một sự nguy hiểm nhất định cho xã hội và bị nghiêm cấm trong xã hội. Như vậy, tội phạm là một hiện tượng xã hội - pháp lý gắn liền với sự ra đời của Nhà nước và pháp luật, cũng như sự xuất hiện của sở hữu tư nhân và sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng [13, tr. 287], có nguồn gốc xuất phát từ xã hội và mang tính xã hội. Tội phạm có liên hệ chặt chẽ, biện chứng với các hiện tượng xã hội khác với các điều kiện tồn tại xã hội.

Đối với mỗi một phạm vi xã hội, chế độ xã hội khác nhau, thì quan niệm về tội phạm cũng có sự khác nhau. Nhưng nhìn chung, tội phạm là hành vi của con người có năng lực nhận thức và năng lực hành vi gây ra hoặc đe dọa gây ra một sự nguy hiểm nhất định cho xã hội. Bản thân tội phạm và diễn biến của nó trực tiếp tác động tới lợi ích của từng cá nhân và toàn xã hội, trực tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra sự nguy hiểm cho các mối quan hệ xã hội. Ngược lại, các quan hệ xã hội trong quá trình vận động và phát triển cũng có tác động nhất định, ảnh hưởng tới tình hình tội phạm theo cả hai hướng tích cực và tiêu cực. Chính vì vậy, khi nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, chúng ta nghiên cứu nó với các mối quan hệ với tình hình tội phạm chung và

các điều kiện, đặc điểm về mọi mặt đời sống xã hội, kinh tế, chính trị... của thành phố Hà Nội. Từ đó, chúng ta mới có thể nhận thức được đầy đủ, đúng đắn hiện tượng xã hội này và có cơ sở đề ra các biện pháp tác động, làm chuyển biến tình hình tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng một cách có hiệu quả.

Bên cạnh sự phát triển về diện tích, dân cư, đời sống của thành phố Hà Nội và tác động xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng luôn có xu hướng gia tăng về số lượng, tính chất và mức độ trong những năm gần đây. Diễn biến của tình hình tội phạm nói chung và cũng như diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản đã và đang gây những tác hại về mặt kinh tế - chính trị - xã hội và đời sống nhân dân, ảnh hưởng tới truyền thống đạo đức cũng như hình ảnh của thành phố Hà Nội. Ngược lại, các mặt kinh tế, chính trị, xã hội của thành phố cũng có những tác động nhất định tới tình hình tội cướp giật tài sản từ hai hướng tích cực và tiêu cực.

Về vị trí địa lý, hành chính: Thành phố Hà Nội là vùng đồng bằng thuộc châu thổ sông Hồng nằm ở phía bắc của đất nước. Qua quá trình lịch sử, Hà Nội đã được nhiều triều đại chọn làm kinh đô của nước Việt Nam. Với vị trí địa lý thuận lợi và bề dày văn hóa - lịch sử, thành phố Hà Nội đã được chọn là thủ đô của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Trên địa bàn thành phố Hà Nội tập trung rất nhiều cơ quan trung ương cùng các đại sứ quán và các cơ quan ngoại giao, tổ chức phi chính phủ... và các cơ địa phương của thành phố Hà Nội. Do vậy, thành phố Hà Nội trở thành trung tâm đầu não chính trị, ngoại giao quốc tế và là trái tim của cả nước. Tại Hà Nội hàng năm có rất nhiều cuộc tiếp đón ngoại giao cao cấp như cấp Chính phủ, cấp bộ... Chính vì vậy, thành phố Hà Nội cũng như bộ mặt của đất nước trước các nước khác trên thế giới. Những điều kiện về bảo vệ an ninh chính trị, ổn định kinh tế, đời sống xã hội luôn được Nhà nước cũng như chính quyền thành phố Hà Nội chú trọng. Nỗ lực này đã và đang được dư luận trong, ngoài nước nhìn nhận, đánh giá cao, góp phần bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Thành phố Hà Nội hiện nay bao gồm 9 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành trong đó có 125 phường, 99 xã và 5 thị trấn. Quá trình chia tách, mở rộng thành phố là đòi hỏi tất yếu của xã hội. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa quá nhanh, xã hội có sự phát triển

vợt bậc so với thời kỳ bao cấp trong khi năng lực quản lý của chính quyền địa phương còn yếu đã dẫn đến sự buông lỏng quản lý, thiếu văn bản quy phạm pháp luật và thiếu cương quyết trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã dẫn đến việc hình thành, tồn tại khá nhiều địa bàn thuận lợi cho hoạt động phạm tội. Theo số liệu điều tra cơ bản, toàn thành phố có 583 địa bàn phức tạp về an ninh trật tự, phần lớn những địa bàn này là khu vực công cộng nằm trong nội thành và các khu vực ven nội, đó là các nhà ga, bến xe, công viên, chợ, khu vực giáp ranh [15]. Trong nội thành vẫn còn khá nhiều địa bàn dân cư phức tạp như xóm liêu Thanh Nhàn, Thanh Lương, Phúc Xá, Phúc Tân, Chương Dương... Đây thực sự là những địa bàn lý tưởng, là nơi tập trung hoạt động phạm tội hoặc hội tụ của bọn tội phạm và các đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội do lưu lượng người qua lại quá đông đúc hoặc quá vắng vẻ, thiếu sự quản lý, giám sát của chính quyền.

Thành phố Hà Nội là nơi tập trung nhiều bảo tàng, thư viện, nhà hát... Nhiều hoạt động văn hóa lớn cũng được tổ chức hàng năm tại Hà Nội. Ngoài sự phát triển về văn hóa, thành phố Hà Nội còn phát triển nhiều về giáo dục, đào tạo. Hà Nội có rất nhiều trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học với số học sinh, sinh viên hàng năm theo học rất đông. Năm 2001 có 21 trường dạy nghề với 14.000 học sinh, 28 trường trung cấp kỹ thuật với gần 25.500 học sinh và 43 trường Đại học, Cao đẳng với 368.700 học sinh, sinh viên. Ngoài ra, Hà Nội còn có gần 493 trường phổ thông tiểu học và trung học với tổng số học sinh theo học ngày càng gia tăng, nhất là phổ thông trung học [27, tr .8]. Đây cũng là một vấn đề gây phức tạp đối với việc quản lý học sinh sinh viên, một thành phần ngày càng nhiều trong tỷ lệ phạm tội. Bên cạnh đó, còn có sự thiếu trách nhiệm trong giáo dục con cái của các bậc cha mẹ, suy thoái đạo đức trong xã hội, trào lưu sống gấp, hưởng thụ... cũng ảnh hưởng xấu đến lứa tuổi học sinh, sinh viên hiện nay.

Cơ cấu kinh tế, xã hội: Trải qua thời kỳ kinh tế bao cấp, ngày nay thành phố Hà Nội đã có một diện mạo hoàn toàn mới. Kể từ khi Nhà nước ta có chủ trương xây dựng cơ chế kinh tế thị trường, cùng với sự đổi mới trên toàn quốc, thành phố Hà Nội đã có nhiều cơ hội về việc làm hơn, mức thu nhập cao hơn và môi trường sống cũng được nâng cao hơn. Điều này đã làm cho dân số sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội

luôn có xu hướng gia tăng. Việc phân bố dân cư, thành phần dân cư, cơ cấu dân cư trên các khu vực của thành phố Hà Nội có quan hệ nhất định tới tình hình tội cướp giật tài sản. Cơ cấu dân cư, mật độ dân cư, điều kiện, hoàn cảnh đều có quan hệ trực tiếp tới người phạm tội, chủ thể của tội phạm. Đặc điểm của từng khu vực, địa bàn, nhất là địa bàn vắng vẻ là môi trường thuận lợi cho hoạt động phạm tội và ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình tội cướp giật tài sản. Thành phố Hà Nội hiện có diện tích 921 km², chiếm bình quân 2,8% diện tích tự nhiên cả nước và mật độ dân số là 3.347 người/km². Dân số trung bình của thành phố Hà Nội là 3.082.800 người, đứng thứ hai trong nước sau Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy dân số lớn nhưng phân bố dân cư trong thành phố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực nội thành cũ và rải rác tại các khu đô thị mới... Diện tích nội thành cũ của Hà Nội bao gồm 4 quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa rất nhỏ (chỉ chiếm khoảng 9,2% tổng diện tích thành phố) nhưng lại có số dân sinh sống lớn (chiếm hơn 58,7% tổng dân số toàn thành phố) [27, tr. 29; 35]. Do vậy, mật độ dân số trong nội thành cao nhất toàn quốc: 17.868 người/km² [32, tr. 5].

Thành phần dân cư tại Hà Nội rất đa dạng người lao động thủ công, người lao động trí óc, đội ngũ trí thức... nhưng chủ yếu là người ngoại tỉnh di cư về Hà Nội làm ăn, sinh sống. Cùng với xu hướng đời sống đô thị cộng với công tác dân số tốt, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của Hà Nội đã được kiểm chế và hiện đang phát triển trong phạm vi cho phép. Tuy nhiên, dân số sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn gia tăng mạnh. Nguyên nhân là do dòng người từ các địa phương khác không có việc làm; thu nhập thấp, bấp bênh đã vào mỗi năm một nhiều để tìm việc làm, thu nhập tốt hơn mà chính quyền chưa có biện pháp, chính sách hữu hiệu nào để điều tiết, quản lý một cách lâu dài. Số người ở các địa phương khác về Hà Nội để sinh sống mỗi năm ước tính trên 100.000 người chiếm số đông là dân lao động chân tay, thiếu kiến thức cộng với sinh viên đang theo học hoặc ra trường không về địa phương công tác mà ở lại Hà Nội kiếm sống. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây nên những phức tạp về an ninh - trật tự công cộng và tội phạm. Với những đặc điểm khác biệt này, tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cướp giật tài sản nói riêng trên địa bàn Hà Nội cũng có những sự khác biệt so với tình hình tội phạm ở các địa phương khác.

Trong cơ cấu dân cư, tỷ lệ đối tượng hình sự chiếm 1,1% dân số. Nếu những năm đầu thập niên 90, Hà Nội có khoảng trên 10.000 người có án tù, đi tập trung cải tạo và đi trường giáo dưỡng về thì đến những năm gần đây con số này đã tăng lên trên 30.000 người vào năm 2005 [15]. Đa số người được tha về do không có công ăn việc làm ổn định, nhu cầu sống cao, không chịu cải tạo lao động. Vì vậy dẫn đến con đường phạm tội trở lại, tỷ lệ tái phạm trong các năm dao động từ 17-21%. Trung bình hàng năm có hàng nghìn người bị truy nã. Số người nghiện ma túy tăng nhiều, năm 1993 có 2.134 người nhưng năm 2003 tăng lên 15.000 người. 75-80% người phạm tội bị bắt giữ là đối tượng nghiện ma túy [17].

Cùng với nền kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo cũng trở nên rõ rệt, tạo ra những mâu thuẫn trong xã hội, việc làm cho người lao động vẫn còn nan giải, các chính sách xã hội còn nhiều bất cập, tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, hoạt động phạm tội trên địa bàn ngày càng tinh vi xảo quyệt và gia tăng. Trong những năm cuối thập niên 90, tỷ lệ người thiếu việc làm đang tăng lên theo xu hướng ngày càng cao, số liệu điều tra thành phố có 90.000 người đến tuổi lao động nhưng chưa có việc làm và khoảng 14.000 học sinh đang độ tuổi đi học nhưng không có điều kiện đi học. Tỷ lệ thất nghiệp ở Hà Nội tính đến năm 2002 là 7,08% [27, tr. 47]. Vấn đề trên tạo gánh nặng về xã hội mà chưa thể giải quyết được ngay và cũng ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm.

Nghiên cứu các đặc điểm về nhân khẩu-xã hội như là giới tính, độ tuổi, học vấn, hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp, nơi cư trú... thuộc nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản ta có thể thấy sự ảnh hưởng rất lớn của kinh tế. Những đặc điểm này phản ánh nội dung nội tại của người phạm tội, được xem xét nghiên cứu dựa trên các mặt đặc trưng của một người phạm tội. Vai trò của cá nhân trong cộng đồng, mối quan hệ của cá nhân đó với cộng đồng không thể tách rời nhau. Nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng bắt nguồn từ những vấn đề kinh tế. Năm 2001 đạt tốc độ tăng trưởng GDP là 10,03%, chiếm 7,3% so với cả nước [32, tr. 6]. GDP bình quân đầu người năm 2004 đạt khoảng 11 triệu đồng, bằng khoảng 2,3 lần cả nước.

Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn nhiều biểu hiện yếu kém. Đó là tiềm năng kinh tế của thành phố chưa được khai thác đúng mức, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước

chưa rõ, cơ chế quản lý hành chính còn lúng túng, bất cập và còn nhiều sơ hở, thiếu sót là điều kiện cho bọn tội phạm lợi dụng hoạt động. Trong kinh tế thị trường xuất hiện nhiều loại nghề và các hình thức dịch vụ mới như nghề kinh doanh vàng bạc, cho thuê xe máy... đã và đang bị bọn tội phạm lợi dụng để hoạt động phạm tội.

Những đặc điểm và các yếu tố trên mang tính đặc thù riêng của thành phố Hà Nội đã và đang ảnh hưởng tới tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội cướp giật nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Tình hình tội cướp giật tài sản tại thành phố Hà Nội từ năm 2001 đến năm 2005

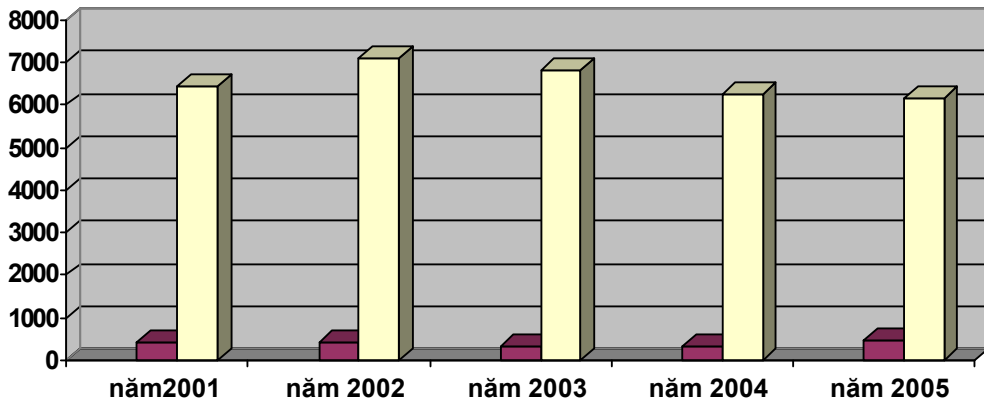
Sau khi nước ta chuyển đổi nền kinh tế từ bao cấp sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, tình hình tội phạm cũng có sự biến đổi về số lượng, phạm vi, tính chất và mức độ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng không tốt đến môi trường đầu tư, kinh doanh. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp cấp bách tăng cường an ninh, trật tự an toàn xã hội, cùng các biện pháp tăng cường quản lý nhà nước thông qua việc củng cố, kiện toàn bộ máy, tổ chức Nhà nước và hệ thống pháp luật. Các chiến lược cải cách tư pháp đã được đề ra và phổ biến rộng rãi, hàng loạt văn bản pháp quy được ban hành theo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ. Tuy nhiên, tình hình tội phạm trong cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng tuy có chững lại nhưng diễn biến phức tạp và vẫn có xu hướng sẽ gia tăng, cơ cấu thành phần tội phạm có những biến đổi theo hướng đa dạng chứ không chỉ tập trung vào các đối tượng lưu manh, chuyên nghiệp. Cũng không nằm ngoài xu hướng đó, tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng có diễn biến phức tạp riêng của nó. Để đánh giá toàn diện tình hình tội phạm cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, chúng ta cần xem xét mối liên hệ của nó với tình hình tội phạm nói chung xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội.

** Tình hình tội phạm và sự tương quan đối với tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Thành phố Hà Nội là thủ đô của nước Việt Nam và cũng là một thành phố lớn trong nước. Tại đây các hoạt động chính trị, xã hội và kinh doanh thương mại diễn ra

ngày càng sôi động. Và đây cũng là môi trường thuận lợi cho các hoạt động phạm tội. Theo số liệu thống kê của Công an thành phố Hà Nội, từ năm 2001 đến năm 2005, trên địa bàn Hà Nội xảy ra 32.805 vụ phạm tội. Trong đó, Công an thành phố Hà Nội đã điều tra, khám phá được 21.737 vụ đạt 66.26%. Nếu tính bình quân thì mỗi năm có 21 vụ phạm tội trên tổng số 100.000 người dân. Cũng trong khoảng thời gian này, trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xảy ra tổng số 1.934 vụ cướp giật tài sản, bình quân mỗi năm xảy ra 386,8 vụ. Trong đó công an thành phố Hà Nội đã điều tra khám phá được 968 vụ, bắt giữ 1.171 đối tượng đạt 50.05%.

Trong 5 năm, tình hình tội phạm nói chung có sự thay đổi tích cực về mặt số học. Tuy nhiên nếu xem xét về cơ cấu tội phạm thì diễn biến của từng loại tội phạm là có khác nhau. Nhìn chung các loại tội có tính phổ biến, mức độ nguy hiểm cho xã hội không cao như trộm cắp tài sản thì có vẻ chững lại còn các tội phạm có tính nguy hiểm cao hơn thì lại có xu hướng tăng như trọng án, giết người... Xét tương quan giữa tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội cướp giật tài sản trong thời gian qua diễn biến không ổn định, tăng giảm thất thường. Diễn biến của tội cướp giật tài sản tăng giảm không như diễn biến của tội phạm nói chung. Nếu tổng số tội phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội có sự tăng đột biến vào năm 2002 sau đó giảm dần thì tội cướp giật sau khi giảm vào năm 2003 đã có sự gia tăng, đặc biệt tăng nhanh hơn vào năm 2005. Nếu so sánh tình hình tội phạm năm 2001 với năm 2005 thì số vụ phạm tội giảm 323 vụ, chiếm khoảng 5.25% (năm 2001 là 6465 vụ, năm 2005 là 6142 vụ) nhưng tội cướp giật tài sản tăng 67 vụ khoảng 14.22% (năm 2001 là 404 vụ, năm 2005 là 471 vụ).



Biểu

đồ 2.1: Tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công an thành phố Hà Nội).

Qua biểu đồ 2.1 chúng ta thấy tình hình tội phạm ở Hà Nội có sự tăng lên cao nhất vào năm 2002, nhưng sau đó thì tội phạm lại có xu hướng giảm dần và năm 2005 ở mức thấp nhất. Khác với tình hình tội phạm nói chung, tội cướp giật tài sản cũng có sự tăng cao vào năm 2002 là 416 vụ và giảm thấp nhất vào năm 2003 nhưng sau đó lại có xu hướng tăng dần và đạt mức cao nhất vào năm 2005 là 471 vụ. Như vậy, quy luật diễn biến của tội phạm cướp giật tài sản và tình hình tội phạm ở Hà Nội trong vòng 5 năm qua là không giống nhau.

Sau khi BLHS năm 1999 ra đời và có hiệu lực thi hành vào ngày 01.7.2000, tội phạm nói chung có xu hướng giảm. Vấn đề này là do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do một số hành vi trước đây coi là tội phạm những nay không coi là tội phạm nữa. Đây cũng là một trong những chủ trương của Đảng và chính sách hình sự của Nhà nước ta đó là phi hình sự hóa một số hành vi như trong nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhóm tội phạm về ma túy... Nhiều hành vi trước đây bị coi là tội phạm, nhưng bộ luật năm 1999 không quy định là tội phạm làm cho tổng số tội phạm giảm đáng kể, nhiều nhất là các tội trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Bảng 2.1: So sánh tình hình tội cướp giật tài sản với tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Tình hình phạm pháp hình sự cơ quan Công an thụ lý			
	Tội cướp giật tài sản		Tổng số tội phạm	
	Vụ	So sánh tỷ lệ%	Vụ	So sánh tỷ lệ%
2001	404	- 19 (4,7%)	6.465	- 308 (4,8%)
2002	416	+12 (2,9%)	7.115	+ 650 (9,1%)
2003	312	-104 (33,3%)	6.821	- 294 (4,3%)
2004	331	+19 (6%)	6.262	- 559 (8,9%)
2005	471	+140 (42%)	6.142	- 120 (1,9%)
Tặng cộng	1.934		32.805	

(Nguồn: Công an thành phố Hà Nội).

Về số vụ phạm pháp hình sự: Trong 5 năm, tình hình tội phạm nói chung có xu hướng giảm dần. Chỉ có một lần tăng duy nhất vào năm 2002 với 650 vụ sau đó giảm dần và xuống dưới ngưỡng của năm 2001. Cụ thể, tổng số tội phạm năm 2002 tăng hơn so với năm 2001 là 650 vụ khoảng 9,1%; năm 2003 giảm hơn so với năm 2001 là 294 vụ khoảng 4,3%; năm 2004 giảm hơn so với năm 2003 là 559 vụ khoảng 8,9%; năm 2005 giảm hơn so với năm 2004 là 120 vụ khoảng 1,9%. Như vậy năm 2005, tội phạm đã giảm đi 323 vụ khoảng 5,25% so với năm 2001.

Về số vụ cướp giật tài sản: Trong 5 năm, tình hình tội cướp giật tài sản nhìn chung có giảm nhưng đang tăng trở lại. Chỉ có một lần giảm duy nhất và năm 2003 với 104 vụ nhưng sau đó lại tăng trở lại vượt ngưỡng của năm 2001. Cụ thể, tổng số tội cướp giật tài sản năm 2002 tăng hơn so với năm 2001 là 12 vụ khoảng 2,9%, năm 2003 giảm so với năm 2002 là 104 vụ khoảng 33,3%, năm 2003 tăng hơn so với năm 2002 là 19 vụ khoảng 6%, năm 2005 tăng so với năm 2004 là 140 vụ khoảng 42%. Sau 5 năm, tội cướp giật tài sản đã tăng lên 67 vụ khoảng 14,22% so với năm 2001.

Xem xét mối tương quan và tỷ lệ giữa tội cướp giật tài sản và tội phạm nói chung cho thấy: trong 5 năm từ năm 2001 đến năm 2005, trên địa bàn Hà Nội xảy ra 32.805 vụ phạm tội, trong đó có 1.934 vụ cướp giật tài sản chiếm tỷ lệ 5,89%. Cơ cấu này phân nào cho chúng ta thấy tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội so với tổng số tội phạm hình sự là không lớn nhưng hiện nay đang diễn biến hết sức nguy hiểm, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, nếu chúng ta so sánh tội cướp giật tài sản với các tội phạm trong chương các tội xâm phạm sở hữu thì nó lại chiếm vị trí khá cao. Điều này thể hiện rất rõ trong mối tương quan với một số tội xâm phạm sở hữu khác có tính phổ biến trong xã hội. Như vậy có nghĩa là tội cướp giật tài sản chiếm tỷ lệ tương đối lớn so với các tội xâm phạm sở hữu khác.

Bảng 2.2: Một số tội phạm xâm phạm sở hữu có tính phổ biến trong xã hội

Tội danh	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tổng số
Cướp tài sản	182	149	192	204	235	962
Cưỡng đoạt TS	160	139	159	202	193	853
Cướp giật TS	404	416	312	331	471	1.934
Trộm cắp TS	4035	4354	4148	3891	3769	20.197
Lừa đảo, Lạm dụng TN CĐTTS	260	473	310	334	383	1.760

(Nguồn: Công an thành phố Hà Nội)

Trong 5 năm, số vụ cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội là 1.934 vụ, chỉ đứng thứ hai sau tội trộm cắp tài sản là loại tội diễn ra phổ biến nhất. Nếu như trước kia, loại tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cũng có tỷ lệ trên tội cướp giật tài sản thì nay đã giảm xuống và xếp sau tội cướp giật tài sản. Nguyên nhân là do BLHS năm 1999 với chính sách phi hình sự hóa các quan hệ dân sự đã có quy định chặt chẽ hơn về cấu thành tội phạm này. Mặc dù quy định pháp lý về tội cướp giật tài sản

không có gì thay đổi so với BLHS năm 1985 nhưng tỷ lệ tội cướp giật tài sản vẫn gia tăng và đứng ở mức cao. Đây là một vấn đề đáng lo ngại. Nó cho chúng ta thấy tình hình cướp giật trên địa bàn thành phố Hà Nội không những không giảm mà còn tiếp tục tăng trong 5 năm qua và khả năng sẽ còn tăng nữa.

** Tình hình điều tra, khám phá tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội*

Trong 5 năm qua, cơ quan Công an thành phố Hà Nội đã điều tra khám phá được 21.737 vụ phạm pháp hình sự và bắt giữ được 29.088 đối tượng phạm tội, chiếm tỷ lệ 66,26%. Trong số đó, số vụ phạm tội cướp giật tài sản đã xảy ra trên địa bàn Hà Nội đã được khám phá trong năm là 960 vụ, 1.256 đối tượng chiếm tỷ lệ 49,64%. Như vậy, tỷ lệ khám phá tội cướp giật tài sản là khá thấp và thấp hơn so với tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm nói chung ở Hà Nội. Sở dĩ có tình trạng này là do đặc điểm của loại tội phạm này diễn ra nhanh chóng, người bị hại cũng như người xung quanh chưa kịp phản ứng thì đối tượng đã tẩu thoát thành công, một phần do người dân lơ là, thiếu cảnh giác trong việc bảo quản tài sản và sự thiếu tích cực trong công tác tuần tra phòng ngừa tội phạm cũng như trong quá trình điều tra truy xét. Trong thành phố Hà Nội hiện nay còn rất nhiều quăng đường vắng vẻ, vừa thiếu ánh sáng, vừa thiếu lực lượng tuần tra như các khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Mỹ Đình... việc quản lý phương tiện xe máy (phương tiện mà đối tượng phạm tội cướp giật hay sử dụng hiện nay) lỏng lẻo. Hoặc như việc điều tra không hiệu quả như trong vụ Phạm Bá Cường bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Khi khám nhà Cường, Công an thu giữ được nhiều túi xách và giấy tờ, tài sản khác là tang vật của ba vụ người bị hại trình báo là bị cướp giật tài sản. Quá trình điều tra, cơ quan Công an đã không làm rõ được thủ phạm gây ra các vụ cướp giật tài sản đó và chỉ khởi tố Cường về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bảng 2.3: Tình hình điều tra, khám phá tội phạm và tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

	Tội phạm khác	Tội cướp giật tài sản
--	----------------------	------------------------------

Năm	Tổng số	Đã khám phá	Tỷ lệ	Chưa khám phá	Tổng số	Đã khám phá	Tỷ lệ	Chưa khám phá
2001	6.465	4.331	66,99%	2.134	404	211	52,22%	193
2002	7.115	4.732	66,50%	2.383	416	184	44,23%	232
2003	6.821	4.774	69,98%	2.047	312	170	54,49%	142
2004	6.262	4.049	64,65%	2.213	331	172	51,96%	159
2005	6.142	3.851	62,69%	2.291	471	223	47,34%	248
Tổng số	32.805	21.737	66,26%	11.068	1.934	960	49,64%	974

(Nguồn: Công an thành phố Hà Nội).

* Tình hình khởi tố, truy tố, xét xử hàng năm ở Hà Nội

Số vụ cướp giật tài sản được khởi tố, truy tố, xét xử hàng năm ở Hà Nội so với tổng số vụ cướp giật tài sản thụ lý cơ quan công an là tương đối cao (xem bảng 2.4). Tỷ lệ vụ cướp giật tài sản bị Viện kiểm sát truy tố trung bình sau 5 năm là 94,69%, năm 2001 là thấp nhất chỉ chiếm 85,78% và năm 2003 số vụ cướp giật tài sản khởi tố cao nhất đạt 100%. Tình hình hiện nay, loại tội này đối tượng phạm tội thường sử dụng công cụ phương tiện nguy hiểm, địa điểm diễn ra tội phạm thường vắng vẻ, người bị hại thường không nhận dạng được đối tượng cướp giật tài sản, người làm chứng ít nhưng nếu bị phát hiện thì chứng cứ thường rất rõ ràng, tội danh này lại không định lượng giá trị tài sản. Do vậy tỷ lệ khám phá thấp nhưng nếu bị khám phá thì đa phần đều bị xử lý bằng pháp luật hình sự bởi chỉ cần đối tượng có đủ năng lực pháp lý hình sự là có thể bị truy cứu TNHS.

Bảng 2.4: Tình hình khởi tố, truy tố, xét xử tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Số khởi tố	Số truy tố	Số xét xử
------------	-------------------	-------------------	------------------

	Vụ	đối tượng	Vụ	đối tượng	Tỷ lệ	Vụ	đối tượng	Tỷ lệ
2001	211	267	181	252	85,78%	181	252	85,78%
2002	184	265	183	264	99,46%	177	251	96,20%
2003	170	268	170	268	100%	162	155	95,29%
2004	172	173	169	170	98,26%	164	165	95,35%
2005	223	283	206	266	93,38%	201	249	90,13%
Tổng số	960	1.256	909	1.220	94,69%	885	1.072	92,19%

(Nguồn: Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

Theo thống kê của Công an thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, TAND thành phố Hà Nội trong vòng 5 năm từ năm 2001 đến năm 2005, toàn thành phố xảy ra 1.934 vụ cướp giết tài sản thì có 960 vụ đã khởi tố điều tra chiếm tỷ lệ 49,64% và có 885 vụ bị đưa ra xét xử chiếm tỷ lệ 92,19% số vụ bị khởi tố. Tỷ lệ các vụ án tội cướp giết tài sản đã xét xử sơ thẩm so với số vụ đã truy tố chiếm khoảng 97,36%. Điều đó cho thấy tình hình xét xử loại án này của TAND hai cấp là rất nhanh chóng, kịp thời, góp phần đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này.

Trong vòng 5 năm chỉ có 6 vụ đã đình chỉ điều tra và đình chỉ vụ án chiếm tỷ lệ 0,63% là một số lượng nhỏ, trong đó có 3 vụ đình chỉ ở cơ quan Viện kiểm sát, 3 vụ được đình chỉ ở cơ quan Công an.

** Mọi tương quan giữa tội cướp giết tài sản với tổng số vụ án hình sự đã xét xử sơ thẩm*

Trung bình trong 5 năm tỷ lệ trung bình giữa tội cướp giết tài sản với tổng số các vụ án hình sự Tòa án đã xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội là 4-6%. Tỷ lệ này nhỉnh hơn tỷ lệ án cướp giết tài sản công an đã khám phá so với tổng số án đã được khám phá chút ít và tương đương tỷ lệ vụ tội cướp giết tài sản so với tội phạm hình sự xảy ra

trên địa bàn thành phố Hà Nội. Như vậy, Tòa án đã xét xử tương đối đồng đều các loại án mà công an đã khám phá và Viện kiểm sát đã truy tố.

Bảng 2.5: Tình hình xét xử tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Số vụ án hình sự đã xét xử		Số vụ cướp giật TS đã xét xử		Tỷ lệ
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	
2001	3.957	4.965	181	252	4,57%
2002	3.851	4.652	177	251	4.60%
2003	3.298	4.195	162	155	4,91%
2004	3.120	4.212	164	165	5,26%
2005	2.968	3.526	201	249	6,77%
Tổng số	17.194	21.550	885	1.072	5,15%

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

Tỷ lệ giữa vụ cướp tài sản xảy ra đã điều tra khám phá được với số vụ cướp giật tài sản xét xử hàng năm thường từ khoảng 85 - 95% là tương đối cao. Mặc dù tỷ lệ tội cướp giật tài sản là nhỏ so với các tội phạm khác xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội, tỷ lệ hành vi cướp giật tài sản đưa ra xét xử khá cao nhưng so với hành vi cướp giật tài sản xảy ra trong thực tế thì vẫn thấp do việc điều tra khám phá đạt tỷ lệ thấp. Điều này làm cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản tuy có cố gắng nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Để cải thiện tình hình này, không chỉ cần có sự cố gắng của ngành công an mà còn cần tới cả sự góp sức của toàn xã hội. Nếu duy trì tỷ lệ này trong khi tội phạm vẫn ngày một gia tăng sẽ không những gây mất trật tự an toàn xã hội mà còn làm tăng thêm thái độ xem thường và chống đối pháp luật, thiếu lòng tin của người dân vào pháp luật và lực lượng bảo vệ pháp luật. Điều này có nguy cơ tạo điều kiện cho hành vi phạm tội leo thang, có mức độ trầm trọng hơn.

Xem xét mối tương quan giữa tội cướp giật tài sản với tổng số vụ án hình sự mà TAND hai cấp của Hà Nội đã xét xử sơ thẩm trong 5 năm (bảng 2.5), tỷ lệ này thường dao động khoảng từ 4-5%. Riêng năm 2005 tỷ lệ này đột ngột tăng lên đến 6,77% là điều đáng lo ngại, trái với tình hình tội phạm hình sự ở Hà Nội.

Bảng 2.6: Kết quả xét xử tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Tổng số bị cáo đã xét xử	Hình phạt			
		Đưa vào trường giáo dưỡng	Treo, cải tạo KGG	Tù dưới 7 năm	Tù trên 7 năm
2001	252		11	219	22
2002	251	2	39	175	35
2003	155	4	14	126	11
2004	165		16	137	12
2005	249		34	211	4
Tổng số	1.072	6	114	868	84

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

Trong 5 năm, Hà Nội đã xét xử 1.072 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản. Trong đó mức án chiếm chủ yếu là dưới 7 năm tù với tỷ lệ 80,97% án treo, cải tạo không giam giữ chỉ chiếm 10,63% và mức án từ 7 năm tù trở lên là không đáng kể chiếm tỷ lệ 7,84%. Đáng chú ý nhất là không có bị cáo nào phải chịu mức án chung thân, mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội cướp giật tài sản.

Mục đích thực hiện tội cướp giật tài sản là chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn nhanh chóng. Chính vì vậy, từ khi phương tiện đi lại là xe máy trở nên thông dụng trong cuộc sống người dân thành phố Hà Nội, kẻ thực hiện tội phạm cũng sử dụng phương tiện này làm phương tiện thực hiện tội phạm. Những kẻ phạm tội chủ yếu là xe máy phân khối lớn để việc tiếp cận, chiếm đoạt tài sản, tẩu thoát được nhanh chóng.

Cũng chính vì sử dụng xe máy khi tham gia giao thông nên có nhiều vụ bọn tội phạm đã gây ra những vụ tai nạn giao thông trên đường. Như vụ bị cáo Nguyễn Sỹ Hiển cùng đồng bọn sau khi cướp giật dây chuyền của chị Hà Thị Phương trên đường Đinh Tiên Hoàng đã phóng xe bỏ chạy. Do có người đi đường đuổi theo, Hiển đã điều khiển xe chạy vòng vèo qua các phố Hàng Gai, Hàng Hòm và đâm vào xe máy của người đi đường làm hai xe cùng ngã ra.

Giá trị thiệt hại do tội cướp giật tài sản gây ra trong 5 năm qua vào khoảng hàng trăm triệu đồng, tuy chưa phải là lớn nhưng có diễn biến phức tạp do các ă nhóm tiên hành có người thực hiện hành vi, có người đứng ra cản đường. Tài sản kẻ phạm tội nhằm vào thường là các tài sản có giá trị kinh tế cao, dễ tẩu tán, cất giấu... như điện thoại, dây chuyền, túi xách... Như vụ Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Hữu Phú cùng đồng bọn đi hai xe máy đến khu vực ngã 5 trước cảng chợ Cửa Nam thì thấy bà Trần thị Lộc đang đi sang đường có đeo dây chuyền vàng 24K ở cổ. Cường đã áp sát bà Lộc để đồng bọn ngồi sau giật dây chuyền của bà Lộc rồi phóng xe bỏ chạy. Cùng lúc này, Phú đi xe đến đèo bà Lộc đuổi theo rồi giả vờ không đuổi kịp để Cường chạy thoát.

Như vậy, bọn tội phạm chọn những người dùng nhiều đồ trang sức để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, tài sản mà chúng chiếm đoạt thường có giá trị cao.

** Cơ cấu tình trạng phạm tội cướp giật tài sản ở Hà Nội*

- Tính chất, mức độ tội phạm cướp giật tài sản

Bảng 2.7: Tính chất, mức độ tội phạm cướp giật tài sản đã xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội

Năm	Số bị cáo Cướp giật tài sản đã xét xử	Tính chất	
		ít nghiêm trọng, nghiêm trọng	Rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng
2001	252	72	180
2002	251	94	157

2003	155	44	111
2004	165	64	101
2005	249	84	165
Tổng số	1.072	358	714

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội)

Qua bảng 2.7 ta có thể thấy mức độ nghiêm trọng của tội cướp giật tài sản mà ngành Tòa án thành phố Hà Nội đã xét xử 5 năm qua là khá lớn. Dù số lượng án về loại tội này là không lớn nhưng mức độ nghiêm trọng lại cao. Tỷ lệ tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng chiếm khoảng 66,60% trong tổng số vụ án cướp giật tài sản đã xét xử. Điều này khiến cho tội phạm này được đánh giá là loại tội gây mất trật tự an toàn xã hội cao hiện nay.

- Tỷ lệ tái phạm tội cướp giật tài sản

Bảng 2.8: Tỷ lệ tái phạm của tội cướp giật tài sản đã xét xử trên địa bàn thành phố Hà Nội

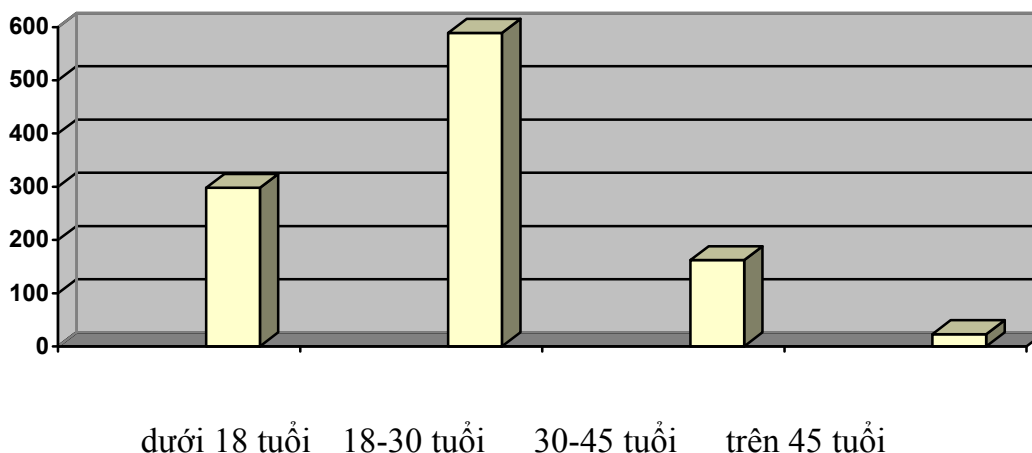
Năm	Tội phạm hình sự		Tội cướp giật tài sản	
	Số bị cáo đã xét xử	Số người tái phạm	Số bị cáo đã xét xử	Số người tái phạm
2001	4.965	1.973	252	97
2002	4.652	2.102	251	82
2003	4.195	2.350	155	89
2004	4.212	2.235	165	73
2005	3.526	1.763	249	115
Tổng số	21.550	10.423	1.072	456

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

Qua bảng 2.8, chúng ta có thể thấy tỷ lệ tái phạm tội cướp giật tài sản chiếm khá đông khoảng 42,54%. Như vậy thể hiện dù đã được pháp luật xử lý, nhưng kẻ phạm tội

vẫn chọn con đường phạm tội cướp giật tài sản. Tuy tỷ lệ tái phạm tăng giảm không đều nhưng có thể thấy việc tái phạm tội là rất phổ biến ở cả tỷ lệ tái phạm chung cũng vậy (khoảng 48,37%). Vấn đề đặt ra là việc giải quyết việc làm, tạo cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và sự quản lý của cộng đồng đối với những người sau khi mãn hạn tù về sinh sống tại địa phương. Từ đó, ngăn chặn họ quay trở lại con đường phạm tội.

- Độ tuổi của những người phạm tội cướp giật tài sản



Biểu đồ 2.2: Độ tuổi phạm tội cướp giật tài sản đã bị xét xử

(Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

Qua số liệu tại biểu đồ 2.2, chúng ta có thể thấy tỷ lệ nhóm người phạm tội có độ tuổi từ 18-30 là cao nhất. Đa số người ở độ tuổi này mới rời ghế nhà trường, chưa có công việc làm ổn định, chưa có kinh nghiệm sống trong khi môi trường xã hội phức tạp thường xuyên tác động tới họ. Các nhu cầu cá nhân thời kỳ này khá cao, cảm dỗ vật chất lớn và các yếu tố xã hội ảnh hưởng làm hình thành suy nghĩ tiêu cực, thích ăn chơi, kiếm tiền nhanh. Một mặt do độ tuổi này, người phạm tội có sự nhanh nhẹn, mặt khác do kinh nghiệm cuộc sống chưa có nhiều, tâm lý chứng tỏ mình với xã hội đã dẫn đến những hành động thiếu suy nghĩ. Tội phạm cướp giật tài sản ở độ tuổi 18-30 có xu hướng tăng dần trong 5 năm qua và theo chiều hướng hình thành ă nhóm. Tỷ lệ độ tuổi trên 30 có thấp hơn các độ tuổi khác là do độ tuổi này có kinh nghiệm cuộc sống hơn, họ chín chắn hơn trong cuộc sống. ở độ tuổi này, người phạm tội thường chọn loại tội phạm phù hợp với sức khỏe, khó bị phát hiện, có thủ đoạn tinh vi, hậu quả tội phạm lớn.

Số trẻ vị thành niên cũng chiếm vị trí đáng kể. Đây là vấn đề rất đáng lo ngại vì người ở độ tuổi vị thành niên chưa phát triển đầy đủ về thể chất và trí tuệ, chưa hoàn toàn trưởng thành, dễ tiếp thu cái mới dễ bị các hiện tượng tiêu cực bên ngoài tác động tới. Hiện nay rất nhiều học sinh bị các thú vui ăn chơi lôi kéo như đi nhảy, hát karaoke, ăn diện.. hoặc mắc phải tật xấu như: bỏ học, nghiện thuốc lá, cờ bạc... Trẻ vị thành niên thường dễ bị kích động, lôi kéo, chưa thấy hết được hậu quả do hành vi của mình gây ra nên hành vi nhiều khi táo bạo, trắng trợn. Do đó hành vi phạm tội đơn giản, thiếu suy nghĩ, không lường hết được hậu quả.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản thì không thể bỏ qua độ tuổi. Đặc điểm về độ tuổi có vị trí hết sức quan trọng, nó đánh dấu khả năng nhận thức xã hội, hiểu biết cuộc sống và đủ tư cách chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Cùng một sự biến đổi của độ tuổi là quá trình diễn ra sự thay đổi của bản thân nhân thân. Độ tuổi có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển của nhân thân và từ đó ảnh hưởng lớn tới tính chất, mức độ, loại tội phạm đến việc thực hiện các hành vi phạm tội. Các nhà khoa học xã hội đã có nhiều công trình nghiên cứu về tâm lý lứa tuổi, tâm lý trẻ vị thành niên và nhiều hành vi vi phạm. Đó chính là cơ sở khoa học cho công tác phòng ngừa tội phạm.

- Giới tính, thành phần xã hội của người thực hiện tội cướp giật tài sản

Đa số người phạm tội là nam giới, tỷ lệ nữ giới phạm tội rất ít và không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước khác. Điều này phản ánh mặt khách quan trong cấu trúc tâm sinh lý của nữ giới khác với nam giới có ảnh hưởng tới khả năng thực hiện các hoạt động nói chung và hành vi phạm tội nói riêng. Đối với nam giới, do có sức mạnh, khả năng hoạt động nhanh, mạnh mẽ và linh hoạt, cộng với khả năng điều khiển xe máy hoặc chạy trốn tốt hơn nữ giới nên chiếm tỷ lệ rất cao trong loại tội cướp giật tài sản. Tính chất phạm tội của phụ nữ cũng có khuynh hướng khác nhau, nhìn chung nữ giới phạm tội nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng thì tỷ lệ rất ít. Do đặc trưng của tội cướp giật tài sản là loại tội cần sự nhanh chóng và sức khỏe, tâm lý vững, cho nên tỷ lệ phụ nữ phạm loại tội này có mức độ thấp hơn so với các loại tội phạm khác. Nữ giới thường có xu hướng phạm tội cần dùng đến sự khéo léo, uyển chuyển, kín đáo như lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...chứ không đối đầu, bất chấp như nam giới.

Trong số các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản, hiện nay có một bộ phận không nhỏ là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở đào tạo. Do thiếu tiền ăn chơi, sinh hoạt đã có hành động phạm pháp một cách hết sức bùng nổ.

Số người này nếu không được quan tâm đúng mức của bạn bè, nhà trường và gia đình sẽ rất dễ rơi vào con đường phạm tội. Đây là vấn đề đặt ra với việc quản lý, giáo dục các em học sinh của các trường học và gia đình. Đây cũng là một đặc thù của Thủ đô Hà Nội vì Hà Nội là nơi tập trung đông nhất các trường Đại học, Cao đẳng và có mật độ dân cư cao. Do đó, lượng sinh viên, học sinh theo học đông, phần lớn sinh viên là người ngoài thành phố, sống tự lập không người quản lý. Tiếp đó là những đối tượng lưu manh chuyên nghiệp chiếm khoảng 3-4% và số người phạm tội thấp nhất là các đối tượng là cán bộ công nhân viên chức hầu như không có.

- Thủ đoạn, phương tiện phạm tội và người bị hại của tội cướp giật tài sản

Thủ đoạn phạm tội là hình thức mà trong đó những hành vi nguy hiểm cho xã hội được thể hiện hay nói một cách khác là cách thức người phạm tội sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Còn phương tiện phạm tội là những dụng cụ, đồ vật hoặc quá trình của thể giới bên ngoài mà người phạm tội sử dụng để tác động đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ [13, tr. 374]. Việc xác định phương thức thủ đoạn phạm tội có ý nghĩa trong việc định tội và định khung hình phạt và có ý nghĩa trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm. Phương thức thủ đoạn phạm tội được thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau thường xảy ra ở những nơi vắng người, chợ, bến tàu, ngã ba, ngã tư đông người... Các đối tượng phạm tội trắng trợn cướp giật rồi bỏ chạy vào các ngõ, ngách phố nhỏ mà chúng thông thuộc địa bàn để tẩu thoát. Như tại khu vực cầu Long Biên, các đối tượng vị thành niên thường xuyên tụ tập và khi có người đi xe đạp có tài sản sơ hở đi qua thì giật tài sản và bỏ chạy xuống gầm cầu tẩu thoát. Người bị hại do đang đi xe đạp nên không thể đuổi bắt được.

Thời gian gần đây, các đối tượng phạm tội thường dùng xe máy phân khối lớn để áp sát người có sơ hở trong quản lý tài sản để thực hiện tội phạm gây nguy hiểm cho những người tham gia giao thông, gây mất trật tự an toàn giao thông. Thậm chí, kẻ phạm tội còn chuẩn bị công cụ khác như dao, kim tiêm...để khi bị đuổi bắt sẽ sử dụng để tẩu

thoát. Để đối phó tránh sự phát hiện, kẻ phạm tội thường đeo biển kiểm soát xe giả, bẻ cong biển kiểm soát xe, tháo biển kiểm soát, thuê xe... sau khi thực hiện tội phạm nhanh chóng tìm nơi ẩn náu ở các tụ điểm phức tạp và tiêu thụ tài sản tại các tiệm cầm đồ, các công ty kinh doanh vàng bạc lớn đông người... Ví dụ vụ án Trần Khánh Toàn mượn xe máy của em gái đi sinh nhật. Khi đi đến cầu Chương Dương, Toàn đã tháo biển kiểm soát xe máy và đi lang thang các phố. Khi đến phố Nguyễn Hữu Huân, Toàn phát hiện chị Phương ngồi sau xe máy của chị Thu có đeo túi xách. Toàn đã đi theo xe của chị Thu, Phương đến ngã tư Tràng Thi - Triệu Quốc Đạt, Toàn lợi dụng hai chị đang dừng xe chờ đèn xanh đã áp sát và giật túi xách của chị Phương.

- Người bị hại và tài sản bị chiếm đoạt.

Một đặc điểm rất đặc trưng của tội cướp giật tài sản, bị hại hầu hết là phụ nữ. Những người phụ nữ là đối tượng mà bọn cướp giật tài sản thường chú ý do phụ nữ là những đối tượng thường dùng đồ trang sức có giá trị, túi xách là những tài sản gọn nhẹ. Họ thường có nhiều sơ hở trong quản lý tài sản, hay mất cảnh giác. Mặt khác, phản ứng của phụ nữ trước hành vi cướp giật tài sản thường hoảng sợ, phản ứng không nhanh nhẹn, không có khả năng đuổi bắt do đó đối tượng phạm tội dễ dàng tẩu thoát. Đa số các nạn nhân trong các vụ cướp giật tài sản không có quan hệ từ trước với kẻ phạm tội, và tõnh hướng dẫn đến phạm tội rất nhanh, đột ngột.

** Tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản*

Về nguyên tắc, mọi hành vi phạm tội xảy ra trên thực tế đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tiễn các cơ quan tư pháp, công tác thống kê chưa đầy đủ, chính xác về số vụ phạm tội đã xảy ra, số khởi tố, truy tố, xét xử. Trong số đó, một lượng tội phạm nhất định đã xảy ra trên thực tế chưa được phát hiện và xử lý, tức là chưa được một bản thống kê của bất kỳ cơ quan nào đề cập đến, khoa học pháp lý gọi đó là tội phạm ẩn.

Tội phạm ẩn chính là những hành vi phạm tội thực tế đã xảy ra nhưng chưa bị các cơ quan chức năng phát hiện, chưa được thống kê hình sự và do đó chưa bị xử lý về mặt hình sự. Thực tiễn cho thấy, không có một tỷ lệ tội phạm ẩn chung cho mọi tội phạm mà mỗi loại tội phạm có một tỷ lệ ẩn khác nhau và ở từng thời gian thì tỷ lệ đó cũng khác

nhau. Nếu xem xét mức độ ẩn thì nhận thấy những tội phạm thuộc nhóm tội phạm về kinh tế, chức vụ... có độ ẩn cao nhất, khoảng 90% không phát hiện được. Nhóm tội phạm về an toàn công cộng có độ ẩn trung bình và nhóm tội về trật tự xã hội, ma túy, nhân thân là có độ ẩn thấp nhất.

Dạng ẩn thứ nhất: Dạng ẩn này do các yếu tố khách quan như nhận thức của công dân nói chung làm cho thông tin về tội phạm không tới cơ quan tư pháp hoặc do khả năng che giấu của người phạm tội. Những hành vi phạm tội này đã xảy ra trên thực tế nhưng không bị các cơ quan pháp luật biết đến, phát hiện về sự phạm tội cũng như người phạm tội. Theo quan điểm của các nhà tội phạm học thì đây là dạng ẩn tự nhiên. Nguyên nhân chính dẫn đến tình hình này là từ phía người bị hại không tố giác tội phạm xảy ra cho cơ quan pháp luật. Vì vậy mà tội phạm không bị phát hiện [45, tr. 77].

Trên thực tế tội phạm ẩn của tội cướp giết tài sản do người bị hại không trình báo là rất lớn do nhiều lý do: thiệt hại nhỏ, không có thông tin về nhận dạng kẻ phạm tội, thiếu tin tưởng vào kết quả điều tra... nên không trình báo. Chúng ta không có thông tin để phân tích được tỷ lệ ẩn tự nhiên của tội phạm cướp giết tài sản nhưng ước tính con số ẩn tự nhiên của tội cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội là khá lớn.

Dạng ẩn thứ hai: Đây là dạng ẩn do yếu tố chủ quan. Đó là những hành vi phạm tội đã xảy ra, tuy đã được các cơ quan chức năng phát hiện và đưa vào thống kê nhưng hành vi phạm tội chưa bị xử lý theo pháp luật hình sự [45, tr. 81]. Dạng ẩn này mang yếu tố chủ quan của các cơ quan, cán bộ tư pháp như khả năng nhận biết tội phạm kém, khả năng điều tra khám phá kém; trình độ năng lực của cán bộ kém, khả năng mở rộng vụ án kém.

Các dạng ẩn này ở tội cướp giết tài sản có tỷ lệ nhỏ hơn so với các vụ phạm tội khác khoảng 50,36%. Trong 5 năm có 974 vụ không phát hiện được người phạm tội, có 6 vụ phạm tội cướp giết tài sản bị đình chỉ và tạm đình chỉ điều tra do không chứng minh được hành vi phạm tội. So sánh với tình hình tội phạm hình sự khác thì sau 5 năm, số vụ phạm tội chưa khám phá được là 11.068 vụ, tỷ lệ tội phạm ẩn là 33,73%

Ngoài hai dạng ẩn trên, còn có một dạng ẩn nữa là dạng ẩn thống kê. Đây là trường hợp có những vụ phạm tội xảy ra trên thực tế và hành vi phạm tội đã được xử lý nhưng lại không nằm trong con số thống kê. Tình trạng này do nguyên nhân chủ quan của

cán bộ tư pháp đã chủ động không đưa vào thống kê tội phạm, hoặc do khách quan cán bộ thống kê thiếu. Tỷ lệ này đối với tội cướp giật tài sản tương đối lớn dẫn đến tình trạng nhiều khi các con số của các ngành liên quan không khớp hoặc không nhất quán, mỗi lần thống kê lại có các con số khác nhau. Vậy để khắc phục, tiến tới loại trừ tình hình tội phạm ẩn, chúng ta cần tăng cường giám sát, kiểm tra, thống nhất các ngành liên quan cùng chốt số liệu vào từng khoảng thời gian nhất định. Vì chỉ dựa vào cơ sở thống kê đầy đủ tình hình tội cướp giật tài sản, chúng ta mới có thể nhận định, đánh giá đúng thực trạng của tình hình tội cướp giật tài sản làm cơ sở đề ra các biện pháp phòng, chống hiệu quả.

2.3. Những nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản ở thành phố Hà Nội

Nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nói chung là tổng hợp các yếu tố trong xã hội loài người làm hình thành, xuất hiện và tồn tại tội phạm. Tội phạm là một hiện tượng xã hội nhưng không được xã hội chấp nhận và coi nó là một hiện tượng xã hội tiêu cực. Tội phạm xuất hiện, tồn tại trong quá trình lịch sử của loài người cùng sự xuất hiện của Nhà nước và pháp luật. Bởi vậy, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cũng là từ xã hội mà ra. Nó là tổng hợp các hiện tượng tiêu cực, cớ quả trởnh xó hội làm phát sinh và tồn tại tội phạm trong xó hội [43, tr. 165].

Do mối liên hệ giữa tội phạm với cớ quả trởnh hiện tượng xó hội khỏc nên muốn tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện của tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng, chúng ta phải xuất phỏt từ từng quả trởnh xó hội cụ thể. Tức là khi tỏm hiểu những nguyên nhỏn và điều kiện của tội cướp giật tài sản ở thành phố Hà Nội, chúng ta phải căn cứ vào những hiện tượng, quả trởnh đang tồn tại ngay tại thành phố Hà Nội. Nó bao gồm những yếu tố mang tính khách quan như cơ chế, chính sách của nhà nước, nền kinh tế và những yếu tố mang tính chủ quan thuộc về chính bản thân người phạm tội, chủ thể tiến hành hoạt động đấu tranh phũng ngừa tội phạm.

Để tỏm hiểu nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản chúng ta lần lượt xem xét hai loại quả trởnh, hiện tượng:

- Nhân tố khách quan: Các điều kiện kinh tế - xã hội, chính sách pháp luật, chính sách quản lý nhà nước.

- Nhân tố chủ quan: Phía bản thân người phạm tội và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

2.3.1. Những nguyên nhân và điều kiện mang tính khách quan

- *Về điều kiện kinh tế - xã hội*: Sau một thời gian chuyển đổi sang cơ chế kinh tế thị trường, nền kinh tế của nước ta đã có bước tăng trưởng khá tốt. Cùng với đà tăng trưởng của kinh tế cả nước, nền kinh tế Hà Nội đã thoát khỏi trở trệ, tăng trưởng kinh tế từ 11 - 14% [32]. Cuộc sống của nhân dân thành phố Hà Nội đã có sự thay đổi đáng kể, mức sống của người dân từng bước được nâng cao. Bên cạnh các yếu tố tích cực, nền kinh tế thị trường với quy luật cạnh tranh, mục tiêu lợi nhuận đó nảy sinh ra những vấn đề xã hội như sự phân hoá giàu nghèo, sự xuống cấp về đạo đức, lối sống... Một lượng không nhỏ là dân lao động có thu nhập thấp, phải lo ăn hàng ngày, thiếu ổn định như xe ôm, thợ nề, thợ mộc... Một bộ phận khác do nhiều nguyên nhân đã có thu nhập cao, sinh hoạt xa hoa. Từ sự phân hoá giàu nghèo, dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, mâu thuẫn xã hội tăng cao giữa các tầng lớp, bộ phận dân cư. Đây thực sự là một tiền đề cơ bản và cú ý nghĩa sâu xa dẫn tới hành vi phạm tội nói chung và hành vi cướp giật tài sản nói riêng.

Trong cơ chế kinh tế thị trường, cơ hội làm ăn kinh tế tăng lên nhưng mục đích lợi nhuận, lợi ích kinh tế là trên hết. Chỉ vì lợi ích kinh tế, giá trị đạo đức đã bị xuống cấp, nhiều người có thể làm bất cứ điều gì để duy trì sự tồn tại, để làm giàu bất chấp cả việc thực hiện hành vi phạm tội. Một số hành vi phạm tội trở lên phổ biến và tăng nhanh như tội về kinh tế, chức vụ, xâm phạm sở hữu... Những tội phạm đó và đang tác động tới tõnh hõnh tội phạm núi chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Do tác động của nền kinh tế thị trường, xuất hiện nhiều nghề và cõc loại hõnh dịch vụ mới rất đa dạng như: nghề kinh doanh internet, cầm đồ, cho thuê phương tiện, kinh doanh nhà trọ, nhà hàng... Những năm gần đây, bọn tội phạm đó lợi dụng những nghề này để phạm tội như thuê phương tiện để phạm tội, những hiệu cầm đồ, hiệu kinh doanh vàng bạc là nơi tiêu thụ tài sản của bọn phạm tội...

Bên cạnh đó tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, nghiện rượu, ma túy cũng gia tăng và cũng ảnh hưởng đến diễn biến của tội phạm. Những tệ nạn này đó và đang tác động mạnh mẽ đến lớp trẻ, làm thay đổi cách suy nghĩ và lối sống, hình thành những nhu cầu lệch chuẩn, dễ dẫn tới phạm tội.

Thành phố Hà Nội hiện cũn tròn 30.000 người có tiền án, tiền sự [14]. Đa số người có tiền án, tiền sự không có nghề nghiệp, vớ vậy dễ đi vào con đường phạm tội. Như vậy, những nguyên nhân và điều kiện của tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản cú nguồn gốc sũ xa về kinh tế - xó hội của thành phố và để giải quyết cơ bản tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản, phải cú những biện phỏp kinh tế - xó hội thớch hợp.

- *Về quản lý nhà nước:*

+ Quản lý nhân khẩu: Trong những năm gần đây, thành phố đang ở vào thời kỳ đô thị hoá nhanh, dẫn tới cơ cấu dân cư của thành phố luôn thay đổi, những người di dân tự do từ các địa phương khác về Hà Nội đang ngày một tăng. Đa số họ không có nơi cư trú ổn định, lâu dài. Điều này khiến cho cụng tỏc quản lý nhõn, hộ khẩu của thành phố hết sức khó khăn. Hiện tại thành phố vẫn chưa có biện pháp để giải quyết đợc tởnh trạng di đõn tự do, chưa quản lý đợc số nhân khẩu này và đây là một kẽ hở trong cụng tỏc quản lý cư trú. Lợi dụng tởnh trạng này, nhiều đối tượng hỡnh sự, đối tượng truy nó của cõc tỉnh về Hà Nội ỏn nỏu và hoạt động phạm tội. Rất nhiều bọn tội phạm là người tỉnh ngoài, bọn tội phạm bị truy nó đa số ỏn nỏu ở các khu nhà trọ rẻ tiền mà không bị kiểm soát, phát hiện. Hiện nay trong thành phố có hàng nghìn nhà cho thuê nhưng đa số không khai báo đăng ký, vớ vậy rất khú khăn cho công tác quản lý. Bên cạnh đó, tởnh trạng đăng ký hộ khẩu một nơi, ở một nơi khác hoặc không có hộ khẩu đang khá phổ biến. Công tác quản lý nhân khẩu còn rất yếu do cảnh sát khu vực bận nhiều việc, thiếu trách nhiệm. Chính quyền địa phương chưa quan tâm, sự thiếu trách nhiệm đó tạo ra sơ hở trong quản lý con người. Bọn tội phạm đó lợi dụng chính những sơ hở, lỏng lẻo trong quản lý nhân khẩu để hoạt động phạm tội. Tởnh trạng thanh niõn bỏ nhà sống lang thang hoặc đi thuê nhà ở và hoạt động phạm tội đang tăng, làm cho cụng tỏc phũng ngừa tội cướp giật tài sản gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, thành phố Hà Nội hiện nay vẫn cũn tồn tại những địa bàn phức tạp, đó là những "xóm bụi", "xóm liờu" như ở khu vực Thanh

Nhàn, ven đê sông Hồng... hõnh thành qua quỏ trõnh lãn chiẻm đấđ công cư trú trái phép của người dân. Dân cư sống ở đây thường là dân lao động từ các tỉnh khác về, thành phần đa dạng và ngày càng nhiều đối tượng hõnh sự ở đủ mọi lứa tuổi đến đây dựng lều để ở. Ở các khu vực này, công tởc quản lý xỏ hội ở đây rất khó khãn và thường bị bụng lỏng do khụng cú sự hỗ trợ của tở đõn phố, tở chức xỏ hội khỏc ở địa phương. Đây là những địa điểm tạo điều kiện cho bọn tởi phạm gặp gỡ, trú ẩn và tiếp tục hoạt động phạm tởi. Trong việc giải quyết các địa bàn xỏm lều, Công an các cấp phải thực hiện công tác điều tra cơ bản từng đối tượng, phân loại và tiến hành các biện pháp quản lý đối tượng, triệt phá mạnh các tụ điểm tởi phạm hõnh sự qua đó ngăn chặn khả năng phát sinh tởi cướp giết tài sản.

+ Quản lý việc đăng ký, chuyển nhượng, cho thuê xe máy.

Thời gian gần đây, kẻ phạm tởi thường sử dụng xe máy để làm phương tiện cướp giết tài sản do đặc điểm xe máy tương đối sẵn có, dễ sử dụng, khả năng tẩu thoát nhanh. Trong thực tế hiện nay, công tác quản lý, kiểm tra việc sử dụng xe máy, giấy tờ đăng ký xe máy đang bị bụng lỏng. Tởnh trạng mua bõn trao tay, sử dụng xe mỏy khụng cú giấy tờ hợp phỏp hoặc giấy tờ khụng chỏnh chủ là khá phổ biến. Hiện tượng bọn tởi phạm sử dụng biển số xe giả, xe máy không mang biển kiểm soát là khá phổ biến. Dịch vụ cho thuê xe máy cũng bị bọn tởi phạm lợi dụng để thuê xe đi gây án, nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan Công an. Tởnh trạng xe mỏy nhập lậu về là khá phổ biến, đang làm cho việc đăng ký quản lý xe máy càng sơ hở [50]. Những vấn đề trên đó tạo điều kiện để bọn tởi phạm thực hiện hành vi cướp giết tài sản, gây khó khãn cho công tác điều tra, phũng chống tởi phạm. Thụng thường người bị hại, người làm chứng chỉ kịp nhõn hõnh đõng, quần áo và biển kiểm soát xe, nhưng thông qua biển kiểm soát xe cơ quan điều tra không thể xác định được đối tượng phạm tởi vỡ chỳng dựng biển kiểm soát giả, xe đi thuê bằng giấy chứng minh thư của người khụng quen biết hoặc khụng tởm được chủ sở hữu thực sự của xe máy do chủ cũ đó bõn trao tay mà không làm thủ tục sang tên. Từ đó cho thấy, công tác quản lý đăng ký, mua bán, cho thuê xe cần phải được chấn chỉnh nhằm bịt kín những kẽ hở này.

+ Quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực khác về an ninh trật tự.

Trong thời kỳ bao cấp, thông tin văn hoá chưa phong phú, đa dạng về nguồn, thể loại... Cùng tổ chức quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực văn hoá như kiểm soát việc lưu hành, phát hành ấn phẩm các loại phim ảnh được quản lý khá chặt chẽ. Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, cùng với việc bùng nổ thông tin, các loại văn hoá phẩm tăng nhanh, trong số đó nhiều loại có nội dung xấu cũng ồ ạt phát tán trong xã hội. Các nhà xuất bản, cơ quan quản lý mạng internet không kiểm soát chặt chẽ, cho xuất bản các loại ấn phẩm, thông tin có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy, tuyên truyền lối sống buông thả, chỉ biết hưởng thụ. Các loại băng, đĩa hời hợt, phim ảnh bạo lực tràn ngập thị trường. Trong đó có khá nhiều phim miêu tả chi tiết các hành vi giết người, cướp của, cướp giật...tạo ra những tư tưởng lệch lạc, suy thoái đạo đức, trái thuần phong mỹ tục của người Việt Nam đặc biệt là đối với lớp trẻ. Tình trạng đó đó tác động rất lớn đến tinh thần phạm tội ở Hà Nội và cả nước, từ đó dẫn đến hình thành ý thức vụ lợi cho bản thân, lười lao động, phá hoại lợi ích chung trong xã hội. Vấn đề lập lại trật tự trong công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực thông tin, văn hoá là một yêu cầu cấp thiết góp phần làm lành mạnh xã hội, tạo môi trường tư tưởng tốt cho thế hệ trẻ Việt Nam, giảm sự gia tăng của các loại tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng.

Cơ chế thị trường kéo theo sự phát triển nhiều loại hình kinh doanh như dịch vụ như cầm đồ, buôn bán xe máy, điện thoại cũ, kinh doanh vàng bạc... Trong khi đó công tác quản lý nhà nước các loại dịch vụ này cũng nhiều sơ hở, chính quyền các cấp cơ sở chưa quan tâm tới việc kiểm tra, quản lý hoạt động của các loại hình dịch vụ này. Tình trạng vi phạm các quy định của Nhà nước về việc kinh doanh như phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hàng hóa, chủ sở hữu hợp pháp, kê khai... là khá phổ biến nhưng không được xử lý kiên quyết. Việc xử lý thường bị bỏ qua hoặc chỉ dưới dạng xử lý hành chính, mang tính hình thức. Do đó, nhiều người vỡ lợi nhuận kinh tế mà họ bất chấp các quy định dẫn đến trực tiếp hoặc gián tiếp tiếp tay cho bọn tội phạm cướp giật tài sản hoạt động. Trong số tài sản bọn tội phạm cướp giật tài sản chiếm đoạt thờ chủ yếu là dây chuyền, lắc vàng và điện thoại di động... là các tài sản gọn nhẹ, dễ giật, dễ tiêu thụ. Và chính các hiệu cầm đồ và cửa hàng điện thoại, hiệu vàng là nơi tiêu thụ lý tưởng cho chúng.

+ Về chính sách pháp luật:

Đất nước bước vào công cuộc đổi mới trong điều kiện cơ chế quản lý chưa thật đồng bộ, chính sách kinh tế - xã hội cũn nhiều sơ hở, thiếu sót. Hệ thống pháp luật của chúng ta tuy đó cú nhiều về số lượng, thay đổi về chất lượng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phũng chống tội phạm của xã hội, thiếu tính ổn định, đồng bộ. Trước ngưỡng cửa gia nhập kinh tế thế giới, chúng ta cần phải có hệ thống pháp luật đầy đủ để điều chỉnh mọi mặt của đời sống xã hội, phục vụ cho quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Hệ thống văn bản pháp quy về lĩnh vực quản lý nhà nước cũn chậm ban hành, làm cho các ngành, các cơ quan hành chính lỵng tỵng trong cùng tọc quản lý. Mặt khác, do kinh nghiệm lập phỏp của ta cũn phần hạn chế, năng lực dự báo và nắm bắt tỡnh hỡnh tiến triển của cỏc nhà làm luật cũn yếu. Cùng tọc thống kờ của cỏc cơ quan tư pháp không thống nhất, các số liệu thống kê báo cáo chưa chính xác do nhiều nguyên nhân như quy định về thời gian thống kê không đồng bộ, ngành Công an thời hạn thống kê từ ngày 20 tháng 11 hàng năm, Viện kiểm sát là ngày 31 tháng 8 hàng năm, cũn Tòa ỏn là ngày 31 tháng 9 hàng năm, hay phương tiện thống kê chưa đầy đủ, tỡnh độ cán bộ thống kê cũn chưa cao để sai sót số liệu. Từ đó dẫn đến tỡnh trạng đánh giá không đúng tỡnh hỡnh tội phạm, cỏc biện phỏp phũng chống tội cướp giạt tài sản không đạt hiệu quả cao. Bởi vậy, tuy có nhiều văn bản pháp luật được xây dựng nhưng vẫn cũn bất hợp lý, chưa đáp ứng được yêu cầu gây ảnh hưởng không nhỏ tới quá tỡnh ỏp dụng phỏp luật của cỏc cơ quan tiến hành tố tụng. Ví dụ: Việc ban hành các văn bản dưới luật để hướng dẫn thi hành luật cũn chậm, như các thông tư liên ngành 01, 02 (CA-VKS-TA), ngay trong các thông tư này có nhiều điểm khó thực hiện, Bộ luật hỡnh sự năm 1999 ra đời đó cú hiệu lực từ ngày 01.7.2000 nhưng Nghị quyết số 02 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn việc xét xử một số tội xâm phạm sở hữu đến năm 2002 mới được ban hành. Vỡ vậy, cũn khó nhiều khởi niệম trong điều luật chưa được hiểu một cách thống nhất, ảnh hưởng không nhỏ tới quá tỡnh ỏp dụng luật. Từ những hạn chế này làm cho việc áp dụng pháp luật có nhiều khó khăn, vướng mắc không giải quyết được, từ đó làm yếu đi khả năng của các cơ quan bảo vệ pháp luật, trong đó có đấu tranh phũng chống tội cướp giạt tài sản. Việc thực thi pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng bị hạn chế là nguyên nhân và điều kiện cho tội cướp giạt tài sản tồn tại.

Như vậy, công tác quản lý nhà nước vẫn cũn cú nhiều tồn tại để bọn tội phạm cướp giạt tài sản lợi dụng trong quỏ trởnh khi gõy ỏn, tìu thụ và trốn trởnh phỏp luật. Tỡnh trạng trởn là do lĩnh vực công tác này cũn thiếu kinh nghiệm, thiếu kiến thức và thiếu biện phỏp quản lý. Mặt khỏc, chớnh sỏch phỏp luật của nước ta cũn thiếu tớnh thực tế, chưa cú tớnh bao quỏt lâu dài mà thường chỉ chạy theo giải quyết gỏp các vấn đề bức xú. Cơ chế thực hiện các chớnh sách phỏp luật không đồng bộ, thiếu bền vỮng, mang tớnh thời điểm, hỡnh thức. Vai trũ, trỏch nhiệm của cỏc cỏ nhõn, tổ chức, cơ quan hành chớnh cú nhiệm vụ quản lý cũn hạn chế, cũn tỡnh trạng đùn đẩy trỏch nhiệm quản lý ở cỏc cấp, cỏc ngành. Cựng tỏc quản lý nhà nước ở nhiều ngành, nhiều cấp cũn mang nặng tớnh hành chớnh, quan liờu xa rời thực tiển. Tỡnh trạng trởn là một trong những nguyên nhân và điều kiện thuận lợi cho tỡnh hỡnh tội phạm núi chung và tỡnh hỡnh tội cướp giạt tài sản núi riờng phát triển. Việc nâng cao trỏch nhiệm và năng lực của các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong việc thiết lập lại kỷ cương quản lý ở cỏc mặt, lĩnh vực nờu trởn là một yêu cầu cần thiết phải thực hiện.

2.3.2. Những nguyên nhân và điều kiện mang tớnh chủ quan

- Về bản thân người phạm tội

Con người không chỉ là sản phẩm của tự nhiên mà cũn là một chủ thể của xó hội. Qua những tỏc động xó hội, con người lớn lên và hỡnh thành ý thức, nhân cách. Mọi tác động từ bên ngoàì vào con người đều phải thông qua sự tiếp thu theo quá trởnh nhận thức cảm tớnh đến nhận thức lý tớnh. Từ đó, hỡnh thành ý thức của con người về thế giới và con người lại tác động trở lại đối với xó hội. Sự tiếp nhận cỏc tỏc động của xó hội được chủ thể chọn lọc và tạo nờn thuộc tớnh tồm lý, nhõn cỏch của một con người cụ thể. Bởi vậy môi trường sống, học tập là rất quan trọng đối với con người. Trên thực tế, đa số người phạm tội đều cú trởnh độ học vấn thấp, thiếu sự giáo dục của gia đỡnh, nhà trường, xó hội. Đây cũng là một nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc phạm tội núi chung và tội cướp giạt tài sản núi riờng.

Môi trường giáo dục của gia đỡnh: Gia đỡnh là tế bào của xó hội nuôi dưỡng, giáo dục các cá nhân từ khi mới sinh ra. Gia đỡnh đóng một vai trũ rất quan trọng trong giỏo dục hỡnh thành và phát triển tớnh cách của các em. Nhiều năm qua, vấn đề giáo dục

con cái trong nhiều gia đình chưa thật sự được chú trọng. Nếu đứa trẻ từ khi mới sinh ra đến khi trưởng thành được giáo dục trong gia đình có truyền thống đạo đức tốt thì khả năng phạm tội sẽ rất thấp. Hiện nay, do tập trung thời gian để lo cuộc sống, rất nhiều gia đình đó coi là hoặc bỏ việc giáo dục con cái mãi mãi cho nhà trường, cho họ hàng thậm chí cả người giúp việc. Một bộ phận gia đình kinh tế khó khăn thì phải cho con cái bỏ học đi làm kinh tế từ sớm. Hầu hết các em học sinh hư, học kém đều rơi vào gia đình hoàn cảnh khó khăn hoặc éo le như bố mẹ ly dị, ly thân và nguy cơ số học sinh này lao vào con đường phạm tội là rất cao. Những gia đình này không chú trọng đến giáo dục con cái kể cả về đạo đức và văn hoá. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường cũn lỏng lẻo dẫn đến con cái thường xuyên trốn học, bỏ học, chơi bời hư hỏng bố mẹ không hề biết, không quan tâm đến việc học tập của con em. Theo điều tra xã hội học trẻ em trong tổng số trẻ em phạm pháp có 34,4% số các em thiếu sự chăm sóc của gia đình, 21% do bố mẹ không bao giờ kiểm tra con về học tập, 40% do bố mẹ thường hay đánh chửi con cái [5, tr. 76]. Hoàn cảnh gia đình cũng có ảnh hưởng khá lớn với trẻ em. Những gia đình đông con, kinh tế gia đình khó khăn, bố mẹ không mấy quan tâm đến việc học hành của con và cũng không quan tâm đến việc giáo dục con cái. Thiếu sự kèm cặp, giáo dục của gia đình, các em quen với lối sống tự do, sống buông thả dễ tiếp thu những mặt trái, từ đó các em dễ đi vào con đường phạm tội. Mặt khác, một số gia đình chỉ có một con nên đó nuông chiều con quá mức, tạo cho trẻ lối sống thích cỡ được này dẫn đến có những nhu cầu vượt quá khả năng của gia đình, và khi không đáp ứng được nhu cầu cũng dễ dẫn đến những hành vi phạm pháp luật. Đặc biệt, những gia đình ly hôn thường tạo cho các em sự mặc cảm, mất chỗ dựa tinh thần và hiệu quả quản lý giáo dục của bố mẹ sẽ rất hạn chế. Theo số liệu khảo sát xã hội học trẻ em có 27,7% trẻ em phạm pháp có bố mẹ ly hôn hoặc sống ly thân. Nhiều em khi được hỏi nguyên nhân nào dẫn đến việc các em vi phạm thì các em trả lời do chổn cảnh gia đình, bố mẹ bỏ nhau, ly thân nên các em đi lang thang từ đó dẫn đến phạm tội [5, tr. 76].

Như vậy, vai trò của gia đình trong giáo dục hình thành và phát triển nhân cách của cá nhân là rất quan trọng. Nếu gia đình sống hạnh phúc thì tốc độ phát triển nhân cách và phát triển nhân cách của cá nhân. Thiếu sự giáo dục của bố mẹ đối với con cái đó ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của cá nhân.

Môi trường giáo dục nhà trường: Nhà trường là một môi trường giáo dục quan trọng để giúp cho các em ở lứa tuổi vị thành niên hình thành nhân cách, trang bị kiến thức sống, định hướng cho các em trong cuộc sống sau này. Trong nhiều năm qua công tác giáo dục rất được quan tâm và thu được nhiều thành quả tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn tồn tại những yếu kém trên một số mặt. Trước hết, do khả năng chưa có đủ trường học để đáp ứng nhu cầu học của học sinh, nhất là ở cấp II trở lên, chương trình, phương pháp dạy học chưa đạt hiệu quả cao, bệnh thành tích, thương mại hoá đang phát triển tại các trường công lập. Do vậy nhiều em không được theo học hoặc không thể theo học do không có điều kiện kinh tế, khả năng học tập kém. Theo số liệu thống kê hiện nay, có hơn 5 nghìn trẻ em ở các địa phương bỏ nhà ra Hà Nội để lang thang kiếm sống, số lượng ngày càng tăng. Ở lứa tuổi các em, khi quá trình hình thành nhân cách vẫn đang diễn ra, chịu tác động rất lớn của hoàn cảnh, thờ việc gắn gũi với cuộc sống thực tại, va chạm đến đồng tiền là một điều không tốt. Từ chỗ không có tiền đi học, bị gia đình bỏ rơi, không quan tâm giáo dục, hàng ngày các em phải tự mình kiếm sống, tranh giành nhau để kiếm tiền. Những nơi các em kiếm sống dễ dàng là các bến tàu, bến xe, vỉa hè... là những địa điểm rất phức tạp. Do không được giáo dục một cách toàn diện, lại sớm phải va chạm với cuộc sống khó khăn, dễ dẫn các em vào con đường phạm tội.

Mặt khác, những năm gần đây, nhà trường chỉ chú trọng đến công tác dạy kiến thức phổ thông, việc giáo dục nhân cách cho các em chưa thực sự được quan tâm. Trong mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường vẫn tồn tại trạng thái đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý, giáo dục học sinh. Nhiều em trốn học, nói dối gia đình để tụ tập ăn chơi. Bên cạnh đó trong học đường vẫn tồn tại những tệ nạn như mua bán điểm, chạy trường, lớp... làm hình thành trong tâm hồn các em những nhận thức sai lệch về chuẩn mực đạo đức xã hội dẫn đến sự thiếu tin tưởng, chống đối việc dạy dỗ, chỉ bảo của thầy cô, lười học và bỏ học. Chúng dễ tụ tập đàn đúm thực hiện hành vi phạm pháp từ nhỏ nhất đến hình thành tư tưởng thích hưởng thụ bằng cách ức hiếp, chiếm đoạt của người khác, đó là mầm mống cơ bản của hành vi cướp giật tài sản.

Trong chương trình giáo dục, việc đề cập tới giáo dục nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho các em vẫn hạn chế. Do vậy, các em thiếu cú ý thức về việc chấp hành pháp luật. Tình trạng đua xe máy, cổ vũ đua xe ở Hà Nội là điển hình của việc coi

thường pháp luật của lớp trẻ. Đa số những người phạm tội cướp giật tài sản đều là những người có nhận thức pháp luật rất thấp, điều đó phản ánh khả năng nhận thức của họ, từ đó dẫn đến có những lệch chuẩn trong lối sống và là tiền đề cho việc hình thành những hành vi phạm tội.

Môi trường xã hội: con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội, con người sống và phát triển trong các mối quan hệ xã hội. Con người khi đến tuổi đi học đã bắt đầu chịu sự tác động của xã hội. Môi trường xã hội có tác động khá lớn đến quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân. Con người khi lớn lên thì càng tách mình ra khỏi gia đình, tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn do đó, cá nhân không thể tách rời khỏi mối liên hệ với xã hội. Môi trường giáo dục xã hội, đó chính là những tác động của các tổ chức đoàn thể, quần chúng, tổ chức xã hội đến cá nhân. Trong những năm qua vai trò giáo dục của các tổ chức xã hội, đặc biệt là Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên cũn nhiều hạn chế. Các tổ chức Đoàn, Đội chưa thu hút được đông đảo thanh thiếu niên tham gia vào các hoạt động của các tổ chức này. Mặt khác, chương trình hoạt động của các tổ chức trên nói chung chưa thực sự sâu sắc, thiếu sân chơi lành mạnh nhằm giáo dục chuẩn mực đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên của Thủ đô. Một thời gian dài các tổ chức này không quan tâm tới bộ phận các em có khuyết điểm, những trẻ em có hành vi vi phạm pháp luật. Nếu có sự quan tâm thích đáng của các tổ chức Đoàn, Đội phối hợp với gia đình và nhà trường trong việc giáo dục, thuyết phục, uốn nắn kịp thời những khuyết điểm, sai lầm của các em, thì sẽ mang lại hiệu quả giáo dục cao hơn.

Trong công tác giáo dục con người, dư luận xã hội đóng vai trò quan trọng. Những năm trước đây, mọi hành vi phạm tội đều bị cộng đồng lên án mạnh mẽ, thái độ này mang tính giáo dục cao trong xã hội. Do tâm lý lo ngại bị xã hội lên án nên người phạm tội tự kiểm chế hành vi phạm tội. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, các phẩm chất đạo đức bị lu mờ, lợi ích vật chất được chú trọng. Do vậy các hành vi trái pháp luật ít bị sự chỉ trích của xã hội, thậm chí có những khu vực, bộ phận, dân cư coi việc hoạt động phạm tội như là một sự tất yếu, việc bị phát hiện do chẳng may. Ví dụ: ở khu vực Phúc Xá, người dân coi tệ nạn nghiện hút, mua bán ma tuý là bình thường hoặc như việc một số thanh thiếu niên lêu lổng coi việc phạm tội là việc hiển nhiên, thành tích cá nhân. Những môi trường như vậy không thể có tính giáo dục tốt đối với thành viên sống trong

khu vực đó, nhất là lớp trẻ nếu sống trong môi trường này sẽ dễ có lối sống buông thả không lành mạnh, tư duy về giá trị đạo đức, xó hội lệch lạc. Một số đông là thanh niên do tác động của các tiêu cực xó hội, nờn đó hỡnh thành lối sống thực dụng, buông thả, ích kỷ, xa hoa, trụy lạc... Để thoả món nhu cầu, thị hiếu thấp hỡn này, họ cần nhiều tiền để tiêu xài. Họ đó tự chọn con đường phạm tội hoặc để bị rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội. Từ tác động của xó hội đến môi trường gia đỡnh làm thay đổi cơ cấu gia đỡnh, sẽ phỏt sinh nhiều vấn đề như cha mẹ do mải lo làm ăn kinh tế ít quan tâm đến con cái, gia đỡnh ly tỡn, bố mẹ đối xử thô bạo với con cái... từ đó tạo ra những lỗ hỡng trong quan hệ gia đỡnh, dẫn tới hành vi phạm tội.

Tội cướp giạt tài sản tỷ lệ người nghiện ma túy rất cao chiếm tới 90% [14]. Nhiều vụ tội phạm đó gõy ra cóc vụ cướp giạt tài sản để lấy tiền hít ma túy. Hiện nay, tỡnh trạng nghiện ma túy tại Hà Nội không những tỷ lệ tái nghiện cao, tỷ lệ mắc nghiện không giảm mà cũn diễn biến phức tạp, tinh vi. Cóc đầu mỗi cung cấp ma túy thường dùng thủ đoạn thuê trẻ em, người nghiện ma túy bán ma túy và trả công rẻ hoặc trả bằng ma túy để sử dụng. Đến khi lên con nghiện mà không có ma túy, người nghiện rất dễ manh động, hành động phạm tội một cách liều lĩnh do không làm chủ bản thõn. Trong xó hội chỳng ta hiện nay, vấn đề nắm vững pháp luật và thực hiện pháp luật trong mỗi người dân cũn hạn chế, chỳng ta chưa thực sự quan tâm giáo dục pháp luật. Trong khoảng thời gian dài pháp luật không được phổ cập rộng rãi trong nhõn dõn, nhất là lớp thanh thiếu niên. Do vậy, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, tác dụng của pháp luật từ hướng răn đe chưa được phát huy. Hầu hết những người phạm tội cướp giạt tài sản trả lời khụng hiểu gỡ về chớnh sỏch phỏp luật hỡnh sự cũng như mức độ nghiêm trọng, hậu quả đem lại cho bản thân và cho xó hội khi thực hiện hành vi. Những năm gần đây chúng ta chỉ tập trung vào việc ban hành pháp luật nên chưa coi trọng đúng mức công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhõn dõn. Chưa có sự đầu tư cán bộ, điều kiện phương tiện cần thiết để tổ chức thực hiện phổ biến và giáo dục pháp luật đạt chất lượng, hiệu quả.

Những thiếu sót, tồn tại ở cả ba môi trường giáo dục: trường học, gia đỡnh và xó hội là những nguyên nhân và điều kiện của tỡnh hỡnh tội cướp giạt tài sản. Để giải quyết những nguyên nhân và điều kiện này cần phải có thống biện pháp thích hợp trong công tác giáo dục mà thành phố cần quan tâm thực hiện.

- Về phía cơ quan bảo vệ pháp luật

Trong quá trình tiến hành tố tụng, chủ thể tiến hành tố tụng đó có thiếu trách nhiệm, chủ quan, sai lầm trong việc điều tra, truy tố, xét xử. Nguyên nhân do trình độ, năng lực nhận thức của cán bộ các cơ quan tư pháp về pháp luật, nhất là những tội phạm có mặt khách quan tương đối giống nhau như tội cướp tài sản, tội cướp giật tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tội trộm tài sản... hoặc do chủ quan, duy ý chí, lợi ích vật chất dẫn đến việc áp dụng pháp luật hõnh sự khụng đúng quy định, chủ trương, chính sách. Có rất nhiều quan điểm khi đánh giá về một hành vi, nảy sinh những vướng mắc trong xử lý các vụ phạm tội giữa các cơ quan thi hành pháp luật. Việc vận dụng quy định về các tởnh tiết tăng nặng, giảm nhẹ... trong BLHS khi truy tố, xét xử các vụ ỏn cũn thiếu chớnh xỏc. Đặc biệt trong quá trình xét xử việc quyết định hõnh phạt không tương xứng với hành vi phạm tội, không đạt mục đích giáo dục, răn đe, phũng ngừa tội phạm. Việc ỏp dụng Bộ luật tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành ỏn hõnh sự cũn nhiều thiếu sút nhất là việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp nghiệp vụ điều tra... Những thiếu sút này đó làm ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả điều tra, truy tố, xét xử và công tác đấu tranh phũng chống tội phạm núi chung và tội cướp giật tài sản nói riêng.

Một mặt khỏc, do trình độ lập pháp của ta chưa cao. Các văn bản pháp luật khi ban hành chưa thực hiện được ngay mà cũn phải chờ hướng dẫn nên người dân và ngay cả bản thân người công tác làm tư pháp không nắm được tinh thần, quy định của pháp luật. Các văn bản pháp luật và văn bản hướng dẫn thường chậm, không có tính ỏn định lâu dài do khụng cú sự dự bỏo chớnh xỏc tởnh hõnh tội phạm. Thực tế yờu cầu phổ biến phỏp luật rộng rãi trong nhõn đõn ngày càng cao, trong khi đó công tác giáo dục pháp luật chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Do thiếu hiểu biết pháp luật mà người dân dễ dẫn đến vi phạm pháp luật. Như vậy, ý thức phỏp luật kộm cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến phạm tội.

- Về phía người quản lý tài sản:

Trong thời kỳ đổi mới, mức sống người dân được nâng lên. Nhiều người, đặc biệt là phụ nữ có cơ hội làm đẹp qua các vật dụng như điện thoại di động, trang sức đắt tiền...

Quá trỗi sử dụng, cóc chủ thể này quản lý tài sản không cẩn thận là một trong những nguyên nhân chủ yếu tạo sơ hở cho kẻ cướp giật thực hiện tội phạm. Phân tích những vụ án cướp giật tài sản cho thấy hầu hết xuất phát từ sự sơ hở của những bị hại trong việc quản lý tài sản cũn rất ốt trường hợp là do các đối tượng phạm tội chủ động tạo ra các sơ hở. Sự sơ hở có thể có nhiều dạng khác nhau, xuất phát từ ý thức chủ quan thiếu đề phũng, thiếu cẩn trọng trong quản lý tài sản như để túi xách trên giỏ xe máy, cầm tiền hớ hênh, đeo nhẫn vàng, hoa tại vàng, đồ trang sức khi đi đường... đó tạo điều kiện cho bọn thực hiện hành vi cướp giật tài sản có cơ hội hoạt động.

Bên cạnh đó, người dân cũn thiếu thụng tin về tỡnh trạng, thủ đoạn cũng như địa điểm mà bọn cướp giật hay chọn để hành động. Từ đó, người dân không chú ý đến việc bảo quản tài sản của bản thân. Sự sơ hở như đó nờu trờn là một sự thật khá phổ biến và là một nguyên nhân của tội cướp giật tài sản. Nắm bắt được nguyên nhân này, chúng ta có thể có những biện pháp giúp người dân có ý thức cảnh giốc, cõch thức bảo quản hữu hiệu tài sản của mỡnh như không vừa đi xe máy vừa cầm, nghe điện thoại di động, đeo túi xách trên vai... Việc tỡm hiểu nguyên nhõn này có lợi ích trong việc đề ra các biện pháp khả thi trong việc xoá dần và khắc phục tỡnh trạng sơ hở trong quản lý tài sản những thời gian tới.

2.4. Thực trạng đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản tại thành phố Hà Nội từ 2001

2.4.1. Kết quả đấu tranh phũng chống tội cướp giật tài sản

Với vai trũ là thủ đô của đất nước, thành phố Hà Nội luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất để bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xó hội. Tuy nhiên, Hà Nội là thành phố lớn, hàng ngày diễn ra nhiều hoạt động trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xó hội và ngày càng phát triển. Hoạt động phạm tội cũng thường xuyên diễn ra và phát triển theo xu hướng chung đe dọa sự ổn định trật tự an toàn xó hội, gõy ảnh hưởng xấu đến các mặt kinh tế - chính trị. Nhiệm vụ đảm bảo, giữ gõn an ninh chính trị và trật tự an toàn xó hội trờn địa bàn Hà Nội là rất quan trọng. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, thành phố Hà Nội phải kiểm chế được sự gia tăng của tội phạm, làm giảm các loại án có tính chất nghiêm trọng cao, nâng cao hiệu quả công tác

điều tra, khám phá các vụ phạm pháp đi đôi với công tác phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng.

Về công tác phòng, chống tội cướp giật tài sản: Trong 5 năm qua, thành phố Hà Nội luận tổ chức công tác phòng, chống tội phạm nhằm kiềm chế sự gia tăng của tội phạm cướp giật tài sản với hai hướng cơ bản đó là: phổ biến, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, truyền thanh, truyền hình qua đó tạo ý thức, nâng cao hiểu biết cho nhân dân về thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm, giúp nhân dân chủ động và tự giác trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Về phía Nhà nước, cơ quan công an đó phối hợp với chính quyền địa phương trong việc tập huấn kỹ năng phòng, chống tội phạm; thành lập lực lượng tự quản, lập chốt phòng, chống tội phạm... Về phía người dân, qua việc tôn vinh, khen thưởng các điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt... đó giúp phần phớt huy vai trò nhõn đõn trong việc phõt hiẽn và tõ giác tội phạm, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng làm nũng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, qua đó đó phõt huy đợc sức mạnh tổng hợp của nhân dân trong phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản. Về phía các tổ chức chính trị - xã hội, thụng qua công hoạt động, phong trào của tổ chức mõnh như thanh niên tõnh nguyện, phụ nữ đảm đạng... đó tạo sõn chơi, môi trường sinh hoạt lành mạnh cho các thành viên đồng thời giúp cho các đối tượng phạm pháp, nghiện ma túy, làm lõ tái hũa nhập cộng đồng, ngăn chặn nguy cơ tái phạm hoặc phạm tội.

Về công tác điều tra, khám phá các vụ cướp giật tài sản tại thành phố Hà Nội: Song song với việc chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống tội cướp giật tài sản, thành phố Hà Nội cũn tiến hành đấu tranh có hiệu quả với mọi hành vi phạm tội, tập trung điều tra làm rõ, đưa xử lý kịp thời công vụ cướp giật tài sản. Qua việc làm tốt công tác điều tra, đưa xử lý nghiêm minh tội cướp giật tài sản cũng tạo điều kiện cho công tác phòng chống tội cướp giật tài sản. Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm 5 năm từ 2001-2005, Công an Hà Nội đó điều tra đó khám phá 968 vụ, bắt giữ 1.171 đối tượng phạm tội cướp giật tài sản trên tổng số 1.934 vụ cướp giật tài sản đạt tỷ lệ 50,05%. Tỷ lệ này tuy không cao, nhưng nhõn chung, công tác điều tra, khám phá của cơ quan Công an trong 5 năm qua là rất đáng khích lệ bởi lẽ đặc thù của loại án này là khó khám phá do thiếu cơ sở truy tõm, khụng cú cơ sở phát hiẽn tội phạm, người làm chứng và các

chứng cứ chứng minh không nhiều... Trong công tác điều tra các vụ cướp giật tài sản, cơ quan điều tra đó quan tâm và tập trung điều tra bóc dỡ nhiều băng nhóm tội phạm có tính chuyên nghiệp, gây án liên tục. Hoạt động điều tra đó được tăng cường củng cố ở các khâu, từ khâu tiếp nhận tin báo tội phạm, công tác thu thập chứng cứ được tiến hành khẩn trương, kịp thời. Đặc biệt trong điều tra truy xét nóng các vụ án, thông tin thu thập được của lực lượng điều tra tại hiện trường đó được thực hiện tốt, do đó kết quả điều tra đạt được khá cao. Đó tập trung chỉ đạo tốt việc điều tra làm rừ hành vi của từng người phạm tội trong các vụ cướp giật tài sản, tập hợp đầy đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội để đưa ra truy tố xét xử. Công tác mở rộng điều tra vụ án cũng thực hiện tốt, đây là một nguyên nhân của việc những năm gần đây tỷ lệ điều tra khám phá tội cướp giật tài sản đạt cao. Chỉ có đồng chí 3 vụ do khung chứng minh được tội phạm. Trong thời gian 5 năm Công an đó kết thúc điều tra chuyển truy tố 463 vụ 820 bị phạm tội cướp giật tài sản (xem bảng 2.5). Viện kiểm sát và Tòa án đó phối hợp chặt chẽ trong việc truy tố, xét xử các vụ cướp giật tài sản, mức án tuyền thể hiện rừ sự nghiêm minh của pháp luật. Theo số liệu thống kê của Tòa án Hà Nội trong 5 năm đó xử 575 bị cáo với các mức án: từ 3 năm đến 20 năm tù là 170 bị cáo chiếm tỷ lệ 29,56%; từ 3 năm trở xuống là 404 bị cáo chiếm tỷ lệ 70,26%, trong đó những bị cáo được hưởng án treo là 79 bị cáo chiếm 13,7%; mức phạt cải tạo không giam giữ là 1 bị cáo, chiếm tỷ lệ 0,17% (xem bảng 2.8).

2.4.2. Nguyên nhân của những tồn tại trong đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản tại thành phố Hà Nội

Những tồn tại trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản là trách nhiệm của toàn xã hội, từ người dân đến tổ chức, cơ quan nhà nước. Trong đó, trách nhiệm chính và chủ yếu xuất phát từ phía các cơ quan tư pháp. Về phía cơ quan công an, dù được trang bị đầy đủ kiến thức, công cụ, phương tiện... nhưng hoạt động phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng vẫn cũn chưa đạt hiệu quả cao. Về phía cơ quan Viện kiểm sát, công tác truy tố tuy kịp thời nhưng quá trờnh kiểm soát điều tra chưa thực sự đạt hiệu quả, không phát hiện hoặc thiếu triệt để trong việc định hướng điều tra, sự trách nhiệm dẫn đến việc bỏ lọt các hành vi cướp giật tài sản. Về phía cơ quan Tòa án, việc xét xử kịp thời các vụ án cướp giật đó góp phần to lớn vào việc đấu

tranh, phũng chống tội phạm. Tuy vậy, qua việc quyết định hõnh phạt, ỏp dụng cỏc tởnh tiết vụ ỏn chưa chính xỏc đỏ khụng đem lại tỏc dụng giỏo dục, rỏn đe người phạm tội.

+ Cụng tỏc tuyền truyền, phỏ biến kiến thức phỏp luật: Cụng tỏc tuyền truyền nõng cao nhận thức, ý thức cảnh giỏc cho nhõn dõn chưa đợc cỏc ngỏnh, cỏc cấp thực hiện thường xuyên, cỏ chiều sỏu và bề rộng. Trong khi đỏ, cỏ rất nhiều sơ hở mà bõn tội phạm cỏ thể lợi dụng hoạt động phạm tội. Ý thức cảnh giỏc, tự phũng ngừa mang tớnh chủ động trong mỗi người dỏn cũn hạn chế. Nhiều biện phỏp phũng ngừa đợc nêu ra nhưng không đợc mọi người thực hiện một cỏch tớch cực.

+ Công tỏc nghiệp vụ của ngỏnh Cụng an: Cụng tỏc quản lý những người cỏ tiền ỏn, tiền sự hoặc cỏ biểu hiện phạm tội theo yêu cầu của công tỏc phũng ngừa tội phạm, theo hướng làm mất đi khả năng, điều kiện cỏ thể hoạt động phạm tội trong những năm qua của Công an chưa tốt. Việc nắm tởnh hõnh, thực hiện cụng tỏc quản lý con người cũn mang tớnh hõnh thức, hành chính. Những biện phỏp chủ động nhằm ngỏn chặn ý đồ phạm tội của người cỏ tiền ỏn, tiền sự chưa đợc thực hiện một cỏch thường xuyên, cỏ hiệu quả. Nhiều người trước khi phạm tội cỏ những biểu hiện nghi vỏn nhưng không đợc đưa vào diện quản lý, hoặc tuy cỏ đưa vào nhưng không cỏ biện phỏp tỏc động tớch cực nhằm loại trừ khả năng phạm tội. Trong quá trõnh thực hiện chỏnh sỏch phỏp luật, vai trũ của người dõn, tổ chức, chỏnh quyền tham gia quản lý giỏo dục người phạm tội tại cộng đõng dỏn cư chưa thực sự đợc phát huy.

+ Công tỏc phối hợp giữa cỏc lực lượng phũng, chống tội phạm: Những biện phỏp để phũng, chống tội phạm cướp giỏt tài sản trên địa bàn cộng như vườn hoa, công viên... cũn chưa đợc thực hiện thường xuyên. Công tỏc tuần tra kiểm sỏt, hoạt động của cỏc chốt phũng, chống tội phạm cũn chưa hiệu quả. Ở cỏc tụ điểm phức tạp, lực lượng cảnh sỏt công khai và cỏc lực lượng tự quản cũn mỏng. Vỡ vậy, cũn khỏ nhiều sơ hở để bõn tội phạm cỏ điều kiện hoạt động cướp giỏt tài sản trên cỏc địa bàn này.

+ Cụng tỏc quản lý, giỏo dục phạm nhõn: tại cỏc trại cải tạo, công tỏc giỏo dục phỏp luật, lao động cải tạo cũn nhiều yếu kỏm. Trại cải tạo chưa thật sự trở thành một trường để giỏo dục, cải tạo người phạm tội, định hướng nghề nghiệp giúp họ trở thành người lương thiện khi ra trại, tỏi hoỏ nhập với cộng đõng. Những người phạm tội ra tù

thường không có việc làm, thu nhập ổn định, đời sống khó khăn, thiếu sự quan tâm của chính quyền, xó hội dẫn đến khả năng tái phạm tội cao.

+ Củng cố kiểm tra, quản lý phương tiện giao thông: Hiện nay, phương tiện giao thông cá nhân quá nhiều. Xe máy hiện rất sẵn có, để sử dụng một chiếc xe máy, đôi tượng phạm tội thường thuê xe, đi xe không biển kiểm soát, biển kiểm soát giả hoặc xe không có giấy tờ... mà khụng bị sự quản lý, kiểm tra của cơ quan chức năng. Trang bị đầu tư áp dụng khoa học kỹ thuật vào củng cố quản lý trật tự an toàn giao thụng cũn nhiều hạn chế. Việc trang bị các phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác tuần tra kiểm soát an toàn giao thụng cũn rất thiếu và không đồng bộ. Bên cạnh đó công tác quản lý công tác đăng ký quản lý phương tiện chưa được chặt chẽ để quản lý chính xác toàn bộ số xe. Việc sử dụng biển số giả, xe mua bán qua nhiều chủ không sang tòn cũn phổ biến. Hiện tượng xe nhập lậu chưa được chấm dứt. Đây là lý do làm cho củng cố quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông đường bộ gặp nhiều khó khăn, gây khó khăn cho công tác phát hiện tội phạm cướp giật tài sản.

+ Trong công tác điều tra, truy tố, xét xử tội cướp giật tài sản:

Công tác điều tra: tỷ lệ điều tra mới đạt khoảng 50,05%. Như vậy cũn khoảng 49% số vụ cướp giật tài sản chưa được điều tra làm rừ. Ngoài ra cũn cú số tội phạm ản là các vụ tội cướp giật tài sản chưa được thống kê và tiến hành điều tra, vậy cũn nhiều kẻ phạm tội nhờn như ngoài vũng phỏp luật, gõy tởm lý coi thường các cơ quan thực thi pháp luật và chúng tiếp tục phạm tội. Công tác tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm ở Công an cấp phường, xó cũn nhiều thiếu sút đó là: tiếp nhận thông tin chậm, ghi thiếu chính xác, đôi khi cũn bỏ lọt tin báo, tố giỏc...Cũn tởnh trạng dẫu vụ việc vỡ thành tích, từ đó ảnh hưởng không ít tới kết quả điều tra các vụ cướp giật tài sản.

Hầu hết các vụ án được điều tra vẫn cũn mang nặng tởnh hành chính, chậm chạp chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các biện pháp nghiệp vụ trinh sát với công tác điều tra tố tụng. Tởnh trạng điều tra tố tụng đơn thuần vẫn cũn phổ biến, nờn rất đơn giản khi thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ, từ đó định hướng cho công tác điều tra cũn hạn chế. Hầu hết cỏc vụ cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn công cộng, những tụ điểm phức tạp, dấu vết bọn tội phạm để lại rất ít, nếu điều tra viên không biết cách khai thác tãi liệu

thờ công tác điều tra sẽ gặp khó khăn. Công tác khai thác mở rộng các vụ án đó được điều tra làm rừ cũn hạn chế, khung điều tra kết luận được tất cả các hành vi phạm tội của kẻ phạm tội.

Công tác kiểm sát điều tra và thực hành quyền công tố: Trong giai đoạn điều tra, các kiểm sát viên chỉ chú trọng kiểm sát hồ sơ về tố tụng mà chưa thực sự sắc sảo trong nội dung vụ án để từ đó định hướng điều tra, phối hợp điều tra các hành vi phạm tội. Hầu hết các vụ cướp giật tài sản Viện kiểm sát không tham gia ngay từ đầu chỉ khi có hoạt động bắt giữ hoặc khởi tố vụ án thờ Viện kiểm sát mới tham gia. Viện kiểm sát hầu như không tham gia thực sự suốt quá trình điều tra mà chỉ giám sát một số hoạt động thu thập chứng cứ như khám nghiệm hiện trường, đối chất, khám xét... hoặc ở các vụ án đặc biệt nghiêm trọng. Do đó dẫn đến tởnh trạng hồ sơ trả điều tra bổ sung nhiều, việc đấu tranh với tội phạm cướp giật tài sản chưa được kịp thời. Việc phê chuẩn hay huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn của cơ quan điều tra cũn mang tởnh hành chính, nhiều khi thiếu kịp thời gây trở ngại cho công tác điều tra.

Nhiều vụ án cướp giật tài sản đưa ra truy tố trước Tòa ỏn chậm. Trờnh độ Kiểm sát viên nhiều khi chưa cao để đảm bảo tranh tụng tại phiên toà. Việc đề nghị áp dụng mức hõnh phạt đối với các hành vi phạm tội không đồng đều, cùng một hành vi phạm tội giống nhau nhưng mức hõnh phạt được đề nghị áp dụng khác nhau.

Công tác xét xử của Tòa ỏn: Tại phiên tòa, việc xột xử vẫn mang tởnh hõnh thức, cú nhiều hạn chế, vai trũ của hội thẩm nhõn dõn chưa được phát huy. Các Thẩm phán không có cơ chế đảm bảo nguyên tắc độc lập xét xử. Những vụ án phức tạp, có nhiều nguồn, sức ép tác động, Hội đồng xét xử không thực hiện được quyền tự quyết mà đều phải quyết định theo các chỉ đạo từ trước hoặc xin ý kiến chỉ đạo. Việc ỏp dụng hõnh phạt của Tòa ỏn cũng không thống nhất, đa số hõnh phạt đối với tội cướp giật tài sản cũn nhẹ, chưa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật cũng như chính sách pháp luật hõnh sự.

Cơ chế, tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng cũn hạn chế:

Đội ngũ cán bộ ở các cơ quan tư pháp cũn thiếu và yếu. Cơ quan điều tra cũn thiếu lực lượng ở các cấp cơ sở. Trờnh độ, năng lực của đội ngũ điều tra viên và cõn bộ trình sỏt cũn hạn chế, mù hõnh, bộ mỷm tổ chức của cơ quan điều tra vẫn cũn bất hợp lý,

công kênh, chòng chéo dẫn đến không hiệu quả. Phối kết hợp giữa cơ quan điều tra và các cơ quan trinh sát của lực lượng cảnh sát nhân dân các cấp thiếu nhịp nhàng, chặt chẽ trong quá trình điều tra.

Đội ngũ kiểm sát viên các cấp, Thẩm phán của Tòa án hầu như sự công cấp cũn thiếu về số lượng, một số bộ phận trình độ năng lực chuyên môn kém, kiến thức xã hội thấp, trình độ lý luận chính trị thấp và không có cơ chế đào tạo bổ sung, không đáp ứng được yêu cầu công tác truy tố, xét xử. Đặc biệt là khả năng điều tra, tranh tụng công khai trước Tòa của kiểm sát viên và Tòa án cũn nhiều hạn chế. Một số công bộ cũn thiếu trách nhiệm, nể nang, cơ hội... hoặc có khuynh hướng né tránh, đùn đẩy trong thực hiện nhiệm vụ. Việc tiếp thu, áp dụng khoa học kỹ thuật cũn chậm. Đa số cán bộ trong ngành tư pháp không biết về internet, fax thậm chí không biết cả việc sử dụng máy vi tính, máy photo copy.

Sự phối kết hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cũn hạn chế do năng lực, trình độ chuyên môn chênh lệch, tư tưởng bảo thủ đôi lúc cản trở nhau, kìm hãm nhau. Vấn đề này rất hay xảy ra, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quan hệ giữa các ngành trong hoạt động tố tụng hầu như.

Cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng cũn thiếu thốn, nhiều trụ sở làm việc, phòng xét xử của Tòa án cũn rất tồi tãn. Trong hoạt động tố tụng các cơ quan tư pháp vẫn dùng phương pháp thủ công, ít có sự áp dụng khoa học kỹ thuật từ việc tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin, bảo quản hồ sơ... đến báo cáo thống kê do vậy làm ảnh hưởng đến việc đánh giá tởnh hầu tội phạm, đề ra chính sách, định hướng đấu tranh phòng, chống tội phạm. Chế độ đói ngộ, cụng tọc thấp ảnh hưởng đến kết quả điều tra.

2.5. dự báo về tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố hà nội

Dự báo tởnh hầu tội phạm là dự báo xu hướng phát triển của tội phạm trong tương lai, các nguyên nhân, điều kiện phạm tội và khả năng phòng ngừa tội phạm ở từng giai đoạn [42, tr. 221]. Dự báo tởnh hầu tội phạm cướp giật tài sản chính là việc phán đoán tởnh trạng phạm loại tội này trong tương lai và khả năng đấu tranh, phòng, chống tội cướp giật tài sản. Nếu việc dự báo này chính xác, chúng ta sẽ có thể xác định được

diễn biến, mức độ của tởnh hỡnh tội phạm trong tương lai, phát hiện những diễn biến và quy luật ảnh hưởng tới tởnh hỡnh tội phạm, trờn cơ sở đó đề ra các biện pháp chuẩn bị, ngăn chặn, điều tiết phục vụ cho việc đấu tranh, phũng chống tội phạm.

Dự bảo tội phạm cú ý nghĩa hết sức quan trọng. Những kết quả của nú cho phỏp lựa chọn phương pháp tối ưu, phù hợp với thực tế để tổ chức đấu tranh, phũng chống tội phạm cú hiệu quả. Từ đó, các cơ quan chức năng cú phương hướng hoạt động của mỡnh được xác định chính xác hơn, giảm các chi phí về vật chất, sức lực và thời gian trong việc đấu tranh phũng chống, phũng ngừa tội phạm. Muốn cú dự báo chính xác, bản thân số liệu thống kê phải chính xác, các tài liệu dự bảo tởnh hỡnh kinh tế, chính trị, xó hội phải chính xỏc, trờnh độ cán bộ chuyên môn phải cao để cú đánh giá chính xác tởnh hỡnh tội phạm hiện tại từ đó đưa ra dự đoán sát thực tế nhất.

Những dự bảo về tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản trờn cơ sở phân tích, đánh giá về các nguyên nhân, điều kiện của tội cướp giật tài sản, những nhân tố ảnh hưởng tới tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản. Các tài liệu dự bảo về tởnh hỡnh chính trị, kinh tế, dân số, văn hoỏ, xó hội của Hà Nội trong thời gian tới, cú thể làm căn cứ cho việc nghiên cứu đưa ra dự báo về tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản ở Hà Nội, trong thời gian 5 năm từ năm 2006-2010.

Qua các số liệu thu thập được về tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản trờn địa bàn thành phố Hà Nội cùng các thông tin về các đặc điểm riêng của thành phố Hà Nội như dân cư, đời sống...trong 5 năm qua, chúng ta cú thể đưa ra đánh giá về tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản trong 5 năm tới. Trong thời giai đoạn từ năm 2006-2010, tởnh hỡnh tội phạm nú chung ở Hà Nội sẽ cũn diễn biến phức tạp. Nhóm cỏc tội xỏm phạm sở hữu trong đó cú tội cướp giật tài sản vẫn chiếm số lượng lớn trong tổng số tội phạm diễn ra và sẽ tiếp tục tăng. Một số loại tội nghiêm trọng như giết người, cướp tài sản, gây thương tích, cướp giật tài sản... không giảm mà cũn cú xu hướng tăng. Lý do chủ yếu của việc gia tăng tội cướp giật tài sản trong thời gian tới là vỡ sự phõn húa giàu nghèo, tởnh trạng thất nghiệp, nghiện hỳt, mụi trường kinh doanh khắc nghiệt, phương tiện giao thông cá nhân cũn phỏ biến... Trong điều kiện kinh tế thị trường, cùng với tội cướp giật tài sản, những tội phạm mới xuất hiện như: bảo kê, đằm thuê chém mướn kiểu xó hội đen, đũi nợ thuờ...cũng sẽ phỏt triển. Loại tội nỳp dưới danh

nghĩa các hoạt động dịch vụ cầm đồ, buôn bán hàng hóa cũ như tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, che dấu tội phạm...cũng có khả năng sẽ tiếp tục phát triển theo. Sự phát triển của các băng nhóm tội phạm trẻ tuổi ngày càng phát triển, hoạt động phạm tội có tính chất manh động, nguy hiểm cao do ảnh hưởng của phim ảnh. Xu hướng phạm tội có tổ chức, cấu kết chặt chẽ tiếp tục xuất hiện; sẽ có sự xuất hiện của nhiều tổ chức tội phạm trong nước cũng như tổ chức tội phạm quốc tế Hà Nội và các địa phương khác ở Việt Nam.

Trong phạm vi 5 năm tới, Hà Nội bình quân mỗi năm xảy ra khoảng 430 đến 460 vụ cướp giật tài sản, chiếm tỷ lệ 6,3- 6,7% số vụ phạm phốp hỡnh sự. Nhỡn chung số vụ cướp giật tài sản không tăng nhiều nhưng tính nguy hiểm sẽ cao hơn, diễn biến phức tạp. Tỡnh hỡnh tội cướp giật tài sản những năm tới sẽ tăng giảm thất thường, trong hai năm đầu có thể có xu hướng giảm xuống khoảng 420 – 440 vụ mỗi năm, sau đó lại tiếp tục tăng cao. Tính chất nguy hiểm trong hoạt động phạm tội tăng cao như: sử dụng vũ khí để hành hung tẩu thoát, sử dụng xe máy phân khối lớn để cướp giật tài sản gây hậu quả nghiêm trọng, sử dụng công cụ, phương tiện khác thay cho giật bằng tay nhằm đạt hiệu quả cao khi giật tài sản, gây nguy hiểm sức khỏe, tính mạng người bị hại, gây mất trật tự an toàn giao thông trong thành phố, những người phạm tội có thể thực hiện hành vi cướp giật tài sản liên tục trong một thời gian, một địa bàn nhất định rồi nghỉ hoặc di chuyển đến địa phương khác nhằm gây khó khăn cho việc điều tra, phát hiện tội phạm.

Đối tượng hoạt động của bọn cướp giật tài sản chủ yếu vẫn là phụ nữ và có cả người già và trẻ em. Đây là những người hay dùng đồ trang sức, tài sản có giá trị như điện thoại di động, đồng hồ...và họ có nhiều sơ hở trong quản lý tài sản, ít có khả năng truy bắt kẻ phạm tội. Tính chất nghiêm trọng do hoạt động của bọn cướp giật tài sản gây ra trong lĩnh vực này sẽ cũn phức tạp trong 5 năm tới: như gây rất trật tự an toàn giao thông, gây những thiệt hại lớn về tài sản, sức khỏe, tính mạng mọi người... Đối tượng phạm tội mà tội phạm cướp giật tài sản vẫn nhằm tới là những loại tài sản dễ tiêu thụ, có giá trị kinh tế cao như tiền, vàng, đồ trang sức, điện thoại di động.

Xu hướng hỡnh thành băng nhóm phạm tội cướp giật tài sản trẻ tuổi đang xuất hiện và ngày càng phát triển thông qua mạng internet; hoặc băng nhóm tội phạm có tổ chức chặt chẽ, lâu dài để hoạt động phạm tội, có sự liên kết, hũa nhập giữa cõc đối tượng, nhóm đối

tượng trong nhiều địa phương khác rồi từ đó hõnh thành nên các tổ chức phạm tội trong nước hay quốc tế cũng có xu hướng phát triển. Các tổ chức tội phạm, nhóm tội phạm tội đơn lẻ thực hiện hành vi phạm tội không chỉ trên địa bàn nhất định; sau khi cướp giật tài sản ở địa phương này lại đem tiêu thụ tài sản ở các địa phương khác nhằm chống lại sự phát hiện của cơ quan điều tra sẽ tiếp tục tăng. Hoạt động thuê xe, dùng biển kiểm soát giả sẽ giảm nhưng những kẻ phạm tội sẽ chuyển sang sử dụng xe ăn cắp.

Thủ đoạn hoạt động của bọn cướp giật tài sản ngày càng tinh vi, tránh việc bị bắt giữ hay không chiếm đoạt được tài sản. Bên cạnh đó, người phạm tội hành động sẽ có sự táo bạo, trắng trợn, nguy hiểm hơn, thể hiện qua việc bọn chúng sử dụng vũ khí, sử dụng các loại phương tiện, công cụ mới vào hoạt động phạm tội, chống đối lại người đuổi bắt.

Tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn đông người, các tuyến giao thông chính, các tụ điểm phức tạp sẽ tăng lên, có thể chiếm tỷ lệ 70-80% các vụ cướp giật tài sản. Phần lớn các loạt động cướp giật tài sản vẫn xảy ra trên địa bàn các quận nội thành do lưu lượng người qua lại, buôn bán đông; tài sản sơ hở nhiều, có giá trị cao như khu vực trung tâm thủ đô, hồ Hoàn Kiếm, khu phố cổ, cóc ngõ tư có đèn xanh đèn đỏ, hoặc các khu đô thị mới như Mỹ Đình, Trung Hòa, Nhân Chính...do ở các khu vực này việc tuần tra của lực lượng công an thưa, nếu có bị bắt dễ chống trả chạy trốn..

Tóm lại, trong thời gian từ năm 2006- 2010, tởnh hõnh tội phạm núi chung ở Hà Nội diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tới tởnh hõnh tội cướp giật tài sản. Tởnh hõnh tội cướp giật tài sản của Hà Nội trong 5 năm tới xu thế tăng giảm không ổn định, tỷ lệ tăng giảm trong năm không lớn. Tính chất tội cướp giật tài sản sẽ ngày càng phức tạp, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, hõnh thức phạm tội sẽ gõy bất ngờ nhiều hơn. Các vụ cướp giật tài sản xảy ra phổ biến trên các địa bàn công cộng, các tuyến đường giao thông, tập trung vào khu vực nội thành và các khu đô thị mới trong thành phố.

Chương 3

Các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Bất cứ một Nhà nước nào cũng luôn mong muốn duy trì trật tự xã hội của mình. Chỉ có duy trì sự ổn định xã hội thì Nhà nước đó mới tồn tại lâu dài được. Tội phạm là một hiện tượng xã hội tiêu cực, gây nguy hiểm hoặc đe dọa gây nguy hiểm cho xã hội. Nó làm mất trật tự trị an, ảnh hưởng sự ổn định an ninh chính trị và an toàn xã hội. Ngay từ những ngày đầu giành độc lập, Đảng và Nhà nước ta luôn thể hiện thái độ kiên quyết bài trừ các tệ nạn xã hội và tội phạm. Không những chỉ đấu tranh, trừng trị tội phạm đó xảy ra, Nhà nước ta cũng chủ động phòng, chống khủng để tội phạm xảy ra. Thông qua công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, Nhà nước ta ngăn chặn, giảm thiểu mức độ, phạm vi, hậu quả mà tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra đối với xã hội, ngăn không để cho một thành viên nào của xã hội đi vào con đường phạm tội và phải chịu các chế tài hình sự. Cùng tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là chủ động loại trừ nguyên nhân và điều kiện phát sinh, tồn tại của tội phạm. Phòng ngừa tội phạm được coi là biện pháp hiệu quả nhất xét từ các phương diện chính trị, kinh tế và xã hội trong cùng cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cốt kết quả nghiên cứu về khía cạnh pháp lý và thực tiễn diễn biến thực tế của tội cướp giật tài sản và việc đấu tranh phòng, chống nó; nhận thức người phạm tội; nguyên nhân và điều kiện của thực tiễn tội cướp giật tài sản là cơ sở cho việc đề ra các biện pháp phòng, chống tội cướp giật tài sản có hiệu quả. Các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản phải luôn mang tính chủ động và được định hướng cụ thể.

Trước hết, chúng ta phải tập trung vào việc giải quyết tiến tới dần dần thủ tiêu nguyên nhân và điều kiện hình thành, tồn tại của tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội. Qua đó, chúng ta mới có thể giải quyết được thực tiễn tội cướp giật tài sản một cách cơ bản, không để tội cướp giật tài sản có đất để tồn tại. Đây cũng là biện pháp hữu hiệu nhất, đòi hỏi sự đóng góp công sức của toàn xã hội. Thông qua việc ngăn chặn môi trường hình thành, tồn tại của loại tội này, chúng ta sẽ hạn chế được tối đa thiệt hại

vật chất, tinh thần cho xó hội cũng như hậu quả pháp lý cho bản thân người phạm tội. Để làm được điều này, chúng ta cần tập trung vào việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, giải quyết các vấn đề xó hội như việc làm, giáo dục, tệ nạn xó hội... đồng thời tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý xó hội của Nhà nước, hạn chế các mặt tiêu cực trong lối sống và phát huy những phẩm chất đạo đức, giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam.

Tiếp theo, chúng ta cần có thái độ kiên quyết đấu tranh, chống lại các hành vi vi phạm pháp luật hõnh sự núi chung và hành vi cướp giạt tài sản đó và đang xảy ra. Để làm được việc đó, chúng ta phải nhanh chóng phát hiện, điều tra làm rừ cõc đối tượng phạm tội, kịp thời xử lý xác đáng các đối tượng phạm tội. Đây là hướng đối đầu trực tiếp với tội phạm cướp giạt tài sản trõng trị, giáo dục kẻ phạm tội với mục đích là thông qua đó răn đe chính kẻ phạm tội và những đối tượng có nguy cơ phạm tội để họ không đi vào con đường phạm tội. Điều tra, khám phá, truy tố và xét xử bọn phạm tội chính là không để cho bọn tội phạm có điều kiện tiếp tục phạm tội gây nguy hại cho xó hội. Qua đó, không chỉ tác động tới cá nhân kẻ phạm tội, mà cũn tác động, làm gương cho mọi người trong xó hội theo hướng làm cho họ từ bỏ ý định phạm tội nếu có. Điều tra, xử lý tội cướp giạt tài sản kịp thời, nghiêm minh là tạo cơ sở cho việc giải quyết các nguyên nhân và điều kiện sâu xa của tõnh hõnh tội cướp giạt tài sản. Hiệu quả điều tra, xử lý tội cướp giạt tài sản phụ thuộc vào chất lượng hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật. Hai hướng phõng và chống tội phạm cướp giạt tài sản trên gắn bó mật thiết với nhau. Vừa tích cực chủ động phõng ngừa để tội cướp giạt tài sản không xảy ra đồng thời phải liên tục chủ động tấn công trõng trị, trấn áp bọn tội phạm, làm cho chúng không có điều kiện hoạt động, tạo ra thế và lực cho công tác đấu tranh phõng, chống tội cướp giạt tài sản.

Trên cơ sở hai hướng đấu tranh phõng, chống tội phạm, chõng ta cũng cần xõc định cách thức, quy mô để từ đó đề ra và triển khai các biện pháp cụ thể. Đấu tranh phõng, chống tội cướp giạt tài sản cần phải được toàn xó hội tham gia với lực lượng chủ chốt, hướng dẫn là các cơ quan tư pháp. Do vậy, chúng ta cần triển khai công tác đấu tranh phõng, chống tội phạm cướp giạt được thực hiện trên diện rộng và theo chiều sâu. Như vậy, chúng ta vừa phát huy được sự ủng hộ, tham gia của mọi cơ quan, tổ chức xó hội, mọi người dân vào việc thực hiện cõc biện pháp phõng, chống tội phạm. Mặt khác,

chặng ta vẫn thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của các cơ quan cảnh sát, tư pháp phát huy hiệu quả các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ của ngành Công an và các ngành khác trong hoạt động tư pháp, như vậy mới có thể thu được kết quả khả thi.

3.1. Các biện pháp chung

3.1.1. Biện pháp về kinh tế - xã hội

Tội cướp giật tài sản là hiện tượng xã hội tiều cực, hõnh thành và tồn tại trên cơ sở và chịu ảnh hưởng của các hiện tượng xã hội khác. Nguyên nhân và điều kiện hõnh thành, phát triển trước hết là bắt nguồn từ chính những vấn đề kinh tế - xã hội. Đất nước ta mới chuyển sang cơ chế thị trường, mọi mặt đời sống xã hội cũ nhiều thay đổi gây ảnh hưởng nhất định đến tởnh hõnh phạm tội cướp giật tài sản. Để có thể có biện pháp đấu tranh, phòng, chống tội cướp giật tài sản có hiệu quả, chúng ta phải chú ý các biện pháp về mặt kinh tế - xã hội. Thay đổi cơ chế kinh tế, nền kinh tế đất nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng có nhiều phát triển. Đời sống nhân dân được nâng cao, các vấn đề chính sách xã hội được giải quyết tốt hơn, tạo được nhiều cơ hội việc làm cho mọi người, giảm tỷ lệ đói nghèo, giải quyết được những bức xúc trong xã hội. Đó là những mặt được, cũn mặt chưa được chính là khoảng cách giàu nghèo càng lớn hơn, tội phạm gia tăng, tệ nạn xã hội phõ triển... Để giải quyết được vấn đề gia tăng tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng, Hà Nội cần tập trung chỉ đạo có định hướng theo yêu cầu đa dạng hoá nền kinh tế, phát huy tiềm năng kinh tế tư nhân, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Cần đầu tư cho một số ngành để có thể vừa phát triển kinh tế nhanh, vừa giải quyết việc làm cho người lao động, có như vậy mới có thể giải quyết vấn đề lao động dư thừa, tạo điều kiện cho người lao động có khả năng có việc làm, bảo đảm mức sống tối thiểu.

Đối với khu vực nông thôn ven nội thành, Hà Nội cần ưu tiên tập trung cho việc phát triển kinh tế, nâng cao kiến thức, hiểu biết về kinh doanh, thực hiện tốt chính sách xóa đói, giảm nghèo như cho vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình, hạn chế tỷ lệ phõ triển dõn số... nhằm nâng cao đời sống cho nhân dân ở nông thôn. Qua đó, hạn chế dần việc di dân từ ngoại thành vào Hà Nội; tạo môi trường sống, làm ăn kinh doanh lành mạnh cho các khu vực lân cận. Nếu làm tốt vấn đề này, Hà Nội sẽ tạo được một vành đai

phũng, chống tội phạm ở khu vực ven nội góp phần to lớn trong công tác đấu tranh, phũng chống tội cướp giật trong nội thành.

Đối với lực lượng lao động, Hà Nội cần quan tâm đúng mức đến một lực lượng học sinh, sinh viên ra trường ngày càng đông không có việc làm và kinh nghiệm cuộc sống. Để tạo được nhiều việc làm, Hà Nội cần có chính sách khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện, môi trường kinh doanh lành mạnh cho các loại hình kinh tế phát triển. Bên cạnh đó, để người thất nghiệp có cơ hội tìm việc làm, Hà Nội cần quan tâm, duy trợ, tạo điều kiện phát triển thêm các trung tâm xúc tiến việc làm, khuyến khích các doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên làm việc bán thời gian, trên cơ sở đó tạo nguồn việc làm cho người lao động.

Đối với doanh nghiệp, Hà Nội đó và đang thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài. Để thu hút đầu tư, Hà Nội cần thực hiện cải cách thủ tục hành chính triệt để hơn, đi vào thực chất, không phô trương hình thức, giảm bớt sỏch nhiễu phiền hà để tạo điều kiện cho các tổ chức, tập đoàn kinh tế... đầu tư phát triển kinh tế ngày càng nhiều ở Thủ đô. Cùng với việc cải cách hành chính, Hà Nội cũng cần công khai các chủ trương, quy hoạch, định hướng phát triển, tạo lũng tin và sự ủng hộ của người dân, tạo tâm lý yòn tởm cho các doanh nghiệp, giảm bớt tham nhũng. Đây cũng là một biện pháp lâu dài trong việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo cơ hội cho các cá nhân có điều kiện làm ăn sinh sống lương thiện.

Trong hoạt động quản lý kinh tế, cần tập trung thực hiện các biện pháp quản lý kinh tế có hiệu quả, hạn chế thấp nhất những tiêu cực, tội phạm trong lĩnh vực kinh tế, nhất là các lĩnh vực đầu tư xây dựng... và đặc biệt là hiệu quả của công tác chống tham nhũng. Cần nghiên cứu và đưa vào thực hiện việc quản lý hệ thống tài chính hạn chế thanh toán tiền mặt mà tập trung đầu tư, quản lý tốt việc thanh toán thụng qua tài khoản thẻ, séc cá nhân. Thực hiện chương trình này cũn là một biện pháp phũng ngừa cú hiệu quả các tội xỏm phạm sở hữu, vỡ việc sử dụng tiền mặt trong nhõn đồn sẽ hạn chế, khụng cũn nhiều sơ hở để bọn tội phạm lợi dụng hoạt động. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ thu nhập cá nhân sẽ làm hạn chế điều kiện của bọn phạm tội.

Đối với cơ quan bảo vệ pháp luật, Hà Nội cần có sự quan tâm đến cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các cơ quan tư pháp. Bên cạnh đó, cần phải có chính sách tiền lương, phụ cấp và đầu tư kinh phí thoả đáng nhằm nâng cao chất lượng thông tin và trang thiết bị cần thiết cho các lực lượng chuyên trách trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Việc tuyên dương, khen thưởng đối với các đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc đấu tranh, phòng chống tội cướp giật tài sản phải được thực hiện kịp thời với sự tham gia của toàn xã hội.

Đối với những vấn đề xã hội cũng cần được tập trung giải quyết, đó là việc thực hiện mục tiêu chăm sóc, bồi dưỡng thế hệ trẻ đặc biệt là thế hệ học sinh, phát huy nhân tố dân chủ ở cơ sở. Cần tập trung giải quyết vấn đề việc làm, tái hòa nhập cộng đồng đối với người nghiện ma túy sau khi cai nghiện, người chấp hành xong hình phạt tù và những người nhiễm HIV. Có sự quan tâm, vận động cộng đồng tạo điều kiện về việc làm, tăng thu nhập cho những người có hoàn cảnh khó khăn trên tinh thần tương thân tương ái đối với những người nghèo, người có tiền án, tiền sự... để chủ động ngăn chặn tội phạm. Thành phố cần tăng nguồn kinh phí đầu tư thêm cho các chương trình tạo việc làm cho người lao động để bảo đảm tính khả thi, và có kế hoạch quản lý sử dụng lao động hợp lý. Bên cạnh đó, thành phố phải chú trọng thực hiện công tác xã hội như chính sách gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng... trên cơ sở đó tạo ra sự tin tưởng của nhân dân vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện để toàn dân phòng, chống tội phạm. Tập trung giải quyết công tác nạn xã hội, loại trừ ngay mầm mống phát sinh tội cướp giật tài sản. Thành phố cần tập trung giải quyết đẩy lùi các tệ nạn xã hội, cờ bạc, nghiện hút. Phát huy sức mạnh của toàn dân và các ngành, các cấp trong công tác đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội, giải quyết những vấn đề xã hội là cơ sở để công tác phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Đối với các phạm nhân, Hà Nội cần có sự quan tâm đến điều kiện giam giữ, ăn ở, sinh hoạt, lao động, cải tạo trong trại giam của ngành công an và công nhân xã hội. Ngoài hoạt động tổ chức dạy nghề cho phạm nhân, trại viên trong trại giam và công nhân xã hội, cần giáo dục họ cả về tư tưởng, đạo đức, chính trị và định hướng cho cuộc sống sau khi ra trại để họ yên tâm cải tạo và khi trở về địa phương họ sớm hòa nhập với cộng đồng, tự

kiếm sống bằng sức lao động của mình. Đây là biện pháp tốt nhất để phòng ngừa tởnh trạng tở phạm tở.

3.1.2. Biện pháp về chính sách, pháp luật

3.1.2.1. Tăng cường hiệu lực của hệ thống pháp luật

Ngày 01/7/2000, BLHS năm 1999 bắt đầu có hiệu lực pháp luật. Đây là lần pháp điển hóa pháp luật hõnh sự thứ hai với sự ra đời của BLHS mới làm cơ sở pháp lý cho công tác đấu tranh phòng chống tở phạm. BLHS năm 1999 ra đời đánh dấu một bước tiến trong công tác lập pháp của chúng ta. Thông qua quy định của BLHS mới, chúng ta thấy tở cướp giật tài sản XHCN - và tở cướp giật tài sản riêng công dân đó được sát nhập thành một tở duy nhất và được quy định độc lập tại điều 136 với chế tài nghiêm khắc hơn. Như vậy, Nhà nước ta đó thể hiện quan điểm của mình trong việc bõnh đẳng đối xử đối với cở hõnh thức sở hữu, đồng thời thái độ kiên quyết đấu tranh với hành vi cướp giật tài sản của các chủ thể khác. Cùng với việc ban hành BLHS, Quốc hội nước ta đó thụng qua và ban hành Bộ luật tổ tụng hõnh sự năm 2003 cho phù hợp với các quy định mới của BLHS năm 1999. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn hiện nay cũn nhiều điểm chưa hợp lý, gõy tởm lý e ngại cho cở bộ làm công tác tư pháp, ảnh hưởng đến hiệu quả của việc mở rộng điều tra, kết quả điều tra tở phạm. Do vậy, cần tập trung hướng dẫn, sửa đổi việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thẩm quyền điều tra, xét xử nhằm đảm bảo sự chặt chẽ của pháp luật, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tổ tụng. Cùng với việc sửa đổi Pháp lệnh Điều tra hõnh sự, cở quy định về giám định tư pháp, định giá tài sản cũn cần được hoàn thiện. Trong thực tế các văn bản pháp Luật và dưới luật về giám định tư pháp cũn nhiều bất cập, gõy khụng ớt khú khăn cho công tác này mà nhất là giám định pháp y. Đồng thời phải rà soát lại hệ thống thông tư liên ngành, văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành pháp luật về hõnh sự, tổ tụng hõnh sự qua đó tổng hợp đề nghị đưa vào luật các quy định có tính khả thi, ổn định lâu dài.

Ngoài ra, chúng ta cần thường xuyên phổ biến, thông tin công khai về cở chính sách pháp luật hõnh sự để không chỉ cán bộ tư pháp mà cả từng người dân đều nắm được, thực hiện. Từ đó chúng ta mới có thể tranh thủ được sự ủng hộ, đóng góp ý kiến của nhõn dõn, làm tăng tính khả thi của các quy định pháp luật hõnh sự. Chính bởi luật pháp là cơ

sở pháp lý cho mọi hoạt động của cá nhân, tổ chức trong xã hội góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật không chỉ phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà còn phục vụ cho công tác cứu trợ của xã hội, nhằm xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh.

3.1.2.2. Nâng cao năng lực nhận thức và vận dụng quy định pháp luật hình sự về tội cướp giật tài sản

Lý luận về tội cướp giật tài sản là tương đối vững chắc, ít thay đổi trong hệ thống pháp luật hình sự. Tuy vậy, trong thực tế hành vi cướp giật tài sản đôi khi còn có các yếu tố khác gây tranh cãi trong việc định tội. Bên cạnh đó, các tôn chỉ, nguyên tắc, giảm nhẹ, định khung cũng có những nhận thức, cách hiểu khác nhau dẫn đến việc áp dụng không đồng nhất. Trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự, có không ít những vấn đề vướng mắc phát sinh trong cả nhận thức và trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ các ngành, các cấp. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử có khá nhiều nhầm lẫn giữa hành vi tội cướp giật tài sản với tội cướp tài sản, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, hay tội trộm cắp tài sản..., khi có yếu tố sử dụng vũ lực. Do đó việc nghiên cứu, phân tích đánh giá một cách toàn diện và chi tiết các yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản theo Điều 136 BLHS năm 1999 tạo cơ sở quan trọng trong việc áp dụng pháp luật xử lý đúng người, đúng tội và đưa ra chế tài xác đáng. Đây cũng là căn cứ để phân biệt giữa các hành vi phạm tội có những dấu hiệu giống nhau trong quá trình xét xử nhằm khung chừng nòng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản.

3.1.3. Biện pháp về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Hiện nay, hệ thống giáo dục còn nhiều bất cập. Học sinh, sinh viên vẫn học theo phương pháp thụ động, lượng kiến thức nhiều nhưng thiếu kiến thức pháp luật, tiếp nhận ý chí một chiều mà không có sự trao đổi, bàn bạc. Điều này làm cho hiệu quả giáo dục không cao, lý luận của nhà trường truyền tải cho học viên không có cơ hội kiểm chứng, đôi khi làm cho học viên không tin tưởng, từ chối tiếp thu. Thành phố cần đầu tư cơ sở vật chất cho ngành giáo dục, tăng thêm kinh phí để tạo trường lớp đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu cho dạy và học. Ngành giáo dục cần nghiên cứu chương trình giáo dục cho phù hợp, từng bước đưa chương trình giáo dục pháp luật vào cùng giáo dục phổ thông, nhằm làm cho trẻ em lớn lên đó phải biết pháp luật, có trình độ pháp luật tương ứng. Để thực

hiện tốt yêu cầu, nhà trường cần phải quan tâm gắn việc dạy kiến thức với việc dạy người, phải coi việc giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh quan trọng không kém dạy văn hoá. Vỡ vậy phải khắc phục ngay tởnh trạng hiện nay, chỉ quan tởm đến giảng dạy văn hoá mà không chú ý đến việc dạy lễ nghĩa, tác phong, các chuẩn mực đạo đức, quy tắc xử sự trong xó hội hoặc trao đổi thông tin cùng gia đởnh nhằm tạo phong cởch sống đúng mực.

Vấn đề xó hội quan tởm hiện nay là đạo đức người thầy. Một số nơi đó cú biểu hiện chạy điểm, chạy trường, tiêu cực gây ảnh hưởng xấu đến toàn ngành. Vỡ vậy, ngành giáo dục cần đào tạo một đội ngũ giáo viên cú phẩm chất đạo đức, kiến thức sư phạm cao, cú trách nhiệm trong giảng dạy, tận tụy với nghề, phải kiên quyết chống những mặt tiêu cực trong nhà trường, đồng thời cú biện pháp khắc phục tởnh trạng chỏn học, bỏ học, phối hợp tốt với gia đởnh quản lý thanh thiếu niờn nhằm phũng ngừa tội phạm ở lứa tuổi học đờng. Nhà nước cũng cần cú chính sách khuyến khích việc phát triển các trường dân lập và tổ chức tốt việc quản lý, ổn định nội dung, quy hoạch đào tạo, định hướng trong giáo dục. Ở các bậc học cao như các trường Cao đởng, đại học ngoài việc cải tiến cách thức giảng dạy, cũn cần tăng cường các biện pháp quản lý sinh viờn, học viờn tạo sỏn chơi lành mạnh, bổ ích, việc làm phù hợp với thời gian đi học.

Củng cố và thắt chặt sự phối hợp giáo dục ba môi trường gia đởnh - nhà trường - xó hội để thế hệ học sinh, sinh viờn khụng tiếp xýc với cởc tệ nạn xó hội, mồm mớng của tội phạm. Phổ biến kiến thức nụi dạy con cỏi, đề cao giáo dục truyền thống gia đởnh văn hóa. Cha mẹ phải là những tấm gương tốt cho con cái, và phải cú phương pháp quản lý giỏo dục con cỏi một cởch thường xuyên.

Cởc tổ chức chớnh trị, xó hội cần cú những hoạt đờng, phong trào thiết thực, biểu dương khen thưởng kịp thời các gương người tốt, việc tốt, đờng viên thành viờn của mớnh tóch cực học tập, rỏn luyện và tuyên truyền, giúp đở các cá nhân khác tránh xa các tệ nạn, biểu hiện tội phạm. Các đờn thể, tổ chức xó hội như Đời thiếu niờn, Đờn thanh niờn, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ Quốc của thành phố phối hợp chặt chẽ với nhau và với nhà trường, cơ quan pháp luật cú nhiều hỡnh thức giỏo dục, tuyền truyền kiến thức phỏp luật, tạo cho cởc chỏu ý thức tuởn thủ phỏp luật, nếp sống cụng

cộng, bảo vệ cốc giỏ trị đạo đức... thu hút thanh thiếu niên vào các hoạt động, sinh hoạt lành mạnh. Không để tởnh trạng lứa tuổi đang đi học chơi bời lêu lổng, thiếu định hướng, sàng lọc trong việc tiếp nhận thông tin trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.

Đối với những học sinh, sinh viên có lầm lỗi, công tác giáo dục phải nhẹ nhàng, mềm dẻo tránh kỳ thị ảnh hưởng tâm sinh lý, nhận thức về thế giới dễ dẫn đến việc tiếp tục sa ngã vào tệ nạn, hoạt động phạm tội. Công tác giáo dục được thực hiện ở diện rộng, bằng nhiều hình thức, với sự tham gia của đông đảo học sinh, sinh viên. Tích cực giúp đỡ, tạo điều kiện học tập đối với những đối tượng có khả năng điều kiện phạm tội, trẻ em lang thang, đối tượng hờn sự, đối tượng tệ nạn xã hội. Hầu hết những đối tượng này không có điều kiện học tập, không muốn học. Vì vậy, nên chú trọng giáo dục cho phù hợp với từng loại đối tượng, chú ý giáo dục nhân cách đạo đức gắn với giáo dục ý thức chấp hành pháp luật.

Nếu làm tốt công tác này, nhận thức pháp luật của người dân và nhất là lứa tuổi học sinh, sinh viên được nâng cao. Từ đó sẽ tạo cho mỗi người dân có ý thức chấp hành pháp luật, bảo vệ pháp luật tốt hơn. Qua đó ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn xã hội và tội phạm.

3.1.4. Biện pháp tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực về an ninh trật tự

Tội phạm là hành vi nguy hiểm hoặc đe dọa gây nguy hiểm cho xã hội. Nó không chỉ ảnh hưởng đến bản thân cá nhân, tổ chức bị thiệt hại mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm, Đảng bộ, chính quyền thành phố Hà Nội đó không ngừng củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội. Chỉ khi phát huy được vai trò trong cùng tổ chức quản lý nhà nước, khắc phục tởnh trạng buông lỏng trong cùng tổ chức quản lý nhà nước thờ ơ hoạt động phạm tội cướp giật tài sản mới được đẩy lùi.

3.1.4.1. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về nhân khẩu

Trong xã hội ngày nay, từng cá nhân rất năng động do cơ hội việc làm, sinh sống, học tập...Do vậy, việc cư trú không cố định là rất phổ biến gây khó khăn cho việc

quản lý nhân, hộ khẩu. Quản lý nhân khẩu, hộ khẩu là một trong những công tác cơ bản của quản lý hành chính về trật tự xã hội. Để làm tốt công tác quản lý cần thống nhất nhận thức, mục tiêu của công tác đăng ký quản lý hộ khẩu thường trú và tạm trú là phục vụ cho công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm. Chúng ta cần phải nghiên cứu xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật hoàn chỉnh để phục vụ cho việc tập trung quản lý cá nhân không trên cơ sở hộ khẩu, phải đổi mới tư duy, khái niệm coi trọng quản lý theo sổ hộ khẩu sang quan niệm mới người là quản lý theo thẻ cộng đồng, mọi người có một tấm thẻ để có thể thực hiện quyền công dân của mình và đều có quyền và trách nhiệm phải đăng ký nơi cư trú. Không chỉ động viên, thuyết phục cho mọi người dân hiểu rằng khai báo tạm trú là nghĩa vụ của mọi người, phải tự giác chấp hành. Mà cần có chế tài hành chính nghiêm khắc đặc biệt đối với việc khai báo tạm trú tại các khu vực nhà nghỉ, nhà trọ, nhà cho thuê. Công tác quản lý nhân khẩu, tạm trú, tạm vắng và công tác khai báo tạm trú, tạm vắng cần tập trung thực hiện ở các khu vực xóm liều, khu vực dân cư phức tạp. Công an phường xã phải bằng mọi cách nắm chắc di biến động của công dân, quản lý được người dân sống trên địa bàn, khắc phục dần tình trạng buông lỏng như hiện nay. Ngoài ra, cần phải tăng cường công tác kiểm tra thường xuyên của Công an nhằm xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm.

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về con người, trước mắt ngành Công an cần phải thực hiện tốt công tác cấp phốt, quản lý giấy chứng minh thư nhân dân, cần phải làm cho mọi người dân thấy rõ và có ý thức nghĩa vụ phải làm chứng minh thư nhân dân, sử dụng đúng mục đích. Ngoài ra, cần tạo thói quen sử dụng chứng minh thư, khi mất thì phải khai báo và có thủ tục bồi thường, tránh tình trạng kẻ phạm tội sử dụng chứng minh thư người khác để thuê xe máy thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

3.1.4.2. Tăng cường công tác đăng ký quản lý phương tiện ô tô, xe máy

Thời gian qua, do lượng xe đăng ký quá lớn, Công an Hà Nội và người dân chỉ tập trung vào việc đăng ký mới mà thường bỏ qua việc sang tên khi có sự chuyển dịch chủ sở hữu. Mặt khác, thủ tục cấp mới hoặc đổi, cấp lại giấy đăng ký xe cũ rườm rà, gây mất thời gian cho người dân, tạo tâm lý ngại phải làm thủ tục sang tên khi chuyển dịch chủ sở hữu. Công an thành phố quản lý chặt chẽ việc đăng ký, quản lý các loại phương

tiện như ô tô, xe máy, chủ động phát hiện, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng sử dụng biển kiểm soát giả, giấy tờ giả, đăng ký các loại xe nhập lậu, bất hợp pháp... Việc tổng kiểm tra phải được thực hiện liên tục trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó là việc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất. Như vậy sẽ kiểm soát được phương tiện mà bọn phạm tội sử dụng.

Cần sử dụng có hiệu quả các trung tâm quản lý dữ liệu về đăng ký xe, xe bị mất cắp, nối mạng máy tính cho Công an với các địa phương trong toàn quốc, nhằm kiểm tra, xác định các xe đăng ký, đang trong diện bị mất cắp được nhanh chóng. Ngoài ra cần nâng cao trách nhiệm cho đội ngũ làm công tác đăng ký, quản lý xe không để bọn tội phạm có thể lợi dụng.

Ngoài ra, chúng ta cần tiếp tục tuyên truyền sâu rộng cho mọi người dân nắm vững và chấp hành các quy định của Nhà nước, thông qua đó để vận động nhân dân tự giác nộp những loại vũ khí, vật liệu nổ trong nhân dân. Tạo ra ý thức nhân dân phát hiện tố giác những đối tượng cũn tàng trữ sử dụng vũ khí, vật liệu nổ cho các cơ quan nhà nước. Tiếp tục các biện pháp để ngăn chặn nguồn vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ từ các địa phương khác tuồn về Hà Nội. Thụng qua các biện pháp quản lý cung khai, nhất là hoạt động của ngành Cảnh an, Quản lý thị trường, Thuế... phát hiện sớm các khu vực, các tuyến đường mà đối tượng thường xuyên vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ vào thành phố để chủ động kiểm tra thu giữ. Cần kiểm soát các loại công cụ hỗ trợ được nhập bất hợp pháp từ Trung Quốc vào Việt Nam, qua các đường tiểu ngạch vào Hà Nội. Từ đó, làm giảm nguy cơ các đối tượng phạm pháp sử dụng khi gây án.

3.1.4.3. Tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước ở một số lĩnh vực khác về an ninh trật tự

Tăng cường hiệu lực quản lý các ngành nghề dịch vụ để chủ động phũng ngừa những thiếu sót, sơ hở trong việc cung cấp dịch vụ mà bọn tội phạm cú thể lợi dụng. Mặt khác củng cố quản lý phải khụng gõy cản trở cho việc phát triển kinh tế, khụng gõy phiền hà cho nhân dân. Trước hết tăng cường quản lý một số ngành và dịch vụ như: cầm đồ, cho thuê phương xe máy, cho thuê nhà trọ...Đồng thời tuyên truyền giáo dục để người hành nghề chấp hành đúng quy định pháp luật loại trừ khả năng tiêu thụ tài sản bất hợp

pháp và các vi phạm pháp luật khác của những người hành nghề này. Tăng cường kiểm tra, quản lý những nhà trọ, nhà cho thuê, thông qua đó phát hiện những nơi bọn tội phạm tụ tập, ẩn náu để chủ động ngăn ngừa tội phạm.

Mặt khác, thời gian qua văn hoá phẩm có nội dung độc hại tạo lối sống thực dụng, hưởng thụ trong giới trẻ đang rất phổ biến tại Hà Nội. Thành phố cần chỉ đạo các ngành chức năng, quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh văn hoá phẩm, nhất là in sao băng hõnh, đĩa hõnh. Kiểm tra xử lý triệt để các cá nhân kinh doanh cho thuê băng hõnh cú cộc hành vi lưu hành các loại văn hoá phẩm cú nội dung xấu. Thiết lập lại trật tự quản lý việc xuất bản, lưu hành các loại văn hoá phẩm cú nội dung không lành mạnh.

3.2. Các biện pháp cụ thể

3.2.1. Biện pháp tăng cường các biện pháp phòng ngừa tội cướp giạt tài sản

3.2.1.1. Nâng cao vai trò của nhân dân trong phòng ngừa tội cướp giạt tài sản

Muốn nhõn dẫn tóch cực tham gia phòng ngừa tội cướp giạt tài sản, trước hết phải tạo ra ý thức tự giác, chủ động phòng ngừa, mỗi một cụng đồn, mỗi gia đõnh, mỗi cụng đồn cư, tổ dân phố tự nâng cao ý thức cảnh giỏc trước hoạt động của bọn tội phạm. Mặt khác, chính quyền phải chủ động tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào các hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Ngoài cụng tỏc tuyền truyền, giỏo dục phỏp luật, chỏnh quyền cũn nờn xõy dựng cỏc khu phố, cụng đồn cư văn hóa. Định kỳ và đột xuất phổ biến thủ đoạn hoạt động của bọn cướp giạt tài sản, những sơ hở mất cảnh giỏc mà chúng thường lợi dụng để hoạt động phạm tội, như những phụ nữ đi ra đường phải thận trọng khi mang theo đồ trang sức đắt tiền, điện thoại di động, túi xách, những người cho thuê phương tiện cần chú ý những đối tượng thuê xe không có lai lịch rừ ràng, những cửa hàng vàng bạc cần chỳ ý những tài sản đem bán không rừ nguồn gốc, khụng cũn nguyờn vẹn... Việc tuyền truyền phải được thực hiện cả trên diện rộng và chiều sõu với nhiều hõnh thức và thông tin đa chiều. Những điểm thường xảy ra cướp giạt tài sản phải cú thông tin cảnh báo, tăng cường tuần tra.

Ngoài ra, nhõn đõn cũn cú vai trũ quan trọng tham gia nhữnđ hoạt đõng khỏc trong phong trào bảo vệ an ninh Tõ quốc. Phải tiếp tục xây dựng, phát triển phong trào nhõn đõn tự quản về trật tự an toàn xõ hội. Để làm tiền đề cho nhõn đõn trong đấu tranh phũng, chống tội cướp giỏt tài sản, cần phải vận đõng và xây dựng đợc lực lượng nũng cốt trong nhõn đõn, đó là tiõu ban bảo vệ, đõi tự quản với sự tham gia của các đõi tượng đó ra tự... Lực lượng này phải đợc tổ chức chặt chẽ, có chức năng nhiệm vụ rừ ràng. Để lực lượng này là nũng cốt trong cụng tỏc tuyên truyền vận đõng quần chúng, nũng cốt trong cụng tỏc tuần tra phũng chống tội phạm và tổ chức vây bắt tội phạm ở khu vực đõn cư. Vai trũ của quần chũng nhõn đõn trong phõt hiện, bắt giữ tội phạm rất quan trọng do tội cướp giỏt tài sản chủ yếu bị phát hiện là do nhõn đõn bắt giữ quả tang đõi tượng ngay sau khi gây ỏn.

Lực lượng Công an cần phải phát đõng thường xuyên phong trào nhõn đõn phát hiện và tố giỏc tội phạm, để nhõn đõn cú ý thức trõch nhiệm trước cộng đõng, và làm cho bọn tội phạm cảm thấy bị giám sát và sẽ bị phát hiện các vi phạm pháp luật nếu chúng hoạt đõng phạm tội. Đây là nguồn thụng tin quan trọng cho cụng tỏc phũng ngừa và điều tra tội cướp giỏt tài sản.

3.2.1.2. Nõng cao hiệu quả cỏc biện phỏp phũng ngừa nghiệp vụ

Để chủ đõng phũng ngừa tội cướp giỏt tài sản, vấn đề quan trọng là phải nắm chắc tõnh hõnh cỏc loại người có khả năng và điều kiện phạm tội, các địa bÆn, tụ điõm phức tạp mà bọn tội phạm có thể hoạt đõng. Phải xác định nhữnđ người cần thiết phải đưa vào diện quản lý, như nhữnđ người đõng có nhữnđ biểu hiện nghi vấn hoạt đõng phạm tội cướp giỏt tài sản, để từ đó tiến hành các biện pháp trinh sát. Nhữnđ đõi tượng trên cần tập trung nhữnđ biện pháp có chiều sâu như kiểm danh, kiểm diện, gọi lên giáo dục, sử dụng cơ sở, cộng tác viên giám sát hoạt đõng, lập hồ sơ xử lý hành chính. Từ đó, phân loại để áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp với từng đõi tượng cụ thể. Một biện pháp rất hiệu quả là phong trào nhõn đõn tham gia quản lý đõi tượng hõnh sự tại cộng đõng đõn cư. Cộng đõng quan tâm quản lý giỏo dục người phạm tội sẽ có tác dụng tóch cực phũng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Cần phải tập trung thực hiện tốt quy định về quản lý đõi tượng hõnh sự tại cộng đõng đõn cư. Nhõn đõn đợc phát huy vai trũ quản lý, giỏo

đục, cảm hoỏ, giỳp đỡ đỡ đỏi tượng hỡnh sự núi chung, và quản lý người phạm tội cướp giật tài sản núi riờng, những người có khả năng điều kiện phạm tội một cách hiệu quả nhất gúp phần phũng ngừa tội phạm.

Áp dụng tốt thành quả khoa học kỹ thuật trong cụng tỏc phũng ngừa, đấu tranh đỏi với tội phạm cướp giật tài sản. Cơ quan Công an cần nâng cao chất lượng tiếp nhận thông tin từ đường dây nóng để mọi người dân có thể cung cấp thông tin khi có tội phạm xảy ra. Đồng thời phải có nhiều hỡnh thức mới để thu nhận thông tin của nhân dân. Nghiên cứu triển khai trung tâm tiếp nhận xử lý tin có thể kết nối rộng và xử lý nhanh khi cú tội phạm xảy ra.

Công tác thống kê tại cả ba cơ quan: Công an, Tòa ỏn và Viện kiểm sát cần được chấn chỉnh, chú trọng. Thườì điểm làm thống kê phải giống nhau. Các tiêu chí, nội dung thống kê cần giống nhau để dễ đỏi chiếu, kiểm tra. Ngoài công tác thống kê, cả ba ngành cần quan tâm đến việc dự báo tỡnh hỡnh tội phạm trong thời gian sắp tới một cỏch chính xỏc. Trỏnh tỡnh trạng lỏp lại cỏc bỏo cỏc thống kờ cũ, số liệu khụng thống nhất.

3.2.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tở, xét xử tội cướp giật tài sản

3.2.2.1. Nâng cao chất lượng nhận và xử lý thụng tin về tội phạm, hiệu quả điều tra tội cướp giật tài sản

Cần nâng cao trách nhiệm trong việc tiếp nhận thông tin về tội phạm như: đường dây nóng, thư tở giắc tội phạm...Đa dạng hoá các điều kiện thu lượm thông tin, tạo điều kiện cho nhân dân có thể cung cấp tởi đa thông tin về tội phạm cho lực lượng Công an. Đồng thời, cần khẩn trương xác minh thông tin để xác định có hay không hành vi cướp giật tài sản xảy ra hay không để quyết định một số biện pháp trong điều tra, khai thác nhanh tài liệu phục vụ truy xét nóng: bắt giữ đỏi tượng gây ỏn, truy tởm tang vật.

Cần tạo điều kiện về kỹ thuật, vật chất để cán bộ điều tra có thể tiếp cận hiện trường, thông tin về tội phạm nhanh nhất. Chú trọng việc thu thập chứng cứ nhanh chóng, đúng pháp luật. Cơ quan điều tra phải thực hiện tốt các công tác khám nghiệm hiện

trường, thu thập tài liệu, lời khai nhân chứng, bị hại, người liên quan... Kết hợp công tác nắm tởnh hõnh, di biến động của những đối tượng thường xuyên hoạt động trên địa bàn.

3.2.2.2. *Nõng cao vai trũ của Viện kiểm sát*

Viện kiểm sát với chức năng là cơ quan kiểm sát hoạt động tư pháp và thực hành quyền công tố. Nhưng lâu nay Viện kiểm sát ít coi trọng cụng tỏc phũng, chống mà coi đó là nhiệm vụ của ngành Cụng an. Vỡ vậy, hoạt động của kiểm sát viên chỉ là kiểm tra cán bộ điều tra đó làm đúng pháp luật tỏ tụng chưa. Với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát phải kịp thời phát hiện những sơ hở của pháp luật hoặc trong việc thực hiện pháp luật của các cơ quan tư pháp. Đồng thời chủ động làm tham mưu cho Đảng và chính quyền thành phố trong cụng tỏc phũng ngừa, hạn chế sơ hở trong công tác bảo vệ pháp luật, đồng thời tham gia việc xây dựng pháp luật, các cơ chế quản lý nhà nước để phũng ngừa tội phạm. Viện kiểm sát phải nõng cao tỏch nhiệm trong việc tuyên truyền cho người dân nắm vững pháp luật. Phát hiện những điều kiện, nguyên nhân tội phạm phát sinh để chủ động phũng ngừa, trước hết ngăn ngừa những khâu sơ hở trong công tác thi hành pháp luật của các cơ quan tư pháp.

Ngành Kiểm sát cần phải phối hợp với Cơ quan điều tra các cấp ngay từ khâu tiếp nhận tin báo tội phạm, lập hũm thư tiếp nhận tin báo tội phạm cụng cấp thông tin nhận được kịp thời cho cơ quan điều tra và phối hợp với cơ quan điều tra trong việc điều tra các vụ án chưa rừ thủ phạm ngay từ khâu đầu như khám nghiệm hiện trường, tỏm hiểu lời khai cõc nhõn chứng, người bị hại... đề ra các phương hướng điều tra, mục tiêu cần xác minh làm rừ để nõng cao kết quả điều tra đối với các vụ án cướp giạt tài sản.

Đối với khâu kiểm sát bắt giữ phân loại xử lý phải kiểm sát chặt chẽ ngay từ đầu việc bắt giữ của cơ quan điều tra. Để đảm bảo việc bắt giữ người đúng pháp luật, không bắt oan người vô tội, không để lọt tội phạm. Cần phải cương quyết không phê chuẩn các trường hợp bắt khẩn cấp khi chưa đủ chứng cứ, có hành vi vi phạm nhưng không cấu thành tội phạm, hoặc không phê chuẩn lệnh tạm giam, tạm giữ đối với những người phạm tội lần đầu, tội ít nghiêm trọng, mà đối tượng phạm tội có lai lịch, nơi cư trú rừ ràng.

Đối với kiểm sát điều tra, đây là giai đoạn quan trọng làm tiền đề cho giai đoạn hoàn thành hồ sơ truy tố. Do đó, kiểm sát viên phải bám sát chặt chẽ giai đoạn khởi tố vụ

án, khởi tố bị can, kiểm sát được toàn bộ hoạt động của điều tra viên, đảm bảo điều tra đúng theo luật tố tụng hình sự, đúng nội dung vụ án, sớm phát hiện những sai sót của Điều tra viên để yêu cầu khắc phục sửa chữa, chống hiện tượng ép cung, mớm cung làm sai lệch hồ sơ, đảm bảo không để người vô tội nào bị khởi tố, bị bắt oan, không để kẻ phạm tội nào khụng bị khởi tố, xử lý trước pháp luật. Khi Kiểm sát viên nhận hồ sơ kết thúc điều tra phải nhanh chóng kiểm tra lại hồ sơ chính và hoàn thiện hồ sơ phụ. Quá trình này phải hết sức chặt chẽ, đảm bảo truy tố đúng người, đúng tội, nếu phát hiện thấy oan, sai phải đõnh chỉ vụ ỏn, đõnh chỉ bị can, nếu bị can đang tạm giam thờ phải trả tự do ngay. Nếu bị can đang tạm giam để phục vụ điều tra nay xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thờ cho huỷ bỏ biện phỏp tạm giam, thay bằng biện phỏp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hạn chế đến mức thấp nhất việc tha, tạm tha đối tượng thiếu căn cứ. Nếu thấy hồ sơ, thủ tục tố tụng chưa đầy đủ hoặc chứng cứ thiếu, yếu thờ phải trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung ngay. Giai đoạn truy tố ở Viện kiểm sát rất ngắn, do đó, đũi hỏi Kiểm sỏt vờn phải khẩn trương và chính xác, kịp thời đúng hạn luật định.

Khi thực hành quyền cung tố tại phiên tòa, đũi hỏi Kiểm sỏt vờn vừa thực hiện chức năng công tố, vừa kiểm sát sự tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa ỏn. Tham gia tranh tụng tại tòa, gúp phần truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đũi hỏi Kiểm sỏt vờn phải nghiền cứu kỹ hồ sơ vụ án, nắm chắc pháp luật và bảo đảm tính khách quan, vô tư và chỉ tuân theo phỏp luật. Nếu quả trình xỏt xử thấy hội đồng xét xử vi phạm pháp luật thờ yêu cầu khắc phục sửa chữa ngay, nếu thấy việc xỏt xử khụng đảm bảo khách quan thờ yêu cầu thay đổi Thẩm phán hay cả hội đồng xét xử. Nếu Tòa ỏn ra bản án trái pháp luật thờ phải không nghị để Tòa phúc thẩm xem xét lại. Trong trường hợp quá trình thẩm vấn cú nhiều tỡnh tiết mới mà cơ quan điều tra chưa làm rừ thờ phải rýt hồ sơ để yêu cầu cơ quan điều tra làm rừ. Khi xem xỏt mức hình phạt phải cú cỏi nhờn toàn diện để đề nghị hội đồng xét xử quyết định. Đảm bảo tính đúng đắn nghiêm minh của pháp luật mới cú tác dụng trực tiếp trong răn đe, giáo dục đối với người phạm tội.

Viện kiểm sát các cấp cần tăng cường vai trũ kiểm sỏt việc thi hành ỏn hình sự. Hiện nay, cũn tỷ lệ khá cao những đối tượng phạm tội đó bị xỏt xử nhưng do chậm hoặc chưa cú quyết định thi hành án nên chúng chưa phải thụ án lại tiếp tục phạm tội mới.

Phối hợp chặt chẽ với các ngành Tòa án - Công an để kiểm tra rà soát thường xuyên việc ra quyết định thi hành án của Tòa án và việc bắt thi hành án của Công an. Kiểm tra chặt chẽ các trường hợp được hoãn thi hành án, được miễn, giảm thi hành án do Tòa án quyết định. Đảm bảo không để bị án nào đó có đủ điều kiện thi hành án mà không được thi hành.

Viện kiểm sát chủ động phối hợp với các ngành nghiên cứu sớm những bất cập trong các quy định của pháp luật để nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, giải thích thống nhất hoặc xây dựng mới pháp luật, nhất là pháp luật hôn nhân, gia đình.

Trong điều kiện hiện nay ngành kiểm sát cần được tăng cường bổ sung thêm lực lượng cán bộ, Kiểm sát viên phục vụ cho lộ trình tăng thẩm quyền đến năm 2009. Đồng thời phải nâng cao năng lực nghiệp vụ cho Kiểm sát viên, đảm bảo đủ năng lực trong việc kiểm sát điều tra các loại án phức tạp nghiêm trọng. Như vậy mới tạo điều kiện cho cơ quan điều tra trong điều tra phá án cũng như trong truy tố, xét xử, khắc phục tình trạng kiểm sát viên năng lực hạn chế làm cản trở hoạt động điều tra, xét xử.

3.2.2.3. Nâng cao vai trò của Tòa án nhân dân

Trong thời gian qua công tác xét xử của Tòa án vẫn nhiều hạn chế. Tòa án ít chú ý đến yêu cầu phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Do đó, thời gian tới Tòa án cần chú ý hơn đến vấn đề này. Thông qua hoạt động xét xử các vụ án hôn nhân, gia đình, vụ án cướp giật tài sản, Tòa án các cấp kịp thời phát hiện sớm những sơ hở mất cảnh giác của nhân dân và sơ hở trong công tác quản lý nhà nước, cũng như phương thức thủ đoạn mới của tội phạm. Từ đó phối hợp với các cơ quan chức năng trong phòng ngừa tội phạm. Thông qua việc xét xử các vụ án nhất là các vụ án được xét xử lưu động, Tòa án tuyên truyền ý thức cảnh giác, nâng cao hiểu biết pháp luật trong nhân dân. Do vậy, thời gian tới, Tòa án cần đưa cả các vụ án cướp giật tài sản đi xét xử lưu động chứ không chỉ có án mạng, ma túy như hiện nay. Việc tăng cường hoạt động xét xử lưu động các vụ án hôn nhân, gia đình ở các địa bàn dân cư sẽ thu hút sự quan tâm của nhân dân, trên cơ sở đó làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục pháp luật rộng rãi trong nhân dân.

Trong quá trình xét xử các vụ án, TAND các cấp cần phải đảm bảo sự công minh của pháp luật. Việc áp dụng cụ thể mức hình phạt phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, với nhân thân, động cơ, mục đích phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Đặc biệt đối với các vụ án cướp giật tài sản phải xử lý nghiêm khắc để răn đe bọn phạm tội, khắc phục tình trạng quyết định hình phạt khùng đồng đều, các hành vi tương tự như nhau về những tiêu chí như trên đó nữa, nhưng mức hình phạt khác nhau.

Tòa án cần tăng cường hoạt động xét xử, đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh chống tội phạm, tránh tình trạng để án tồn đọng giải quyết kéo dài. Tổ chức xét xử kịp thời những vụ án điểm phục vụ công tác chính trị địa phương.

Tòa án cần phối hợp chặt chẽ với Công an, Viện kiểm sát làm tốt công tác thi hành án phạt tù. Đảm bảo mọi bản án có hiệu lực đều được thi hành kịp thời, hạn chế thấp nhất số bị án cũn ngoài xã hội. Quá trình xem xét cho tạm hoãn thi hành án, tạm hoãn chỉ thi hành án và xét giảm án tha tù phải chặt chẽ, chính xác, không để tình trạng tiêu cực xảy ra. Qua đó, phán quyết của Tòa án nhân danh Nhà nước mới có giá trị thực tế, góp phần răn đe, phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu dưới góc độ pháp lý hình sự và tội phạm học về tội cướp giật tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội, bước đầu luận văn đó cố gắng làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn để từ đó tìm ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống loại tội này trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả mà chúng tôi đạt được cho phép đi đến một số kết luận chung dưới đây:

1. Tõnh hõnh tội cướp giật tài sản ở Hà Nội đó và đang diễn ra phức tạp, tăng giảm thất thường. Tuy chiếm tỷ lệ không lớn trong tổng số tội phạm và là loại tội đứng thứ sáu trong nhóm tội có tính chiếm đoạt, nhưng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn. Bọn tội phạm hoạt động với thủ đoạn chủ yếu là dùng phương tiện xe máy áp sát để cướp giật của những người tham gia giao thông, tính chất tội phạm ngày càng táo bạo, trắng trợn, và xảy ra liên tiếp. Địa bàn phạm tội xảy ra chủ yếu ở các địa bàn công cộng, đường giao thông. Hậu quả gây ra cho xã hội ngày càng nghiêm trọng, thiệt hại cả tài sản và sức khỏe của con người, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân, tác động tới trật tự an toàn xã hội ở Thủ đô. Từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và ổn định chính trị của thành phố. Trong tương lai nó có xu hướng gia tăng không chỉ về số vụ mà cả về tính chất và mức độ ngày càng trầm trọng.

2. Nguyên nhân của tội cướp giật tài sản chủ yếu gồm: nguyên nhân về kinh tế - xã hội đó là sự phân hoá giàu nghèo? Những tiêu cực từ bên ngoài tác động tới nhiều mặt của đời sống xã hội. Trong xã hội cũn nhiều vấn đề bức xúc, những tiêu cực, tệ nạn xã hội chưa giải quyết được. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực an ninh trật tự cũn buông lỏng, hiệu lực quản lý hạn chế, tạo ra lỗ hổng mà bọn phạm tội lợi dụng để phạm tội. Việc giáo dục đạo đức lối sống, pháp luật trong nhân dân chưa được thực hiện tốt.

Cộng tác phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giật tài sản chưa tạo ra sức mạnh đồng bộ, tổng hợp của toàn xã hội. Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết hiệu quả trong hoạt động này. Kết quả đấu tranh phòng chống tội phạm chưa cao. Hệ thống pháp luật của chúng ta chưa đồng bộ, nhận thức pháp luật của chúng ta cũn hạn chế.

3. Đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản phải tiến hành đồng bộ các biện pháp, giải pháp, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội theo hai hướng: ngăn chặn sự phát sinh tội phạm từ đối tượng mới và ngăn ngừa tái phạm tội. Trước hết phải thực hiện các biện pháp kinh tế - xã hội: phát triển kinh tế gắn với thực hiện công chính sách xã hội. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, xây dựng con người mới XHCN. Nâng cao chất lượng giáo dục trong trường học cả về trình độ văn hoá, pháp luật, đạo đức lối sống cho lớp trẻ. Tăng cường hơn nữa hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự, bịt kín mọi sơ hở mà kẻ phạm tội lợi dụng. Phát huy vai trò của nhân dân chủ động phòng ngừa tội phạm. Nâng cao chất lượng nghiệp vụ các ngành nội chính. Việc nghiên cứu tởnh hỡnh tội cướp giật tài sản làm sáng tỏ đặc điểm, quy luật của tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tởnh trạng phạm tội trờn cơ sở đó đề ra những biện pháp đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản có hiệu quả. Tuy nhiên, những vấn đề của đề tài đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn nhằm phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và nhất là áp dụng trong thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo phòng chống ma túy Hà Nội (2004), *Báo cáo cung cấp phòng chống ma túy*, Hà Nội.
2. *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự* (1996), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự* (1994), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2000), *Tài liệu tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999*, Công ty In Ba Đồn, Hà Nội.
5. Bộ Công an, Tổng cục Cảnh sát nhân dân (1994), *Tội phạm ở Việt Nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học, số KX.04.14, Hà Nội.
6. Bộ Công an, Tổng cục Cảnh sát nhân dân (1994), *Tệ nạn xã hội ở Việt nam thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học, số KX.04.14, Hà Nội.
7. *Bộ luật hình sự Việt Nam* (1985), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. *Bộ luật hình sự Việt Nam* (1999), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. *Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam* (1988), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. *Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam* (2003), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Lê Cẩm (1999), *Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung luật hình sự*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Lê Cẩm (1999) *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề cơ bản của phần chung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

14. Nguyễn Ngọc Chí (2000), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Luận án Tiên sĩ luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
15. Công an thành phố Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
16. Công an thành phố Hà Nội (2001 -2005), *Báo cáo thống kê*, Hà Nội.
17. Công an thành phố Hà Nội, Cơ quan Cảnh sát điều tra (2001 - 2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
18. Công an thành phố Hà Nội, Phòng Cảnh sát hình sự (2001-2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
19. Công an thành phố Hà Nội, Trại tạm giam số 1, số 2 Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
20. Cục quản lý giam giữ cải tạo phạm nhân (2001- 2005), *Báo cáo tổng kết năm công tác quản lý thi hành án phạt tù*, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. *Hệ thống các quy định về pháp luật hình sự* (1994), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Ngọc Hòa (1990), "Một số ý kiến về tình tiết hành hung để tẩu thoát trong Bộ luật hình sự", *Tòa án nhân dân*, (10).
24. Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (1993), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
26. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
27. *Niên giám thống kê 2002* (2003), Nxb Thống kê, Hà Nội.
28. Đỗ Ngọc Quang (1999) *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

29. Đinh Văn Quế (1998), *Bình luận án*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
30. Đinh Văn Quế (1999), *Pháp lệnh thực tiễn và án lệ*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
31. Bùi Kiến Quốc (2001), *Các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ ở Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
32. *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các địa phương đến năm 2010* (2002), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Lê Thị Sơn (1998), "Về các giai đoạn thực hiện tội phạm", *Luật học*, (6).
34. Hoặng Ngọc Thanh (2002), *Đấu tranh phòng, chống tội trộm cắp tại sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
35. Thành ủy Hà Nội (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo thống kê năm*, Hà Nội.
38. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự từ năm 1945-1975*, tập 1, Hà Nội.
39. Tòa án nhân dân tối cao (1979), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự từ năm 1975-1978*, tập 2, Hà Nội.
40. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp (2001), *Thông tư liên tịch số 02/TTLT ban hành ngày 25/12 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.

41. Trường Đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (1994), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam -Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Đỗ Kim Tuyền (2001), *Đấu tranh phòng chống tội cướp tài sản trên địa bàn Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
45. Đạo Trí úc (Chủ biên) và các tác giả (1993), *Mô hình lý luận về Bộ luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Đạo Trí úc (Chủ biên) và các tác giả (1995), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (1999), *Báo cáo tặng điều tra dân số*, Hà Nội.
48. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (1991), *Hệ thống hóa các văn bản cần thiết cho công tác kiểm sát*, Hà Nội.
49. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2001-2005*, Hà Nội.
50. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2001-2005), *Báo cáo thống kê năm 2001-2005*, Hà Nội.
51. Trịnh Tiến Việt (2001), "Một số điểm mới về các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999", *Pháp lý*, (5).
52. Trương Quang Vinh (2000), "Các tội xâm phạm sở hữu trong Bộ luật hình sự năm 1999", *Luật học*.